

SỐ 19 NGÀY 15 - 10 - 1965

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ Ạ I

năm thứ chín

VŨ BẢO bầu cử tại Tây Đức * LÊ VĂN HẢO ảnh-
hưởng qua lại giữa dân ca với truyện Kiều * TRÀNG
THIÊN lối yêu hôm nay * SÔNG HỒNG chính sách
thuế khóa tại Bắc Việt * BÙI HỮU SÙNG theo gót
Nguyễn Du trên đường di sử * THUẦN PHONG Túy
Kiều với đại chúng * ĐOÀN THÉM địa vị kiến trúc
trong nghệ thuật * THANH TÂM TUYỀN cát lầy *
Y UYÊN người đã lên tàu * NGUYỄN NGỌC
LAN công đồng Vatican II và tự do tín ngưỡng *
SINH HOẠT NGÊ BÁ LÍ tuần lễ kỉ niệm 200 năm
sinh Nguyễn Du * TRÀNG
THIÊN thời sự văn nghệ .
THỂ NHÂN 15 ngày tin tức

211



Thanh khiết

Fine
Dịu dàng

Racée
Tonique

NƯỚC HOA
NGÔI SAO
EAU
DE
COLOGNE
L'ÉTOILE



DESORMAIS FABRIQUÉE SOUS LICENCE AU VIETNAM PAR LA S^{IE} F^{ME} DES DISTILLERIES DE L. I. C. DIC

L'EAU DE COLOGNE "L'ÉTOILE"
EST SI BONNE QU'ELLE EST SOUVENT CONTREFAITE

Assurez-vous de l'authenticité de votre achat,
en vérifiant que la capsule inviolable
que comportent les bouteilles
d'origine sous leur bouchon à
vis est bien en place



NƯỚC HOA "NGÔI SAO"
RẤT TỐT, THƯỜNG BỊ LÀM GIẢ TẠO

Muốn tìm được thứ thiệt, khi
mua quý ngài nên đề dặt kiểm
soát lại nắp chì giữa gian
bọc ở miệng chai chính gốc
nằm phía trong nắp vụn
đỉnh ốc còn nguyên vẹn.

DIC

BÁCH KHOA

THỜI ĐẠI
Số 211 ngày 15 - 10 - 1965

VŨ BẢO <i>bầu cử tại Tây Đức</i>	3
LÊ VĂN HẢO <i>ảnh hưởng qua lại giữa dân ca với truyện Kiều.</i>	13
TRÀNG THIÊN <i>lỗi yêu hôm nay</i>	25
SÔNG HỒNG <i>chính sách thuế khóa tại Bắc Việt</i>	34
ĐOÀN THÊM <i>địa vị Kiến trúc trong nghệ thuật</i>	43
Y UYÊN <i>người đã lên tàu (truyện ngắn)</i>	47
THUẦN PHONG <i>Túy Kiều với đại chúng</i>	59
NGUYỄN NGỌC LAN <i>Công-đồng Vatican II và tự do tín ngưỡng</i>	67
THANH TÂM TUYỀN <i>cát lầy (truyện dài)</i>	73
SINH HOẠT	
NGÊ BÁ LÍ <i>tuần lễ kỷ niệm 200 năm sinh Nguyễn Du</i>	80
TRÀNG THIÊN <i>thời sự văn nghệ</i>	86
THẾ NHÂN <i>15 ngày tin tức</i>	88

BÁCH-KHOA THỜI - ĐẠI

trong những số đó

Lý-Thừa-Văn và cuộc chiến tranh Triều-Tiên

Ngó qua các chặng đường xây-dựng

Tâm-sự Nguyễn-Du trên đường đi sứ

Tuồng hát bội Kim Vân Kiều

Vài điều nên lưu ý về Thời-biêu

Cơ-khí và ái tình

Một biến thể lạ lùng của chén trà Nhứt (pièces

scatologiques).

Einstein và nguyên-tử-năng

Làm sao cho học sinh bớt dốt Việt-văn

Nỗi hoài nghi của Cézanne (dịch Merleau-Ponty)

Nhạc Jazz

Hôn nhân dị chủng (lá thư Ba Lê)

Sống và viết với Nguyễn-Hiến-Lê

Con đường gai (truyện ngắn)

Chiều trong làng (truyện ngắn)

VŨ-BẢO

ĐOÀN THÊM

BÙI-HỮU-SÙNG

THUẦN-PHONG

NGUYỄN-PHƯƠNG

TRÀNG-THIÊN

VG-HỒNG SẼN

NGỌC-VÂN

NGUYỄN-HIỆN-LÊ

TRẦN-HƯƠNG-TỬ

TRẦN-VĂN-KHÊ

MỘNG-TRUNG

NGUYỄN-NGU.Í

VÕ-HỒNG

Y-UYÊN

Bầu-cử tại Tây-Đức

hay là cuộc chạy đua

ERHARD-BRANDT

Một nhóm người đổ mặt tía tai cãi nhau hàng tiếng đồng hồ về chương trình của các ứng cử viên rồi một anh khát quá chạy sang tiệm rượu trước mặt, khuôn vẽ một «két la de» đặt phịch xuống mặt bàn :

— «Cứ uống cho đã đi! Bao nhiêu tiền đã có anh mập trả»

Đó là một trong những hình ảnh cuộc bầu cử ngày 19 tháng 9 vừa qua ở Tây Đức. Anh mập đây là Erhard, ông thủ tướng phổ pháp của Tây Đức, cân nặng hơn 100 kí. Và cái ông cử tri bợm rượu đi xách «la de» về, tưởng là chỉ nói đùa chơi với các bạn, ai ngờ lại thành sự thực. Chuyện đến tai «anh mập» và Erhard đòi nhà hàng đưa hóa đơn tới, móc tiền túi ra trả ngay. Vì qua câu nói đùa, ông cử tri kia đã vô tình quảng cáo cho chương trình tranh cử của thủ tướng Tây Đức và làm mọi người liên tưởng rằng Erhard còn cầm quyền thì đời sống sẽ dễ dàng và ai nấy lúc nào cũng có thể đãi bạn một chầu rượu.

Người tranh cử, kẻ đi bầu

Năm nay Tây Đức có 38,5 triệu cử tri đi bầu tại 246 đơn vị. Đáng lý ra là 248 đơn vị nhưng tại hai quận sau khi đã khóa sổ rồi thì một ứng cử viên chết và một ứng cử viên khác, không biết có chuyện chi chán đời, đã tự tử trước ngày bỏ phiếu. Hai đơn vị đó phải dời ngày bầu cử lại tới mồng 3 tháng 10 (1)

Mỗi cử tri bỏ phiếu hai lần: lần đầu là để chọn người đại diện mình tại đơn vị và lần thứ hai là để chọn đảng thay mặt mình ở Hạ Nghị Viện Bundestag. Số ghế dành cho mỗi đảng ở Bundestag nhiều hay ít tùy theo tỷ lệ số phiếu bầu lần thứ hai mà đảng thu hoạch được nhưng thường thường kết quả lần thứ hai cũng theo lần thứ nhất.

Đảng nào không được 5 phần 100 tổng số phiếu sẽ không được ghế nào

(1) Theo tin gần đây thì tại 2 đơn vị này, tại 2 ứng cử viên thuộc đảng **CDU** thắng phiếu.

ở Bundestag hết. Riêng thành phố Tây Berlin do quy chế đặc biệt của nó không được bầu mà chỉ do các đảng chọn cử người đại diện vào Quốc Hội.

Tại Tây Đức nếu không kể các đảng nhỏ thì có 2 đảng chính trị lớn nhất :

— *Đảng Dân-Chủ Công-Giáo* (Christian Democratic Union hay C.D.U). Đó là đảng của cựu Thủ tướng Adenauer và của đương kim thủ tướng Erhard.

— *Đảng Dân-Chủ Xã-Hội* (Social Democratic Party hay S.P.D). Đó là đảng của cựu Thị Trưởng Tây Bá Linh Willy Brandt.

Ngoài ra còn phải kể tới các đảng sau đây :

— *Đảng Công Giáo Xã Hội* (Christian Social Union hay C.S.U), đảng của cựu bộ trưởng Quốc Phòng Josef Strauss có nhiều thế lực tại vùng Bavière.

— *Đảng Tự Do Dân Chủ* Free Democrat Party hay F.D.P) của phó thủ tướng Erich Mende.

Cũng có cả một đảng thiên Cộng, đảng Xã-hội thống nhất, nhưng đảng này gần như không có một ảnh hưởng gì. Dưới đây chúng ta sẽ chỉ theo dõi cuộc vận động của hai đảng chính C.D.U. và S.P.D. hay nói một cách khác chúng ta xem 2 ông Erhard và Brandt tranh cử như thế nào ?

Mười một điều tâm niệm

Sáu tháng trước ngày bầu cử, các đảng lớn đã họp lại với nhau để cùng chấp thuận "Mười một điều căn bản".

Đó cũng như là một bộ luật danh dự có những cam kết của các chính đảng sẽ tôn trọng những thỏa ước chung để cho cuộc bầu cử giữ được tính cách đứng đắn của nó. Thí dụ như về thời gian vận động, các chính đảng đồng ý với nhau sẽ chỉ phát động một tháng trước ngày bỏ phiếu, về kinh phí vận động không đảng nào sẽ chi tiêu trên 3.750.000 mỹ kim (nghĩa là nửa tỷ bạc Việt Nam) Cũng có những điều khoản buộc các ứng cử viên không được đem đời tư của đời thừa ra mà bêu xấu. Nếu không có khoản sau này thì Brandt có nhiều nhược điểm, dễ bị công kích hơn : trong thời kỳ Đức Quốc Xã và thể chiến thứ hai giữa lúc mà Adenauer và Erhard chịu bao nhiêu lao đao khổ đốn thì Brandt yên ổn sống ở nước ngoài và lấy quốc tịch Na Uy ; ngay về chuyện gia đình với hai cuộc hôn nhân, Brandt cũng không phải là ứng cử viên lý tưởng của các bà, các cô khe khắt.

Mặc dầu có mười một điều tâm niệm như vậy, các chính đảng cũng vẫn "xé rào" như thường. Thời gian vận động chưa tới nhưng bên nào cũng đã có một số hình thức vận động nguy trang. Bên C.D.U. thì tổ chức một buổi hội thảo hai ngày về kinh tế để đi tới kết luận là chính sách kinh tế của Erhard là một thành công lớn lao. Ban tổ chức lại còn cần thận thanh minh rằng kẻ nào cho cuộc hội thảo này nhằm đề cao Erhard thì kẻ đó chỉ là một tên xấu miệng, xuên tạc Bên S.P.D thì lo cho Brandt

đi thăm một số đơn vị và tuyên bố "đây chưa phải là đi đề vận động, đây mới là đi đề nghiên cứu lộ trình".

Và lẽ tất-nhiên báo chí của mỗi đảng đã chạy dài «tit» tám cột về mỗi hoạt động của ứng cử viên đảng mình.

Vận động kiểu Hoa-Kỳ

Trong khi đó thì ban tham mưu của mỗi đảng cặm cụi nghiên cứu kế hoạch vận-động. Tất cả 60.000 ngàn phòng phiếu của Tây-Đức đều được các chiến thuật gia soi kính hiển vi kỹ lưỡng về mọi khía cạnh địa điểm, thành phần và tập quán của các cử tri. Làm thế nào mà chiếm được lá phiếu của các bà nhiều hơn vì tổng số nữ cử tri lên tới 20,9 triệu vượt xa số 17,6 triệu nam cử tri. Làm thế nào mà được sự ủng hộ của 3.078.000 thanh niên sinh từ 1940 đến 1944 và vừa đến tuổi đi bầu. Đảng SPD của Brandt hy vọng rất nhiều vào thành phần sau này vì những người thanh niên mới lớn lên không còn nhớ rõ những đau khổ của nước họ khi mới chào đời, coi sự phồn thịnh mà họ hiện được hưởng như là chuyện dĩ nhiên và đang mơ mộng những lý tưởng xã hội mới. Thành phần đó cũng là mối lo âu cho đảng CDU của Erhard, nên Thủ-Tướng Tây-Đức đã phải giao cho Bruno Heck bộ trưởng bộ Gia đình và Thanh niên, làm một cuộc điều tra về các khuynh hướng tư tưởng của lớp nhười trẻ để tiện nghiên cứu chiến dịch bầu hoạch lá phiếu của họ : Bruno Heck đã đệ nạp

một phúc trình dày đến nỗi mà bản tóm tắt đã lên tới 200 trang.

Ngay cả đến thời tiết cũng đã được theo dõi và phân tích một cách tỉ mỉ. Người ta vui đầu trên các bản tin tức khí tượng của mỗi đơn vị : trời mưa thì CDU sẽ thiệt hơn vì các thành phần bảo thủ hay có tuổi ngại mưa gió không đi bầu nhưng nếu trời nắng thì lại đến lượt SPD chịu bất lợi vì thanh niên nam nữ được hôm chủ nhật trời đẹp sẽ chõ nhau trên xe máy dầu về đồng quê vui chơi, lý tưởng xã-hội hay không đề mặc cho ông Brandt giải quyết.

Nói chung thì đảng nào cũng đã ít nhiều chịu ảnh hưởng cuộc vận động tranh cử tổ chức một cách hết sức khoa học của cựu Tổng Thống John Kennedy và các chiến thuật gia của CDU và SPD đều dùng cuốn "The Making of the President 1960" của Theodore White như là một cuốn sách gối đầu tay để tham khảo rút kinh nghiệm tranh cử tại Hoa-Kỳ.

Hai chương trình gần gũi

Cũng như ở Hoa Kỳ, cuộc tranh cử ở Tây Đức vừa qua đã mất tính cách một sự đối chiếu giữa hai chương trình mà chỉ còn là sự chọn lựa giữa hai nhân vật. Vì chương trình tranh cử của C.D.U hay của S.P.D cũng gồm từng nẩy chủ đề đối ngoại cũng như đối nội, thứ nhất là ở một nước như Tây Đức với mức phát triển hiện nay và những điều kiện làm việc của thợ thuyền, đảng xã hội



Erhard và Brandt
trong cuộc chạy đua bầu cử tại Tây Đức

S.P.D., mặc dầu trong nguồn gốc đã thoát thai từ những tư tưởng Mác-Xít, nhưng trong thực tế đã trở thành một đảng của những thành phần trung lưu chẳng có khác biệt gì bao nhiêu với đảng dân chủ công giáo C.D.U.

Đối ngoại, chương trình của cả hai đảng đều tránh nói hay nói rất ít tới những vấn đề mà sự giải quyết chưa thể thực hiện trong một tương lai gần gũi, hay những vấn đề mà tính-cách tế-nhị có thể gây bối rối cho Hoa Kỳ hay cho một vài đồng minh Âu-Châu, thí dụ như là vấn đề tái vũ trang, Liên-Minh-Bắc-Đại-Tây-Dương, việc thống nhất nước Đức hay mối giao thiệp với Nga-Sô và khối Cộng-Sản Đông-Âu. Hình như không ai bảo ai, các đảng đều ần né những gai góc, cốt lo làm sao cho thắng phiếu đã, các chuyện nhức đầu kia sẽ liệu tính sau.

Đối nội, đảng CDU của Erhard đã có sẵn một chương trình tranh cử vững

vàng đặt trên căn bản sự phát triển thần tốc của Tây-Đức thời hậu chiến. Người ta gọi thành công đó là một Wirtschaftswunder nghĩa là một phép màu kinh tế và Erhard được coi như là cha đẻ của phép màu đó, mặc dầu ông đã có nhiều lần tuyên bố là nếu ông đã làm được gì trong sự khuếch trương kinh tế Tây-Đức chính là nhờ các cộng-sự-viên của ông. Hình dáng của Erhard cũng có cái gì khiến ông mang danh hiệu đó xứng đáng hơn người khác. Trông thấy ông như là trông thấy sự hiện thân của Phồn-thịnh và Sung-túc : Một thân hình phốp pháp, đôi má núng nính hồng hào, một điệu xỉ-gà gộc kẹp giữa đôi môi mỏng bóng (người ta tính ra trong 27 năm nay ông đã hút trên 20 cây số xỉ-gà) tất cả những bề ngoài hứa hẹn đó đủ khiến cho cử tri chắc dạ vững lòng, thứ nhất là phần đông cử tri đã từng biết thời kỳ đen tối khi Đức bại trận mà tiền tệ trao đổi chỉ là ít thuốc lá, cả phê do quân

Đồng-Minh chiếm đóng phát cho.

Trong 1 tháng vận động, Erhard đã đi trên 25.000 cây số, gặp gần 1 triệu cử-tri đề nhắc đi nhắc lại một thứ lý luận nôm na nhưng chắc nịch như dưới đây :

« Đồng bào còn nhớ chứ. Cách đây 20 năm là đồ nát và điêu tàn mà bây giờ Tây-Đức đang là cường quốc kỹ-nghệ, thứ nhì của thế giới, thứ nhất của Âu-Châu. Không, đồng bào đừng cho phép đảng Xã-hội lên cầm quyền để cho họ có thể mang hỗn loạn tới đây cũng như họ đang gây hỗn loạn tại các nước mà họ điều khiển. Đồng bào hãy trả lời tôi : Đồng bào chọn Brandt hay Erhard ? ?

Và cử tọa đã gào thét lên :

— Erhard ! Erhard !

Cần nghỉ dưỡng già

Đảng S. P. D. của ông Brandt đã nghiên cứu kỹ lưỡng cách phản công. Trước hết họ công nhận là nhóm của ông Erhard đã làm được nhiều công việc đáng kể. « Nhưng đó là quá khứ ! Bây giờ chúng ta phải nhìn về tương lai. Trong làng quyền thuật Đức quốc, Max Schmeling đã từng là một võ sĩ phi-thường. Nhưng bây giờ, — Brandt quay lại hỏi cử tọa —, chúng ta có khi nào lại mời Schmeling lên võ đài đấu lấy giải không ? Erhard cũng vậy. Đã đến lúc mà Erhard và các bạn của ông ta trong C.D.U. cần được nghỉ dưỡng già ». Nhưng lý luận như vậy thì cũng chẳng có gì là biện chứng « xã hội », nên

Brandt và đảng SPD đã phải nghĩ hạ đối thủ trên hai bình diện khác :

— Một là phê bình ngay chính sách kinh tế của Erhard.

— Hai là khai thác sự mâu thuẫn giữa Erhard và cựu Thủ tướng Adenauer.

Làm văn nghệ hay bán chà phô ?

Brandt đã dựa vào sự ủng hộ của một nhóm văn nghệ sĩ gọi là Nhóm 47 do tiểu thuyết gia Gunter Grass cầm đầu. Nhóm này cho xuất bản một cuốn tuyển tập nhan đề là « Đi tới một chánh phủ mới », trong đó ngoài một vài bài thơ đề cao đảng S.P.D, còn có một tiểu luận công kích chính sách kinh tế của Erhard, cho rằng chính sách này làm cho người giàu lại giàu thêm, không nâng đỡ giáo dục và khoa học, thiếu sót về y tế khiến cho số trẻ con chết non ngày một cao.

Erhard không phải là người đề cho các văn sĩ công kích về môn kinh tế nên ông ta phản ứng rất phũ phàng : « Ngày nay đã có một mốt cho các thi sĩ trở nên những nhà phê bình chính trị. Nếu họ muốn phê bình thì đó là quyền tự do dân chủ của họ. Nhưng họ đừng đề người ta coi họ như những ông bán chà phô nhận xét về những điều mà thực ra họ chẳng hiểu gì hết ». Trong một bài diễn văn tranh cử khác, khi nói tới Gunter Grass, thủ lĩnh nhóm 47, ông Erhard còn nặng lời hơn :

(1) LTS : Xin xem Gunter Grass, bài và truyện dịch của Nguyễn Minh Hoàng, trên B.K. số 149 (15-3-63).

— « Có một thứ tri thức có thể biến trở thành dốt đặc. Chúng ta có thể chứa đầy một thư viện với tất cả những sự ngu xuẩn mà Đảng Xã Hội thờ ra về kinh tế ».

Ông tân và ông cựu

Hình như Brandt cũng nhận thấy là tấn công Erhard về chính sách kinh tế không phải là một điều khôn ngoan nên Brandt quay sang khai thác mâu thuẫn giữa Erhard và cựu thủ tướng Adenauer. Mà mâu thuẫn giữa hai người đó thì rất nhiều, mâu thuẫn giữa con người với con người, mâu thuẫn về chính sách đối nội, mâu thuẫn về chính sách đối ngoại.

Trước hết, về phương diện cá nhân. Adenauer không bao giờ chịu tin có một người nào khác ông mà làm nổi Thủ Tướng Tây Đức. Ông già này năm 73 tuổi mới làm Thủ Tướng, làm trong 14 năm liền, họp tới 700 lần Hội Đồng Nội Các mà vẫn không chịu nhường chỗ cho ai hết. Luôn luôn ông ta than thở : « Lạy Chúa ! không biết rồi những kẻ kế - vị tôi làm ăn ra làm sao ? ». Riêng đối với Erhard thì Adenauer lại càng tin rằng Erhard tuy là một kinh tế gia lỗi lạc nhưng chưa đủ chín chắn về chính trị để cầm đầu một Chính Phủ. Adenauer đã có lần nói : « Erhard không thể nào trở thành Thủ Tướng cũng như tôi không thể nào trở thành một họa sĩ sơn dầu ». Và điều này làm cho hai người xung khắc với nhau một cách công khai.

Đến năm 1963, trước áp lực của những cấp lãnh đạo CDU, Adenauer

mới chịu để đơn từ chức và nhường chỗ cho Erhard. Và sở dĩ ông già bướng bỉnh ấy phải chịu rút lui là vì có hai chuyện đã làm mất khá nhiều uy tín của CDU ; một là CDU mất 26 ghế ở Bundestag trong cuộc bầu cử năm 1961, hai là vụ bộ trưởng Quốc Phòng Josef Strauss đã dính líu trong vụ bắt giam một cách lạm quyền chủ bút tuần báo Der Spiegel thuộc phe đối lập vào năm 1962.

Dù từ chức rồi, Adenauer vẫn còn nhiều lần tỏ sự bất đồng ý kiến với Erhard. Đối nội, Adenauer chủ trương lập một « Grosse Koalition » (Liên Minh rộng) nghĩa là thành lập một nội các trên căn bản liên minh giữa 2 chính đảng lớn nhất CDU và SPD.

Trái lại Erhard gạt hẳn ý kiến đó cho rằng không thể nào có sự liên minh giữa đảng Dân chủ CDU chủ trương tự do kinh tế với đảng Xã Hội chủ trương quốc hữu hóa một vài khu vực hay thiết lập những kế hoạch kinh tế có chỉ huy. Không thể nào « đồ đen » lẫn lộn được và theo Erhard chỉ có thể thành lập nội các trên căn bản Kleine Koalition (Liên minh hẹp) nghĩa là nếu CDU thắng phiếu thì CDU đề mặc SPD đứng phe đối lập và chỉ thành lập chính phủ với sự tham dự của 2 đảng nhỏ hơn, đảng Công giáo xã hội CSU của Josef Straulss và đảng Tự do Dân chủ FDP của Erich Mende.

Đối ngoại, mâu thuẫn giữa Adenauer và Erhard cũng không kém phần sâu sắc, thứ nhất là về vấn đề tài binh Erhard

tán thành chủ trương của Hoa Kỳ, nên hạn chế số quốc gia có vũ khí nguyên tử và tổ chức việc phòng thủ Âu-châu trên căn bản một lực lượng nguyên tử đa phương (force multilaterale hay F.M.L.) với sự đóng góp của các nước trong tổ chức Bắc Đại Tây Dương và sự tham dự của Tây Đức (2). Adenauer trái lại ủng hộ lập trường của tướng De Gaulle, tán thành việc Pháp có một lực lượng nguyên tử riêng biệt và cho rằng chủ trương của Hoa Kỳ là « sai lầm, nguy hiểm, ác độc » vì hạn chế số nước có vũ khí nguyên tử tức là phó mặc Âu châu cho Nga Sô.

Tất cả những sự bất đồng ý kiến đó giữa Adenauer và Erhard đã giúp cho cuộc vận động tranh cử của ông Brandt rất nhiều. Brandt đã có thể nói với các cử tri : « Các bạn coi đó ! Trong cùng một đảng CDU mà các lãnh tụ còn lục đục với nhau như vậy làm sao mà các bạn tin cậy được họ. Hãy bỏ phiếu cho những ứng cử viên chắc chắn của đảng Xã Hội S.P.D. »

Sicher isit Sicher

Cái gì chắc chắn sẽ chắc chắn ! Đó là khẩu hiệu mà Brandt và đảng SPD đã đưa ra để cho các cử tri hãy chọn lựa những người đáng tin cậy. Nhưng con trai ông ta, cậu Peter Brandt, 16 tuổi đã có một cử chỉ khiến cho một số cử tri phân vân không biết có tin cậy được đảng SPD không ? Trong khi ông thị trưởng Tây Bá Linh đi hô hào bỏ phiếu cho mình thì cậu

con ở nhà ký luôn vào bản kiến nghị của Cộng Sản buộc tội Hoa Kỳ đã « dùng hơi độc ở Việt Nam » và « buộc Hoa Kỳ phải rút quân về ».

Cha con khác chính kiến nhau là một việc thường nhưng chuyện xảy ra giữa lúc tranh cử đã đặt Brandt trong một tình thế tế nhị. Và Brandt đang khai thác sự mâu thuẫn trong đảng CDU giữa Adeauer và Erhard, còn trách làm sao được người khác khai thác sự mâu thuẫn giữa hai cha con trong một gia đình. Nên đã có người nói đùa, cho rằng việc tranh cử giữa Brandt và Erhard thực ra đã xoay quanh giữa một cậu nhỏ 16 tuổi (Peter) và một ông già lụ khụ gần 90 tuổi đầu (Adenauer).

Dân Tây Đức chọn lựa

Giữa đảng CDU lấy thành công trong quá khứ bảo đảm cho hành động của mình và đảng S.P.D hứa hẹn những lý tưởng mới và một tương lai tốt đẹp hơn, người dân Tây Đức đã nói rõ ý nghĩ của họ qua lá phiếu. Họ đã chọn lựa theo lẽ phải thông thường nhất là nắm chắc một còn hơn là ngóng trông hai, đang hưởng một nền kinh tế phồn thịnh thì việc chi mà lo thay đổi, thả mồi bắt bóng hay phiếu lưu một cách vô ích ?

Và ông Erhard, cha đẻ của phép màu kinh tế, đã thắng và sẽ giữ chức Thủ Tướng Tây Đức cho tới cuối năm 1969. Đảng SPD của Brandt cũng đã ghi một tiến bộ lớn thâu hoạch được thêm 12 ghế ở Bundestag, nhưng so với « Liên minh hẹp » của Erhard thì còn thua tới 46 ghế.

Erhard đang lo lập nội các của mình. Người ta dự đoán cũng không có nhiều

(2) coi Bách Khoa số 192. Một khủng hoảng mới trong Tổ chức Bắc Đại Tây Dương.

thay đổi trong thành phần chính phủ nhưng đầu sao Erhard cũng phải thu xếp nhiều tranh chấp cá nhân. Erhard chắc sẽ mời Strauss tham dự nội các để được sự ủng hộ của đảng Công Giáo Xã Hội C.S.U. Nhưng Strauss lại không chịu nổi Schroeder, bộ trưởng ngoại giao trong khi đó phó thủ tướng Erich Mende lại hết sức kỵ ông Strauss. Chúng ta cũng an ủi khi thấy rằng chuyện đảng phái tranh chấp cá nhân lục đục không phải chỉ là chuyện độc quyền của mấy nước chậm tiến, ở các quốc gia tiên tiến họ cũng lũng củng như vậy nhưng chỉ có điều khác là họ lũng củng được việc.

Còn ông Brandt bây giờ đang lưỡng lự. Cầm đầu đảng đối lập trong quốc hội thì phải từ chức thị trưởng Bá Linh, nhưng nếu muốn ra tranh cử một lần nữa năm 1969 thì lại cần giữ thể đứng ở chức vụ thị trưởng. Tùy theo ông ta chọn lựa thế nào trong những ngày sắp tới, chúng ta sẽ rõ dự định chính trị tương lai của ông về ghế thủ tướng ra sao.

Việc thắng cử của Erhard có những ý nghĩa gì?

Đối với người dân Tây Đức là giữ vững mức phát triển 7 phần 100 mỗi năm về sản xuất kỹ nghệ, là củng cố nền thương mại và nếu không tiến hơn được thì cũng đứng nguyên ở hàng thứ nhì thế giới về trọng lượng và trị giá hàng hóa xuất cảng, là duy trì giá ngạch lương bổng của thợ thuyền cao thứ nhất Âu Châu hiện nay, là khai triển sự «đoàn kết để tiến bộ» có một

không hai giữa giới chủ nhân và nghiệp đoàn, nói tóm lại là tiếp tục chứng tỏ sự thành công của chính sách tự do kinh tế, căn bản của sự tự do chính trị trong quan niệm của Erhard.

Đối ngoại thì sự thắng cuộc của Erhard có ý nghĩa một sự tán thành chiến lược của Hoa Kỳ và đồng thời là một sự bác bỏ gián tiếp quan điểm của De Gaulle về phòng thủ Âu châu. Erhard không tin rằng Âu châu có thể tự bảo vệ mà không có Hoa Kỳ, không tin ở lực lượng trả đũa của Pháp, và nói trắng ra là không chấp nhận một Âu châu mà De Gaulle trong khi theo đuổi giấc mộng vĩ đại của mình đã muốn dành cho Pháp vai trò lãnh đạo.

Người ta hiểu tại sao hai giờ sau khi có kết quả cuộc bỏ phiếu, Tổng-Thống Johnson đã điện thoại mừng Erhard và mời Erhard sang chơi Hoa Thịnh Đốn. Chắc chắn trong những ngày tới, Hoa Kỳ và Tây Đức sẽ lại đề cập trở lại dự án thành lập lực lượng nguyên tử đa phương F.M.L. với sự tham gia tích cực của Tây Đức, mà trước đây đã bị De Gaulle phản đối.

Tây Đức sẽ lại hoạt động để củng cố Tổ-chức Bắc Đại Tây Dương đang bị lỏng lẻo vì sự lạnh nhạt của Pháp, để làm sống lại và mở rộng Thị trường chung Âu Châu mà Pháp đã dùng quyền phủ quyết để cấm cửa Anh Quốc không cho gia nhập.

Đối với các nước Cộng-sản Đông-Âu và đối với khối Cộng-sản nói chung, Tây Đức sẽ mở một cuộc tấn công kinh tế rộng

lớn vì vẫn theo quan niệm Erhard đó là một đường lối đề thống nhất nước Đức. Trước thế chiến thứ 2, việc xuất cảng của Đức sang các nước Đông Âu lên tới 25 phần trăm tổng số. Hiện nay thì chỉ còn có 4 phần trăm, nhưng chắc chắn tỷ lệ đó tăng lên trong nhiệm kỳ mới của Erhard — Ngay đối với Trung Cộng, một phái đoàn kỹ nghệ gia và chuyên viên kinh tế đã lên đường đề nghị cứu thị trường 10 ngày sau khi Erhard thắng cử.

Nhưng riêng đối với Erhard thì cuộc thắng cử mới lại càng nhiều ý nghĩa.

Nó xóa bỏ hoàn toàn trong đầu óc mọi người những nhận xét bất công của cựu thủ tướng Adenauer cho rằng Erhard chưa đủ chín chắn về chính trị để cầm đầu chính phủ. Ngay từ khi Adenauer còn tại vị, và trong một lúc xích mích, chính Erhard đã có lần lớn tiếng :

« Tôi nhất quyết không tha thứ lời nói dối lịch sử cho rằng tôi không đủ khả năng để lãnh đạo dân tộc Đức ». Và Erhard đã giữ lời. Với đặc thắng vừa

qua, Erhard đã thực sự được dân chúng Tây Đức tin nhiệm và kính trọng như một vị Thủ Tướng lỗi lạc sau hai năm tạm thời kế vị Adenauer. Không, Erhard không còn là một Thủ Tướng « chuyển tiếp » nữa. Trong lịch sử các vị nhân thể giới, thỉnh thoảng chúng ta lại được chứng kiến sự thành công của những người được trao cho một nhiệm vụ giao thời, đã tự phát hiện như là những nhân vật xuất chúng. Đó là trường hợp Tổng Thống Hoa Kỳ Truman mà nhiều người đã ngỡ vực là không có thể thay thế được Roosevelt. Đó là trường hợp Đức giáo Hoàng Jean XXIII mà người ta không tin là đủ sức thừa kế sự nghiệp của Pie XII.

Erhard lại vừa cho chúng ta một tấm gương tự tin mới. Và cựu thủ tướng Adenauer, mà ai cũng phải công nhận là một chính khách phi thường, nếu giàu tinh thần thể thao ra, thì phải nắm tay Erhard mà nói :

« Tôi không thể nào trở thành một họa sĩ sơn dầu nhưng Erhard thực sự đã trở thành Thủ Tướng ».

VŨ BẢO

Nhà xuất - bản

SÁNG - TẠO

ĐÃ CHO PHÁT-HÀNH :

- **BẾP LỬA** của Thanh-Tâm-Tuyền
- **VỖ BỜ** của Doãn-Quốc-Sỹ
- **TIẾP NỎI** của Trần-Thanh-Hiệp

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

S. A. au capital de : 120.000.000 F. F.

Siège social : 16, Bd des Italiens-Paris 6^e

SAIGON

36, Rue Tôn-Thất-Đạm

Téléphone : 21.902 — 3 Lignes

135, Đại-lộ Nguyễn-Huệ

(Immeuble TAX)

Téléphone : 22.797 — B.P. N° E-5

PHNOM PENH

Moha ithei Preah Bat Norodom

(ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 48

B. P. 122

SUCCURSALE DE HONGKONG

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P. O. Box N° 763

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F.A.F.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B. N. C. I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis Abeba-Bureau de Représentation (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

ảnh hưởng qua lại giữa

TRUYỆN KIỀU và DÂN CA

LÊ VĂN HẢO

Qua đoạn đời lưu lạc trên đất Bắc và
ân dật nơi xứ Nghệ, ta đã thấy Nguyễn
Du sống gần gũi nhân dân như thế
nào (1).

trình học tập, tích lũy, ý thức và xử
dụng tiếng nói của dân gian. Trong bài
thơ *Thanh minh ngẫu hứng* ông viết :

«Thôn ca sơ học tang ma ngữ» (2)

Từ tuổi trẻ đến thời buổi sáng tác
Truyện Kiều, đời ông là cả một quá

(tiếng hát nơi thôn xóm giúp ta học lời
nói của kẻ hái dâu trồng gai)

oOo

1.— NGUYỄN DU GIỮA GIÒNG VĂN HỌC CHỮ HÁN VÀ TIẾNG NÓI CỦA DÂN GIAN

Vốn xuất thân từ một gia đình quý
phái quan quyền, Nguyễn Du nhớ nhiều
học rộng về kinh thư và từng trước tác
thơ chữ Hán. Do điều kiện lịch sử, tiếng
Việt đã tiếp thu một vốn chữ Hán rất
nhiều; quan hệ giữa chữ Hán và tiếng

nói của dân tộc đã đưa đến hai đặc tính
là tính quý tộc và tính dân gian trong
ngôn ngữ văn học V. N. : «Nguyễn Du là
người đã tiếp thu truyền thống điều hòa
xu hướng nhân dân và quý tộc ấy của các
nhà tiền bối đã hoàn chỉnh sự điều hòa
ấy(...) đã tránh được cái thô-sơ mà tiếp thu

(1) Lê văn Hảo, *Nguyễn Du và Truyện Kiều trong truyền thống dân gian*, in *Bách Khoa Thời Đại* số 209 (kỷ niệm 200 năm Nguyễn Du) ngày 15-9-1965, tr. 6-15

(2) *Thơ chữ Hán Nguyễn Du*, Bùi Kỳ Phan Võ, Nguyễn Khắc Hanh phiên dịch và giới thiệu, 1959, tr. 53-64.

được cái tốt đẹp của tiếng nói nhân dân cũng như đã thấu thái được cái tinh hoa của văn học Trung quốc mà không rơi vào sự mắc mỏ, cầu kỳ » (3).

Nhà nho Nguyễn Du biết xử dụng vốn ngôn ngữ dân gian một cách tài tình. Lời thơ ông thường thì thanh tao trang nhã nhưng đôi khi vẫn mang những tiếng chửi như : « Chém cha cái số hoa đào » hay như đoạn tả dáng điệu khâu khí của Tú Bà : « Gái tơ mà đã ngửa nghề sớm sao ». Những chữ những câu này, cũng như những tiếng thông thường hằng ngày vì được đặt đúng chỗ nên có ý nghĩa và hay thêm.

Có những câu tưởng như không có gì là nên thơ, chỉ giống lời nói ở của miệng mọi người nhưng lại là câu hay và sống động. Ví dụ, đề nói lên tâm trạng vừa giận vừa khinh vừa chua chát của Thúy - Kiều trước thái độ bỉ đời của Sở Khanh khi Sở Khanh vác « mặt mo » đến đòi đánh Kiều sau khi đã lường gạt nàng, Nguyễn Du viết :

*Nàng rằng thôi thế thì thôi
Rằng không thì cũng vâng lời rằng không»*
(4)

(3) Lê Trí Viễn Nguyễn Du, in **Giáo trình lịch sử văn học Việt Nam** (nhiều tác giả), tập III, 1962, tr. 201-2.

(4) nt, tr. 204. Chúng ta liên tưởng đến 4 câu thơ của Phan Khôi bất bình với chế độ Cộng sản :

Làm sao cũng chẳng làm sao
Nếu có thể nào cũng chẳng làm chi
Làm chi cũng chẳng làm chi
Nếu có làm gì cũng chẳng làm sao !

Nguyễn Du cũng khéo dùng một số *hư tự* (những tiếng không có nghĩa gì cả) để làm cho câu thơ của mình « mềm mại, uyển-chuyển, gần với lời nói của quần chúng nhân dân và có nhiều tính dân tộc » (5) : những tiếng « thì », « mà » ... này nếu dùng không khéo sẽ làm cho người đọc khó chịu và có khi bật cười đó là những loại « thì là mà », những chữ « rày », « một khi » nằm vụng về trong câu thơ của nhiều truyện Nôm ra đời trước *Truyện Kiều*.

Nguyễn Du đã đưa nhiều tục ngữ và thành ngữ vào thơ của mình. Có khi ông lấy nguyên thành ngữ, có khi biến hóa nó ít nhiều nhưng bao giờ cũng để đúng chỗ nên càng làm tăng giá trị và ý nghĩa. Mặt khác, ông cũng đã sáng tác thêm một số thành-ngữ mới, như « gió bắt mưa cầm, sớm đào tối muộn, hạc nội mây ngàn, liễu ngô hoa tường » v.v.. Lại có trường hợp những thành ngữ mà người ta không biết rõ là Nguyễn - Du mượn của tiếng nói dân gian hay do Nguyễn-Du đặt ra rồi dân gian sẽ mượn lại như : « cao chạy xa bay, gạn đục khơi trong, mặt dạn mày dày » v.v..

Bên cạnh thành-ngữ, Nguyễn-Du dùng nhiều tục ngữ, đưa tục ngữ lên hàng những điển cố, như những nhà thơ, nhà văn trước ông đã dùng những điển cố vay mượn ở văn học Trung-quốc. Đây là 1 trong những cách nâng cao ngôn -ngữ nhân dân mà Hồ Xuân Hương đã từng

(5) Lê Trí Viễn, Nguyễn Du, in **Giáo Trình**, xem tr 204

áp dụng. Điều đó không những nâng cao giá trị của vốn dân tộc mà tác dụng thực tế là đem lại cho thơ văn một ý vị đậm đà, một dáng dấp thanh thoát mà khi dùng diễn cổ ngoại lai không thể có được. Nguyễn Du đã nghiên cứu ngôn ngữ thích hợp cho từng hạng người, cho nên việc Nguyễn Du đặt vào cửa miệng các nhân vật phụ nữ rất nhiều tục ngữ không phải là một việc ngẫu nhiên" (6).

Trong một thống kê chưa đầy đủ, người ta thấy có gần 100 trường hợp thành ngữ tục ngữ và thơ *Truyện Kiều* ảnh hưởng lẫn nhau, xâm nhập vào nhau (7).

Nguyễn Du cũng đã học tập nhiều ở ngôn ngữ dân gian về mặt tu từ. Kho tàng ca dao, tục ngữ, thành ngữ Việt-tục ngữ Nam rất giàu các hình thức tu

từ như *so sánh, tỉ dụ, hoán dụ, ngoa dụ, lộng ngữ* và nhất là *ẩn dụ*, thì truyện *Kiều* cũng đầy đầy những hình thức tu từ ấy. Cách nói nhiều hình tượng trong *Truyện Kiều* là cách nói bằng *ẩn dụ*; không có trang nào là không thấy một vài *ẩn dụ*. (8)

Một điểm tế nhị khác của ngôn ngữ dân gian mà Nguyễn Du đã thu thập và xử dụng là sự khai thác tính chất phong phú của âm thanh nhạc điệu tiếng Việt: Nguyễn Du đã dùng nhiều *cảm ngữ* là những tiếng đẹp về âm thanh lại giàu ý nghĩa về hình tượng: *nao nao, nho nhỏ, sè sè, rầu rầu, sạch sành sanh...* cũng như ngôn ngữ dân gian có nhiều tiếng như *xanh xanh, vàng vàng, đo đỏ, tím tím, lảng vảng, xao xác, nỉ non, lẳng lơ, bì bõm, bông bênh, lập cập, thiu thiu, thủ thủ, chập chà chập chờn, khúc kha khúc khích, v.v...*

II. — TRUYỆN KIỀU ĐÃ CHỊU ẢNH HƯỞNG CỦA PHONG DAO, DÂN CA

Bên cạnh thành ngữ, tục ngữ, cảm ngữ và các hình thức tu từ của văn học dân gian, Nguyễn Du còn vay mượn nhiều câu phong dao, dân ca.

Theo một thống kê chưa đầy đủ, người ta thấy có 200 trường hợp phong dao, dân ca và *Truyện Kiều* gặp gỡ nhau (9). Ở đây cũng như ở trường hợp thành ngữ và

gặp gỡ *Truyện Kiều*, khó mà khẳng định là phong dao dân ca đã ảnh hưởng trên *Truyện Kiều* hay ngược lại.

Điều ta có thể chắc được là Nguyễn Du đã từng sống rất gần quần chúng, quê hương Nguyễn Du là nơi hay hát ví và chính bản thân ông đã từng dự vào nhiều cuộc hát ví của nhân dân Nghệ-Tĩnh trong những năm ẩn dật, cũng như ông đã có thể dự vào những hội hát đối

(6) nt, tr. 266.

(7) *Giáo trình Văn học sử Việt-Nam*, Thế kỷ XVIII — nửa đầu thế kỷ XIX, (nhiều tác giả) Trường Đại-Học tổng hợp xb, tr. 323

(8) Lê Trí Viễn, Nguyễn Du, in *Giáo-trình...* sđd, tr. 208-09.

(9) *Giáo trình Văn học sử Việt-Nam* thế kỷ XVIII-nửa đầu thế kỷ XIX, sđd, tr. 323

đáp giữa trai gái nông dân trong những năm lưu lạc trên đất Bắc. Nguyễn Du dùng câu thơ sáu tám là hình thức văn chương phổ thông của hầu hết các loại dân ca. Có thể nói được là những câu ca dao sau đây diễn tả những cảnh tình vừa đẹp vừa sâu sắc :

*«Ai làm cho bướm lìa hoa
Cho chim xanh nở bay qua vườn hồng
Ai đi muôn dặm non sông
Để ai chưa chắt sầu đông vơi đầy*

*Trần trần như Cuội cung trăng
Biết rằng cha mẹ có bằng lòng không*

*Đôi ta đã trót lời nguyên
Chớ xa xôi mặt mà quên mắng lòng v.v...
đều là những câu đã góp phần xây dựng những câu Kiều tuyệt diệu về tình yêu (10) :*

*Sầu đông càng lắc càng đầy
Ba thu dọn lại một ngày dài ghê*

*Nằm tròn như Cuội cung mây
Trần trần một phận ấp cây đã liêu*

*Trăng thề còn đỏ trơ trơ
Dám xa xôi mặt mà thơ thốt lòng*

Nhiều câu Kiều so với câu hát phường vải chỉ xê xích một vài chữ. Như trong truyện Kiều :

*Vầng trăng ai xẻ làm đôi
Nửa in gối chiếc nửa soi dặm đường*
và :

*Ngại ngừng một bước một xa
Một lời trăn trọng châu sa mấy hàng*

(10) Vũ ngọc Phan, *Tục ngữ và Dân ca Việt-Nam* nxb. Sử học 1962. tr. 53-59

thì trong hát phường vải :

*Vầng trăng ai xẻ làm đôi
Đường trần ai vẽ ngược xuôi hời chàng
Đưa anh một bước lên đường
Cỏ xanh hai dãy mấy hàng châu sa
hay như trong truyện Kiều :*

*Lặng nghe lời nói như ru
Chiều xuân dễ khiến nét thu ngại ngừng*

thì trong hát phường vải :

*Tai nghe câu ví như ru
Đêm thu dễ khiến nét thu ngại ngừng.*

vân vân... Ta tự hỏi không biết đó là những câu hát phường vải được «Kiều hóa», hay những câu Kiều được «phường vải hóa»? Không biết Nguyễn Du đã lấy từ của hát phường vải hay nhân dân Nghệ Tĩnh giữa cuộc hát đối đáp đã mượn từ trong truyện Kiều? (11). Theo chúng tôi ảnh hưởng ấy là một ảnh hưởng qua lại.

Câu thơ sáu tám bắt đầu xuất hiện từ thế kỷ XVI trong văn học thành văn và chắc chắn có mặt trong văn học dân gian trước kia. Đến thời Nguyễn Du thì nó đã thành thực rồi. Câu thơ sáu tám của ông không mang hình thức vụng về của câu thơ trong truyện nôm thời trước ông ; những nét đặc sắc của nó là nhịp nhàng, uyển chuyển, cân đối. Chịu ảnh hưởng của tục ngữ, thành ngữ, ca dao xây dựng trên qui luật : cân đối và nhịp điệu, Nguyễn Du nghiên cứu

(11) Ninh Viết Giao, *Hát Phường Vải*, nxb. văn hóa, 1951, tr. 57-58 ; Hoàng xuân Hân ; *Nguồn gốc Văn Kiều : Hát Phường Vải*.

rất kỹ những loại cân đối ~~ở~~ số chữ, cân đối ở thanh, cân đối ở ý và ứng dụng vào câu thơ của mình làm cho nó «thành thiên biến vạn hóa, âm điệu ngon ngào, gây nên vô vàn hứng thú. Khi thì ngắt đôi câu lục, khi thì ngắt 4 chữ trong câu bát, khi thì ngắt 6 chữ trong câu bát, khi thì cho hai chữ đối nhau trong

một câu, khi thì xé một tiếng đôi ra làm hai xen vào một tiếng đôi khác v.v. Nhạc điệu trong thơ, vì thế luôn luôn biến đổi và luôn luôn phong phú. Hơn nữa nó rất gần với nhạc điệu của tiếng nói nhân dân, đúng hơn, nó là nhạc điệu của nhân dân, của dân tộc, nên nó có khả năng chinh phục mọi tầng lớp trong xã hội » (12).

oOo

III. PHONG DAO VÀ DÂN CA ĐÃ CHỊU ẢNH HƯỞNG SÂU RỘNG CỦA TRUYỆN KIỀU

Chưa có quyển sách nào được nhân dân yêu thích sâu sắc như Truyện Kiều, từ khi ra đời đến nay nó đã ảnh hưởng nhiều đến nội dung của một sinh hoạt văn nghệ dân gian quan trọng vào bậc nhất là *dân ca*. Truyện Kiều đã cung cấp đề tài phong phú cho dân ca.

Từ Bắc chí Nam, nhiều loại dân ca đã mang âm hưởng khá sâu đậm của Truyện Kiều: hát trống quân, hát quan họ, hát ví, hò miền Trung, ca Huế, hát nhân ngãi, hò miền Nam, hát sai phù thủy, hát ru em, v.v...

hát ru em:

*À ơ, em ơi em nín chị yêu
Đề chị sẽ kể Thúy Kiều cho em nghe...
hò mái đầy:*

*Xưa Kim Trọng trao trâm gửi quạt
Mười lăm năm bát ngát tấm thương*

*Nay chừ Kim Trọng xa Kiều nương
Nhớ trâm trao quạt gửi chén rượu quỳnh
tương thuở nào*

Ca Huế (điệu Tứ đại cảnh):

*Xưa Thúy Kiều hay ca vịnh
Nghe nước tiếng nước tiếng cầm đài...*

Hò chèo ghe (miền Nam):

*Đường Saigon trơn như mỡ
Cát núi Sập lạnh như sương*

*Dang tay đưa bạn lên đường
Gá duyên đề đó khác chi Kim Trọng về đề
lại khúc đoạn trường cho Kiều nương v...*

Theo Triều Dương, dân ca đã vay mượn và phát triển Truyện Kiều dưới năm hình thức chính sau đây (13):

1.— Hình thức tập Kiều tức là sáng tác mô phỏng theo lời thơ Kiều:

a) mượn ý trong truyện, như mượn lối tỏ tình giữa Thúy Kiều và Kim Trọng:

(12) Lê Trí Viễn, sđd, tr. 214 và Thuận Phong Ngô văn Phát **Nguyễn Du et la Métrique, Populaire** Sài gòn 1964

13) Triều Dương, **Đi tìm ảnh hưởng Truyện Kiều trong văn học dân gian** in tạp chí Văn học, số 4, tháng 10/1963, tr. 50 - 53.

hát quan họ :

— Rằng anh muốn kết xích thằng
Việc này cũng bởi tại lòng mẹ cha

— Thân em còn trẻ biết gì
Anh nay đã quyết em thì xin vâng

b) mượn cả câu thơ chỉ thay đổi
một vài chữ nhưng ý nghĩa khác đi

hát quan họ :

Thiếp như hoa nở trên cành
Chàng như con bướm liệng vành mà chơi.

Có trường hợp ý nghĩa được biến
hóa một cách thần tình : có lần một cô
gái quê Nghệ Tĩnh từ trên mui thuyền
bước chân xuống đầu lái hớ hênh thế
nào mà khi hạ chân sau xuống thì tã
máy mắc ngay vào cái cọc. Một anh đồ từ
trong khoang dò lạnh mắt lệ miệng « kiêu »
ra một câu :

hát ví Nghệ-Tĩnh :

Rõ ràng trong ngọc trắng ngà
Sẵn đây ta đúc một tòa thiên nhiên.
Nhưng cô đã có đủ thời giờ nhồm
giật, ngồi xuống, sửa cái vành khăn rồi
« kiêu » lại :

Mười năm em mới một lần
Hè gương cho khách hồng trần thử soi. (14)

c) mượn một vế trong câu thơ :

hát ví Nghệ Tĩnh :

Gà đà giục khách anh hùng
Nước non đề chữ tương phùng kiếp sau

d) Mượn một vài câu Kiều lồng vào

(14) Đặng Thái Mai, Văn Thơ Phan bội
Châu, nxb. Văn hóa, 1960, tr. 50

giữa một bài dân ca dài (trường hợp
thường có trong hát trống quân, hát
quan họ).

e) có khi kết hợp vài câu Kiều với 1
câu của truyện Nôm khác (vd. Nhị độ
mai) hát quan họ :

Ngại ngừng một bước một xa
Một lời trân trọng châu sa mấy hàng
Buộc yên quày gánh vội vàng
Hạnh nguyên nàng phải đi sang cổng Hồ

Những câu tập Kiều như thế thường
chỉ có một vài dòng, nhưng trong hát
quan họ thường có những bài trên
dưới hai mươi dòng, trong hát trống quân
còn có thể dài hơn nữa.

2. — Hình-thức Kiều lầy.

a) mượn nguyên cả câu thơ để hát
hoặc đố (như «Vầng trăng vằng vặc giữa
trời / Đỉnh ninh hai miệng một lời song
song» là cái gì ?);

b) mượn nguyên văn nhưng ngắt
câu khác đi và làm biến nghĩa :

hát ví Nghệ Tĩnh :

Khen cho con, mắt, tình đời

Câu này do một, phường vài hát đề
châm chọc mỉa mai một nhà nho vốn lấu
lĩnh, và tính tình nghịch ngược. Nhà
nho này không phải tay vừa, nên đã
«kiêu» lại :

Vả bây giờ, mới thấy đây

(Chữ vả vừa là vả lại, vừa là vả vào
mặt). Thật là vô quyết dày móng tay
nhon (15). Cũng chung quanh hai câu

(15) Ninh Viết Giao, Hát Phường Vải,
nxb. Văn hóa, 1961, tr. 30-31

này nảy ra một giai thoại khác: có một chàng trai khá sỗ sàng khi gặp một cô gái, cô bèn nói với giọng người trên răn kẻ dưới:

Vả bây giờ...

Anh kia cũng chẳng nề gì mà không thách đố:

Khen cho con...

Mới nghe như đôi bên đã "cạn tàu ráo máng" với nhau rồi. Nhưng không, cô gái biết đối thủ của mình không phải tay vừa nên đòi thái độ và hát rằng:

Vả bây giờ mới thấy đây

Mà lòng đã chắc những ngày một hai

Chàng trai cũng tiếp luôn một câu rất hợp cảnh hợp tình với câu trên:

Khen cho con mắt tình đời

Anh hùng đoán giữa trần ai mới già

Như vậy là từ chỗ lấy Kiều "răn" nhau, hai người đó đã phục nhau và đã thay đổi thái độ với nhau.

c) nói chung là lấy trong *Truyện Kiều* mỗi nơi một câu chấp lại thành bài có ý nghĩa riêng:

hát quan họ:

Có điều chi nữa mà ngờ.

Phải người trăng gió vật vờ hay sao

Mai sau dù có thế nào

Kìa gương nhật nguyệt nọ dao quỉ thần.

3.— hình thức vịnh Kiều: mượn nhân vật hay sự việc trong *Truyện Kiều* làm chủ đề sáng tác cho những bài dân

ca như kiểu thơ vịnh Kiều của Chu Mạnh Trinh; và rải rác lồng trong vài bài cũng có sự đánh giá trực tiếp các nhân vật *Truyện Kiều* như hiệu *Kim Vân Kiều án* của Nguyễn văn Thắng.

hát giặm Nghệ Tĩnh:

Ai khôn ngoan bằng Từ Hải

Cũng mắc đại Thúy Kiều

Nghe lời nói cũng xiêu

Về thu binh cuốn giáo

Hạ cột cờ cuốn giáo (16)

hát trống quân:

Hồ tôn bất nghĩa lắm thay

Đem Kiều gọi gả cho nay thổ tù

Về đánh giá *Truyện Kiều*, số dân ca sưu tầm được không nhiều nhưng cũng có thể thấy ngay rằng xu hướng thống nhất là khen:

hát giặm Nghệ Tĩnh:

Văn chương thơm hậu thế

Có Uy Viễn, Tiên Điền

Truyện Thủy Kiều, Hoa tiên

Đến nay còn bất hủ

Lưu truyền còn bất hủ

Phần chê Kiều rất hiếm, chỉ có một vài câu hát, theo kiểu:

Đàn ông chó kè Phan Trần

Đàn bà chó kè Thúy Vân Thúy Kiều

4.— hình thức đố Kiều: hình thức này rất phong phú.

a/ đố nhau về những sự việc, nhân vật trong Kiều:

hát trống quân:

(16) Nguyễn Đồng Chi và Ninh Viết Giao, *Hát Giặm Nghệ Tĩnh*, tập I (thượng), nxb. Khoa học 1963, tr. 227

Đầu Kiều có mấy chữ «thông»

Anh mà giảng được chỉ hồng em trao

— Thông minh vốn sẵn tính trời

Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm

Nhiều khi hình thức đồ rất cầu kỳ.

Có một cô thôn nữ đổ một chàng nho sĩ làm thế nào đọc một câu Kiều để bảo bò đi. Anh chàng đọc :

Nàng rằng phận gái chữ tòng

Chàng đi thiếp cũng một lòng xin đi

Cô cười là anh ta không biết gì về đồng áng, bảo con bò như bảo người vậy, và cô đã chữa lại :

Một vùng cỏ mọc xanh rì

Nước ngâm trong **vắt** thấy gì nữa đâu

(nghe tiếng **vắt** bò mới chịu đi). Cô lại đổ chàng đọc Kiều thế nào cho bò đứng lại, chàng đọc câu :

Rằng Từ là **đứng** anh hùng (17)

Dọc ngang trời rộng vầy vùng bề khơi

Cô thôn nữ lại cười anh chàng không những không hiểu ngôn ngữ « giao dịch » với bò mà lại còn phát âm sai nữa. Và cô đọc câu :

Đội trời đạp đất ở đời.

Họ Từ tên Hải vốn người Việt Đông

(tiếng **họ** làm cho bò đứng lại). Kết quả là chàng thua, cay đắng lủi thủi bỏ đi mà lòng những dằn lòng :

Đàn bà dễ có mấy tay !

b) Đố nhau về thuộc văn Kiều :

(17) chữ **đăng** có nơi phát âm sai là **đứng**

kể tất cả những câu có chữ «trăm năm», «mười lăm năm» «nửa năm», «ngăm năm», một câu tóm cả truyện Kiều, một câu toàn chữ nho, một câu trong đó có 5 người, 10 người, v.v...

hát trống quân :

Truyện Kiều anh đã thuộc lâu

Đố anh giảng được một câu hết Kiều

— Trăm năm trong cõi người ta

Mua vui cũng được một vài trống canh



Truyện Kiều anh đã thuộc lâu

Đố anh giảng được một câu năm người

— Nay chồng này mẹ này cha

Này là em ruột này là em dâu

Có khi câu đố rất khó khăn, hắc búa :

Truyện Kiều anh thuộc đã như

Đố anh biết mả ông Từ nơi mộ !

Trai dựa vào câu : « Hồ Công nghe nói thương tình / Truyền cho kiều táng di hình bên sông » mà trả lời :

— Truyện Kiều anh học ba đông

Mả ông Từ Hải ở bờ sông Tiền đường

Rồi bên trai hỏi lại :

Đồn rằng em học thuộc Kiều

Anh nay xin hỏi mấy điều phân minh

Năm nào Kiều lấy Thúc Sinh

Năm nào Kiều phải bán mình chuộc cha ?

Bên nữ đáp lại rất khéo bằng một câu vừa công nhận sự hắc búa của câu hỏi trên, lại vừa đồn đối phương vào thế bí :

Chàng hỏi thiếp thế thì cũng phải

Thiếp hỏi chàng Từ Hải con ai ?

Và như vậy là «một điệu» vì đôi bên đều không giảng được.

c) Lấy hẳn văn Kiều nhưng biến nghĩa đi đề đồ sự vật khác. Ví dụ đồ cái điệu: «Vùng trắng vắng vạc giữa trời. «Đình ninh đôi miệng một lời song song». Đó là đồ thanh giảng thanh. Ngoài ra còn đồ thanh giảng tục. Ví dụ câu đồ về người bị bệnh đi kiết.

Ngập ngừng khi bước chân ra

Cực trăm nghìn nỗi dặn ba bốn lần

(dặn được phát âm thành rặn); hay câu đồ tiểu lâm: làm sao có thể chịu người yêu mà không bị thiệt thòi:

Ngoài ra ai lại tiếc gì với ai

(ra được phát âm thành da, và người ta không nên dừng lại để giải thích kỹ cái «sáng kiến», cái «tài» của Nguyễn Du ở chỗ này). Kề ra cũng tội cho Truyện-Kiều vì đã được phát triển đến quámức như thế.

b) Mượn ý trong truyện Kiều đề đồ.

Hoa gì thường nở bên sông

Hoa gì đợi gặp gió đông mím cười?

e) đồ nhau về các vấn đề linh tinh khác. Ví dụ về tên tác phẩm:

Chính ra Kiều ở Vân em

Cớ sao lại gọi là Kim Vân Kiều?

Nói chung mỗi câu đồ chỉ có vài dòng nhưng trong hát trống quân thường có những bài đồ rất dài, vừa đồ vừa giảng.

5. — Hình thức phóng tác, sáng tác theo cốt Truyện Kiều:

— Trong các điệu ca Huế người ta thường có khuynh hướng tóm tắt cả cuộc đời của Kiều trong vài chục câu. Trong hát quan họ, người ta thường lấy một vài cảnh tương tự như trong truyện Kiều để làm đề tài bài hát (ví dụ cảnh vợ lẽ ngồi sông trong khi «kẻ kia» vào «chung gối loan phòng»...

II. — Nói chung, những tài tử dân ca thường mượn nhân vật Truyện Kiều làm phương tiện bộc lộ tình cảm tự ví mình với nhân vật trong truyện để giải bày tâm sự. Ở đây người ta mượn tên tuổi hoàn cảnh, cá tính của các nhân vật ra so sánh, ví von chứ ít có mô phỏng về lời như trong hình thức tập Kiều.

Cách thể hiện cũng nhiều lối khác nhau:

a) người ngoài đời nhập làm một với nhân vật trong truyện:

hát ví Nghệ Tĩnh:

Đi ngang trước cửa nàng Kiều

Dừng chân đứng lại dặt dìu đôi câu

★

Bóng ai thấp thoáng vườn hoa

Hình như Kim Trọng tới nhà Kiều Vân

★

Vừa ra vừa gặp người xinh

Cũng bằng Kim trọng tiết thanh mình gặp Kiều

★

*Nhìn lên sơn lâm nhớ nguồn nước suối
Ăn gạo bên Bắc nhớ buổi Đường Nghiêu*

Nhón chân lên vang tiếng: Ơ Kiều

★

Trước cố quen Kim Trọng giờ có
nhớ ít nhiều chi không ?

★

Đêm khuya sương xuống đất im
Rước nàng Kiều đi nghỉ đề chàng Kim
xin về

b) so sánh đề thấy chỗ tương
đồng, tâm đầu ý hợp :

hát ví Nghệ Tĩnh :

Đôi ta như Kim Trọng Thúy Kiều
Cũng ghe lúc đắng cũng nhiều lúc cay
hát nhân ngãi (miền Nam Trung bộ) :

Lơ lảo cuốc ăn bến nước

Bơ vơ chim nhạn lẻ đôi

Điều chung tình thăm lắm em ơi

Vì như Kim Trọng gá duyên nơi Thúy
Kiều

c) có khi so sánh đề làm nổi bật
sự khác biệt : trong một bài hát sai
phù thủy, người ta nói Thúy Kiều gieo
mình xuống sông Tiền Đường còn được
Giác Duyên cứu vớt chứ người chết
đuối đây thì đã đành tuyệt vọng.

d) có khi là tỏ thái độ với nhân
vật trong truyện :

hát trống quân :

Ghê thay mặt sắt đen sì

Trúc còn ra sức bắt về lâu xanh

Thương thay chút phận mỏng manh

Một sân lằm cát tan tành thịt xương

đ) có khi là mượn một chi tiết, một
địa danh trong truyện để nói đến tâm
sự mình :

hát quan họ :

Lâm tri chút nghĩa dào bông

Hỏi chàng còn nhớ hay lòng đã quên ?...

Thường thường đây là lời của từng
cá nhân riêng rẽ nhưng trong hát trống
quân, hát phường vải, hò khoan miền
Trung, người ta vận dụng hình thức
hỏi, trả lời.

Phần lớn những loại dân ca đã chịu
ảnh hưởng Truyện Kiều về mặt nội dung
đều nói về tình yêu trai gái ; hầu như
không có đề tài nào của Truyện Kiều
được khai thác trong dân ca trào phúng
và yêu nước.

Về mặt trữ tình, người ta có thể tìm
thấy trong những loại dân ca này «tất cả
các chặng đường của tình yêu, từ khi
chạm trán ngoài đường đến lúc gặp gỡ
trong nhà, từ lúc đánh tiếng cho đến lúc
trao đổi gần bó, từ khi hợp mặt cho đến
lúc chia tay. Và ở mỗi chặng, diễn biến
tình cảm cũng thật là muôn hình muôn
vẽ, không những từ hư đến ừ đã rất
nhiều chuyện mà ngay trong tâm sự khi
hội ngộ cũng « không bút nào tả xiết ».
Ngay trong xa cách, từ bản khoán đến
tin tưởng, từ nhớ nhung đến thất vọng
từ trách móc đến tỏ lòng chung thủy sắt
son, từ hờn giận đến hối hận... kể có đến
bốn năm chục trường hợp khác nhau
(mỗi hiện tượng nêu ra đều có thể dẫn
chứng). Bên cạnh đó, khi chưa ăn ý với
nhau hoặc không thể nào ăn ý với nhau
thì những câu bóng gió, châm chọc, mỉa
mai nhau, thậm chí cả... chửi nhau cũng
không phải là hiếm. Có thể nói: Truyện

Kiều là cả một cái cảm nang, một pho kỷ yếu về tình yêu nam nữ" (18) đã gợi hứng đậm đà cho những dịp gặp gỡ những hội hát đối đáp giữa trai gái.

IV. - TỪ TRUYỆN KIỀU ĐẾN «CHÈO KIỀU» VÀ «BÓI KIỀU»

Truyện Kiều rất phổ biến giữa quần chúng. Nhiều người thuộc Kiều, không 5,6 đoạn thì cũng vài mươi câu. Trong đời sống cổ truyền, Truyện Kiều chỉ phối văn hóa dân gian dưới hình thức nghệ thuật sân khấu là chèo Kiều và hình thức tín ngưỡng là bói Kiều.

Quần chúng cảm thông với nỗi khổ nàng Kiều, nhưng với tinh thần lạc quan hồn nhiên cố hữu của mình, họ muốn vượt ra khỏi mọi chán chường, tuyệt vọng, thê lương, vươn lên một niềm vui lành mạnh và xây dựng. Những vở chèo Kiều phổ biến tại miền Bắc Việt (19) là một dấu hiệu của tinh thần và khả năng ấy. Theo Hoàng Hữu Yên, ngày xưa «diễn chèo Kiều là hình thức quần chúng nhân dân gián tiếp đả kích mạnh nhất thế lực đen tối của cuộc sống. Thế lực ấy chính là những tên địa chủ ác ôn, những tên tổng lý, tri huyện, tri phủ

bằng xương bằng thịt đang ngự trị trong đời họ». (20)

Nhưng ngày nào những thế lực đen tối còn chi phối đời sống xã hội thì con người còn lo lắng sợ hãi, cố đi tìm chút an ủi, hi vọng, niềm tin trong đời sống siêu hình. Truyện Kiều «thánh kinh», «hiền truyện» «quốc hồn, quốc túy» của Việt-Nam, đối với nhân dân trở thành một quyền sách thiêng, một loại sách dùng để bói tương lai. Hiện tượng bói Kiều khá phổ biến trước đây. Những người thích Kiều thường là người đã trải qua một đời gian lao hoạn nạn: thấp hương lên khăn vái: «Lạy vua Từ Hải, lạy vãi Giác Duyên, lạy tiên Thúc Kiều» rồi nhắm mắt mở đúng trang nào, đoạn nào là người ta tin rằng nó liên hệ mật thiết với một dữ kiện may hay rủi nào đó của bản thân hay của gia đình trong tương lai hay trong quá khứ.

TRUYỆN KIỀU GIỮA TRÍ THỨC VÀ DÂN GIAN

Từ khi ra đời đến nay Truyện Kiều vẫn là một vấn đề chưa giải quyết. Trong giới trí thức «người khen khen rất mực, người chê chê cũng hết lời». Nhiều nhà nho, học giả, chính khách cận đại, cận kim đã thích, đã bệnh vực hay hết sức suy tôn truyện Kiều vì dự phóng này hay ẩn ý kia, hay chỉ vì thuộc «nội tình» mà rung cảm trước âm ba «đồng điệu»: Mộng liên đường, Nguyễn văn Thẳng, Chu mạnh

Trình, Nguyễn Khuyến, Phạm Quỳnh. Rồi thì ngâm Kiều, vịnh Kiều, tập Kiều, lầy Kiều, Kiều phú, Kiều án, v.v.. Nhiều trí thức khác đã lên án khắt khe hoặc chê bai này nọ: Nguyễn công Trứ

(18) Triều Dương, bđd, tr. 5 -56

(19) tại miền Thanh Nghệ Tĩnh, chèo Kiều được gọi là «Trò Kiều» X. Lê văn Hảo, Nguyễn Du và Truyện Kiều... bđd., tr. 23

(20) dẫn trong Triều Dương, bđd, tr. 55, chú thích (1)

Tản Đà, Ngô đức Kế, Huỳnh thúc Kháng. Cũng có những học giả trước chê sau khen như trường hợp Nguyễn bách Khoa (biệt hiệu Trương Tửu) (21).

Có thể nói, vấn đề truyện Kiều là hình ảnh, là âm hưởng thân thể trăm luân của Thúy Kiều:

*«Vây nên những chốn thông dong
Ở không yên ổn ngồi không vững vàng»*

Thái độ sĩ phu trí thức thì phức tạp hay mâu thuẫn như vậy, còn đông đảo quần chúng thì xưa nay nhất nhất đều bênh vực nàng Kiều mê thích truyện Kiều vì những lí do nhân sinh đơn sơ và lành mạnh.

Nói như Hoài Thanh, «Kiều không xuất thân từ trong quần chúng. Nhưng trong cảnh ngộ của Kiều rất nhiều sự tình giống cảnh ngộ của nhiều người trong quần chúng.. Đời Kiều có thể tóm tắt trong mấy chữ *đa*. Có người xem Kiều là *đa tài*, *đa tình*; có người xem là *đa sầu* *đa cảm*; với Nguyễn công Trứ là *đa dâm*, với Nguyễn bách Khoa là *đa bệnh*. Với quần chúng, Kiều trước hết là một người khổ nhiều, một người *đa nạn* (...)

Với họ, những câu thơ Nguyễn Du đã vượt ra ngoài phạm vi câu chuyện nàng Kiều và đi vào đời sống thực. Những câu diễn một chân lý thông thường biến thành tục ngữ đã đành. Cả những câu diễn tình diễn cảnh cũng muốn lìa tình cảnh riêng của Thúy Kiều để gia nhập cái vốn từ ngữ chung (...). Bao nhiêu người xưa nay đọc truyện Kiều nghe truyện Kiều, mỗi người trong

những hoàn cảnh khác nhau mà không mấy khi không tìm được một hai câu nói đúng những điều mình muốn nói» (22).

Nghệ thuật Nguyễn Du đã thành công lớn một phần vì nguyên 1. Du phát huy triệt để thiên tài của tiếng nói dân tộc, nhưng phần chính có lẽ vì Nguyễn Du đã có một thái độ xứng đáng trước cuộc đời. Chúng tôi thích nghĩ rằng nhà thơ của chúng ta sau nhiều năm sống bôn ba trà trộn giữa dân gian, trong xã hội loạn li ngọt ngạt đương thời, đã nhọc thấm thía về sự bất lực của mình trước tiếng kêu cứu mỗi mồn thảm lạng của những con người bị áp bức khuynh loát mà «trời phật» không chớ che phủ hộ nổi nữa! Từ mỗi khổ nhọc ấy, nhà trí thức Nguyễn Du khám phá được một chân lý mà ông đã mượn màu nghệ thuật để nói lên: *cuối cùng, không sớm thì muộn, con người hèn yếu của hôm nay sẽ tự mình giải phóng được mình ra khỏi ngục tù của bất công bất hạnh*. Tiếng nói của Truyện Kiều là tiếng nói của ước mơ vĩ đại và trường cửu âm ỉ trong lòng những con người đang chịu thiệt thòi nhiều nhất: ước mơ sáng tạo hạnh phúc bằng cải tạo cuộc đời.

Bao lâu nhân dân ta còn vươn lên đấu tranh để sống một đời đáng sống thì nhân dân ta vẫn thấy nguồn hy vọng và niềm tự tin của mình nhập thân vào thiên tình ca bi hùng của đấng anh hào họ Từ và người gái thuyền quyền họ Vương.

L. V. H.

(21) Nguyễn bách Khoa, **Nguyễn Du và truyện Kiều** (1943)

Trương Tửu, **Truyện Kiều và thời đại Nguyễn Du** (1956)

(22) Hoài Thanh, Nguyễn Du in **Sơ Thảo Lịch sử Văn học Việt Nam**, tập IV, 1959, tr. 265.

● TRÀNG - THIÊN

Lối yêu hôm nay

Ái tình mặc *monokini*.

Ái tình, trải qua các thời, nó cũng diễn biến giống như họa, như thơ, như tiểu thuyết v.v.. Và tại sao không liên hệ ái tình với đối tượng của sự thèm muốn nguyên thủy ? với nguồn gốc của nó ? ái tình cũng giống như thẻ xác con người nữa chứ. Thoạt tiên con người thân nhiên phơi bày thẻ xác của mình : bất cứ là ở trong vườn địa đàng như ông A-dông bà E-và hay ở trong hang hốc như người tiền sử, bất cứ là theo tôn giáo, triết lý, hay là theo khoa học, lịch sử, tổ tiên chúng ta đều trần truồng. Trên cái sự thực lỏa lồ và giản đơn ấy, các giai đoạn văn minh lần lượt phủ lên những lớp vải che giấu, những màu sắc

lòe loẹt. Rồi đến bây giờ y phục lần lượt được gỡ xuống, vứt bỏ : chỉ còn một mảnh vải tí teo của chiếc *monokini* dính trên thân người mà cũng lỏng lẻo hết sức, phải vận dụng tất cả sức mạnh của luật pháp, của đạo đức để tạm thời níu giữ nó, nếu không nó đã rơi mất từ khuya rồi.

Thì ái tình cũng vậy. Chán chê mọi thứ y phục, bây giờ nó đang thoát y đây. Bây giờ là giai đoạn ái tình mặc *monokini*, ái tình biểu diễn *strep tease*. Điều đó không còn hồ nghi gì nữa. Yêu lối James Bond là bắt thần vỗ chớp nhoáng người con gái nào ở ngay tầm tay mình, không tí tê, không tâm sự gì hết, cứ đè xuống làm ái tình thật hung tợn, rồi bỏ đi tỉnh bơ; thế là người con gái kia đắm mê

it. Trong lối yêu đương ấy, giá trị người đàn bà chỉ còn là một thẻ xác, một phương tiện cung ứng khoái lạc. Còn người đàn ông? còn James Bond? — Thì anh ta cũng không còn là một "nhân vị" trọn vẹn nữa, bất quá chỉ là một đối tượng để đàn bà chọn lựa, anh ta là một thứ máy yêu hảo hạng, xài tốt hơn các máy yêu khác, thế thôi (1).

Những chuyện trình trướng, chung thủy, những tình cảm e lệ, nhớ nhung, run sợ, mơ tưởng v.v., những áo quần hia mào xanh xang từng làm vênh vang cho ái tình ấy mà mất đi, lúc bấy giờ ái tình nó trơ ra, tổng ngỗng, trông lại mình hiện nguyên hình, hỡi ơi! chẳng qua là một chuyện sinh lý.

Như thế, về mặt « nghệ thuật », là một bước thoái lui.

oOo

Tình yêu như một nghệ thuật.

Thực vậy, giả sử có kẻ nào lấy chuyện yêu đương làm một nghệ thuật, muốn thưởng thức cái thú ái tình như thưởng trà, thưởng trăng v.v..., chắc hẳn kẻ « nghệ sĩ » ấy không vội vàng vất bỏ giai đoạn tình cảm mà đâm thẳng tới giai đoạn sinh lý.

Giai đoạn tình cảm quả không phải là « thực chất » của vấn đề. Đó là hoa hòe hoa sồi, là phù phiếm gia đối, là kết quả của những trở ngại do tập tục ước lệ, trái với tự nhiên v.v...; đó không phải là cái nhu cầu « đích thực » trong tương quan nam nữ. Nhưng gạt nó đi, thì

(1) Claude Bonnefoy, tạp chí Arts số 100.

phần còn lại nghèo nàn hết sức.

Ăn, « thực chất của vấn đề » chỉ có là nhai với nuốt. Nhưng một nghệ sĩ chuyên về ăn uống như Tản Đà dùng một bữa có thể quá nửa ngày trời. Đối với ông, ngoài những thứ để nhai nuốt, còn có giờ ăn, nơi ăn, người cùng ngồi ăn, câu chuyện trong bữa ăn, màu sắc trên mâm ăn v.v...; bấy nhiêu yếu tố không thiết yếu ấy làm ra nghệ thuật tính của chuyện ăn uống.

Uống, càng là đơn giản hơn ăn. Động tác nhai không còn, chỉ còn có nuốt. Ấy thế nhưng khi việc uống trà được nâng lên thành « đạo », thành nghệ thuật, thì động tác chủ yếu, nuốt, hầu như bị xóa lấp, quên lãng. Những gì được trình trọng chú ý đều thuộc phần hình thức phù phiếm, nghi tiết, ước lệ, giả tạo. Và khi ấy uống thành ra một cái gì vô cùng rắc rối, dài dòng, tế nhị. Chắc hẳn những nghi thức liên quan đến không khí tham dự, đến cách pha trà, chuyên trà, mời trà v.v... trong một gia đình Nhật bản còn phức tạp hơn tám nguyên tắc yêu đương đề ra trong cuốn *Astrée* của Pháp.

Ăn uống thế nào thì ăn chơi thế ấy. Đối với hạng linh tầy cầm tic-kê tới trại chứa gái, đối với những tay chơi bởi quen tính bóp chát, tới nhà thờ mong gặp em nào vừa mắt là « nhào vô » liền, đối với những anh em đó « chuyện đời » rất giản dị. Còn xưa kia, khi các cụ Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, cho đến ông Tú Xương, lúc xách ô đến xóm ả đào, thì trong đầu

óc họ hẳn chuyện « nhào vô » chiếm một chỗ rất nhỏ mà rất cuộc họ được hưởng những lạc thú phong phú và tinh vi hơn nhiều, thơ có, nhạc có, tình tứ có, bao nhiêu là ở mỗi đỉnh đỉnh, và rất cuộc có lẽ họ cũng không bỏ qua cả « thực chất ».

Ở đâu cũng thấy nghệ thuật là gồm những đỉnh đỉnh vô lối ở bên ngoài thực chất. Người nghệ sĩ trong cuộc sống cố tình kéo dài thì giờ, trì hoãn giờ phút đối diện với thực chất, đến nỗi không còn biết đâu là chính đâu là phụ nữa. Và như thế họ khôn ngoan. Bởi vì một miếng ăn, một hớp nước, một « chuyện ấy », xét cho cùng, có gì !. Đôi khi thực chất còn nghèo nàn hơn nữa : chẳng hạn trong thú đốt pháo. Cái vui đốt pháo đâu phải do chính nơi tiếng « ðùng » chát chúa ấy. Tất cả cái thú là ở khi tay run run cầm que lửa đến gần, khi hồi hộp dí lửa sát ngòi, khi ngòi pháo phát xì lên tí khói và ta bùng tai có giờ vừa chạy vừa chờ đợi tiếng kêu.

Một nhà khoa học như Freud tất nhiên không tán thành sự kiện lấy phụ làm chính ấy : không nhằm ngay cái chính, mà ngừng lại ở xung quanh nó, lạc mất đối tượng đi như vậy, bị mệnh danh là dục tình ác hóa. Bác Hòa hàng Cơm (2) thích ôm ấp, thích làm trò vợ chồng, mà nhất mực ngăn cấm bàn tay của người đàn ông tìm xuống quá thấp trên người mình ; anh Ngọc với cô Thanh (3) thích ngủ chung mừng mà

không làm gì v.v... những nhân vật ấy của Nhất Linh là những kẻ bại hoại, ác hóa. Nhưng trên phương diện « nghệ thuật », thì « ái ân thâm kín » như vậy, lại thêm « dài nhớ thương ».

Nghi cho cùng, không cứ là chuyện ăn uống, chơi bời, yêu đương ân ái..., mà tất cả cuộc sống này sở dĩ có được cái trang trọng nghiêm chỉnh, đôi khi một vẻ hấp dẫn kỳ bí nữa, chính là đều nhờ ở hoa hòe, nghi thức, giả tạo cả. Những buổi đầu xuân theo mẹ lên chùa dâng lễ, những cảnh lộc bẻ đêm giao thừa, những thơ mộng êm đềm của ngày nhỏ đại loại là thế cả. Lớn lên, chúng ta tiếp tục sống giữa những điều cũng gần « nhảm nhí » như thế. Nhân vật Meursault (4) của Albert Camus chiếu cái nhìn bờ ngõ lạc loài của một « người xa lạ » vào cử chỉ, hoạt động của các ông trạng sư, quan tòa, linh mục, láng xăng quanh mình, và anh ta thấy họ kỳ cục, buồn cười ; thế mà họ quyết định một điều không sao tránh khỏi, không sao chống thoát : họ quyết định chặt đầu anh ta và anh ta nhất định phải rơi đầu. Meursault thấy điều đó vô lý. Như thế bởi vì anh là một « người xa lạ », một người không chịu thích ứng với cuộc sống xã hội thường nhật. Bao nhiêu kẻ chung quanh anh ta không nhận thấy điều vô lý ấy, là vì họ không trơ ra trước những hình thức nghi tiết như Meursault, họ xúc động trước không khí tôn nghiêm của phiên tòa, họ tin sợ ở những điều

2) Thương chồng.

3) Giòng sông Thanh thủy.

4) L'étranger.

luật được viện dẫn, ở tính cách thiêng liêng của luật pháp... Trái lại, nếu dẹp bỏ hết những danh từ chuyên môn trình trọng, nếu không có linh tráng canh gác, trật tự oai nghiêm, nếu cứ đưa ra một góc phổ hân độn nào đó, quan tòa và tội nhân lòa lổ cãi nhau văng bọt mồm bọt mép, thì sẽ không ai chịu công nhận hiệu lực của cái gọi là bản án nữa.

Quan tòa phải mặc áo đen áo đỏ, phải đội mũ, mới tuyên án được. Giáo sĩ phải có chuông, có mõ, có nến hương ảnh tượng mới giảng giải đạo lý được. Quân đội phải có đồng phục, có cách chào, cách đứng, cách quay... mới điều khiển được. Sinh hoạt tập thể nào cũng phải chấp nhận một số ước lệ, xã hội văn minh nào cũng giàn bày ra một mô nghi lễ. Xưa, vua Hán Cao Tổ mới lên ngôi chưa nghĩ ra điều ấy, ngài đề cho các quan, vốn là những bạn bè thân thiết từng cùng nhau vào sinh ra tử nhiều phen, tha hồ quàng vai bá cổ ngài, cùng ngài nói cười hô hố tự do. Và ngài than rằng làm vua như thế có sướng quái gì đâu. Tôn Thúc Thông khôn ngoan bèn giúp ngài bằng cách mở sách nghiên cứu hia mảo cân đai cho các quan, tập các quan cách chấp tay, cách quì gối, cách tâu, cách lạy v.v... Nhờ đó, không những cảnh triều đình có trật tự tôn nghiêm, chuyện làm vua làm quan có ý vị, mà dòng họ nhà Hán cùng xã hội nước Tàu cũng được vững bền thêm, bởi vì cảnh quàng vai bá cổ kia chẳng mấy chốc có thể đưa tới hỗn loạn xô xát nguy hiểm làm điên đảo quốc gia.

Những ước lệ cứu tinh ấy, ban đầu người ta biết ơn nó; nhưng dần dần sống mãi trong vòng ràng buộc rắc rối của nó, đâm ra khó chịu, bức mình. Và rồi cuộc người ta nổi loạn, tổ giắc lên rằng những thứ uy quyền làm vương vãi trở ngại cuộc sống tự do ấy đều là giả tạo tuốt hết, người ta hô hào đánh đổ, cõ võ cách sống chân thực. Đặc biệt là thế hệ ngày nay: dễ gì đòi hỏi họ tôn trọng những phù phiếm đối trá!

Thế là không trông tréo dài dòng, không lễ mễ quanh co nữa: đi thẳng tức tốc tới vấn đề. Trong phạm vi ái tình, thì đi thẳng cái rụp tới giai đoạn sinh lý. Và tại đây, bấy giờ lại gặp cái nghèo nàn, chán nản khôn tả. Sau những cuộc ái ân qua quít, những đêm trác táng điên cuồng trong phim *Dolce vita*, sáng ra, trên bãi bờ, người đàn ông phờ phạc nhìn vu vơ một con bé ngây ngô kêu nói gì léo nhéo, tiếng nói lạc mất trong gió.. Những mối tình dễ dàng, trâng tráo, trong tiểu thuyết của F. Sagan... Trong những khung cảnh yêu đương ấy, người ta cảm thấy một sự hoang vắng, trống trải, chán chường, sau mỗi cuộc truy hoan, và ngay cả trong khi mê tơi nữa.

Mùa hè năm ngoái I. Erhenbourg trò chuyện với M. Mihajlov, ước ao rồi xã hội tiến bộ sẽ bớt cho cá nhân những giờ lao động vất vả, dành cho người ta nhiều thì giờ rảnh rỗi hơn, khi ấy tha hồ trau dồi cảm xúc để hưởng thụ cuộc sống. Mihajlov không lạc quan như vậy. Mà không lạc quan cũng có lý. Bởi vì ngoài thì giờ ra, còn yếu tố tâm

lý nữa : cái tâm lý hiện nay chưa chắc làm cho sự hưởng thụ đem đến sinh thú. Nhân vật *A la recherche du temps perdu* của M. Proust và nhân vật *La princesse de Clèves* của bà De la Fayette cùng thuộc một tầng lớp xã hội, cùng là hạng trưởng giả, nhàn rỗi như nhau. André Maurois bảo những nhân vật này là tổ tiên của những nhân vật kia. Chúng ta ai nhận thấy các nhân vật trong tiểu thuyết của F. Sagan, trong phim *Dolce vita* cũng học thức, sang trọng, giàu có, nhàn rỗi, trưởng giả không kém ; họ cũng xứng đáng là cháu chắt của các nhân vật trên. Thì giờ thừa thãi bên nào cũng sẵn, nhưng một bên dùng để phát sinh bồi dưỡng những tình cảm chi li, một bên dùng tìm kiếm cảm giác mạnh và phát giác ra sự trống rỗng, chán chường.

oOo

Chỗ trốn của tâm linh

Chúng ta có dùng đến chữ « khôn ngoan » một vài lần. Nhưng chỗ tâm lý khác nhau không phải ở đó. Thế hệ hôm nay mà không khôn ngoan được à ? Trai gái bây giờ họ sành đời, họ thông minh quá lắm, lẽ nào họ không biết chọn một lối yêu đương cho có nghệ thuật ?

Không phải họ không khôn, nhưng có lẽ họ bị sự xô đẩy của một trào lưu.

Sau cuộc thế chiến thứ hai, Âu Châu bị tan tành về vật chất và khủng hoảng về tinh thần. Trước cảnh đồ vỡ, họ tuyệt vọng, họ nghi ngờ nền văn minh của họ. Các giá trị tinh thần bị duyệt lại gắt gao, bị đặt vấn đề ; các niềm tin tưởng lần lượt sụp đổ.

Trước sự tra vấn gắt gao, cuộc sống bày ra tính cách phi lý. Không còn có đẳng thiêng liêng quyền phép nào điều khiển cuộc sống cả, không còn gì đáng tôn trọng nữa. Tất cả đều bị triệt hạ. Thế hệ này trở nên hung tợn, họ « nổi loạn ». (« Nổi loạn » đã thành tiếng đầu mỗi chót lưỡi, mỗi khi nói về thế hệ hậu chiến).

Các điều giới cấm trong phạm vi tương quan nam nữ có lẽ cũng là nạn nhân của cuộc nổi loạn này. Xã hội nào cũng có những chuyện kiêng kỵ, giới cấm (tabou, interdit). Theo Georges Bataille (5), hai điều kiêng kỵ sớm nhất của nhân loại là liên quan đến sự chết chóc và sự dâm dục. Hành động phát sinh ra sự sống và tiêu diệt sự sống là hai biến cố đặc biệt quan trọng. Từ thời đồ đá cũ, người homo faber đã biết kinh sợ xác chết, chôn xác chết. Đến thời kỳ đồ đá mới, thì có dấu hiệu tỏ rằng người homo sapiens biết giới hạn dâm dục. Có thể nói đó là những ranh giới đầu tiên phân biệt người và thú : người là con thú có kiêng kỵ về chuyện chết chóc và chuyện giao hợp. Về sau, tùy theo từng nơi, từng giống dân, các điều kiêng kỵ có khác nhau ít nhiều : đối với cái chết thì sợ hãi, kinh tởm, hoặc chôn xác) hoặc đốt xác, cúng bái, hoặc cấm giết chóc v.v... ; đối với sự dâm dục thì cấm lõa lồ, cấm giao hợp nơi công cộng, hoặc cấm loạn luân, hoặc kiêng sợ các thứ máu kinh nguyệt, máu đẻ của đàn bà v.v... Hai điều giới cấm căn bản trong thánh kinh Thiên Chúa giáo là : « Mày

(5) *L'érotisme* (Les éditions de minuit.

không giết chóc» và «Chuyện xác thịt chỉ thực hành trong phạm vi hôn nhân.»

Hai giới cấm đều xuất phát từ một lý do : lao động. Một tập thể lao động cần đến trật tự, đến sự an cư. Chết chóc, chém giết là chuyện quan trọng quá, nó gây xúc động sâu xa. Dâm dục cũng là điều kích động dữ dội, nếu diễn ra tự do nó làm xáo trộn cuộc sống. Tập thể lao động đổ kỵ cả hai, hạn chế cả hai.

Nhưng cuộc sống tập thể có hai phương diện : phương diện thể tục, và phương diện thiêng liêng. Trong sinh hoạt thể tục dành cho việc lao động thì phải tuân theo các điều cấm kỵ ; còn sinh hoạt thiêng liêng dành cho các cuộc hội hè tế lễ thì lại là cơ hội... phá giới ! Chữ « thiêng liêng » dùng ở

đây có vẻ mâu thuẫn, buồn cười. Nhưng sự thực là vậy đó : ngày thường cấm giết chóc mà khi cúng tế thần linh lại đâm giết vật hay người để làm vật hy sinh, ngày thường cấm dâm dục lộ liễu mà lại có những hội hè tổ chức cho nam nữ chung đụng công khai. Bản năng hung tợn của con người cần có những dịp trả thù. Đã đặt ra giới cấm, lại phải có phá giới (transgression).

Ở Úc châu, lắm nhóm thiểu số có tục lệ phá giới thật dữ mỗi khi vị chúa tể vừa mới chết. Ông chúa là tượng trưng cho kỷ luật, trật tự xã hội, kiêng khem v.v... Ông chúa chết nằm xuống : dùng một cái, cả cái tập thể bị kiềm tỏa được phép òa ra làm loạn, tha hồ, cho tới khi thì thể ông chúa được chôn cất xong xuôi mới thôi. Tại đảo Sand-

QUÝ.VỊ HÃY DẶN DẶN LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÂM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐỂ ĐÁN GIẤY



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Sửu - Téléphone 1-40-821 - SAIGON

wich mỗi lần tin ông chúa tề tắt hơi vừa loan ra là dân chúng liền nổi lên đốt nhà, cướp của, đâm giết nhau thà cửa, đàn bà con gái ngủ tự do với đàn ông bất cứ ở đâu; tại đảo Fidji, dân chúng thì cướp giết, các bộ lạc chur hầu thì tràn về kinh thành đại náo (6).

Trong cuộc sống tinh thần của thời hậu chiến, chúng ta — đặc biệt là ở Âu châu — vừa nghe chết mất vì chúa tề ngự trị. Thế là loạn. Ai nấy muốn nói cho được những tiếng xưa nay vẫn tránh, muốn làm cho được cái việc trước kia thấy ngượng không dám làm, ai nấy khoái thích mà dầy xéo lên những điều úy kỵ, những phép tắc, những nguyên lý đạo đức... Giai đoạn phá giới mà.

Thế rồi, khi mọi giá trị bị khuynh đảo, mọi tin tưởng đã bị sụp đổ, trước cảnh hoang tàn xơ xác con người bơ vơ càng thấy cần đâm vùi vào lạc thú xác thịt. Mất niềm tin, xã hội gồm một lớp người không nhiệt tình hứng khởi, một lớp người mà tâm hồn ủ ê, khô cằn. Cái ủ ê (morosité), khô cằn (sécheresse) ấy, theo giáo sư Vladimir Jankévitch, là một trong các nguyên nhân khiến thể hệ hiện tại ham điều dâm dục. Nhưng giáo sư cho rằng mình không thạo về vấn đề này (dâm dục), ông giới thiệu một người bạn gái thông thạo là Violette Morin. Quả nhiên Violette Morin diễn đạt ý tưởng đó một cách lý thú hơn: bà cho rằng trong cõi đời thế tục hiện nay, bao nhiêu thần linh thiên chúa bị truất phế hết rồi, thì phải

có một vị chúa nào lên ngôi thay thế. Đó là Eros! (7)

Alfred Simon cho rằng như vậy còn là khá Trước cuộc sống hoang tàn, trống rỗng, con người nếu còn nhất điểm tâm linh thì cái nhất điểm tâm linh ấy hết chỗ nương tựa, chỉ còn nước chui nấp vào bộ phận sinh dục. (La dernière parcelle de l'âme se réfugie dans le sexe) (8). Ấy là còn có chỗ trốn nấp. Rồi đến cái lúc mà sự dâm dục cũng bị vượt nữa, con người sẽ xuôi lơ, như trong thế giới văn chương của Samuel Beckett.

Henry Miller tinh khi hung hăng, ăn nói ồ ạt: «Chúng ta hãy có lấy một thế giới đàn ông và đàn bà kẹp những bình dy-na-mô giữa háng, một thế giới của cuồng nộ tự nhiên, của say-mê, của hành động, của thâm kịch, của ước mơ, của điên rồ, thế giới phát sinh ra cơn xuất thần ngậy ngất chứ không phải ra những chuyện mốc xi vớ vẩn!» (9) Tuy nhiên đó cũng là «ước mơ điên rồ» mà thôi Hiện thời chỉ có một lớp người nguội lạnh, sống thiếu hấp lực của niềm tin, của lý tưởng, một lớp người sức vóc thì trẻ trung mà tâm hồn lão thực đã già đến mấy mươi thế kỷ, không buồn xúc động nữa. Nhân vật tiêu thuyết của F. Sagan, một cô gái, yêu một người đàn ông có vợ, ngủ với anh ta, như thế

(7) Tạp chí Arts, số 1.005.

(8) Esprit, số tháng 11-1960 (Bài «Le sexe et l'écrivain»).

(9) Tropique du Cancer (bản Pháp văn của Paul Rivet. Nhà xuất bản Denoël).

(6) L'homme et le sacré của Roger Caillois (Gallimaerd).

lẽ ra là một trường hợp khát ái oăm, bi đát, nhưng cô ta tỉnh khô, đến lúc bỏ nhau vẫn cứ còn mỉm được một nụ cười: bất quá là một người đàn bà đã yêu một người đàn ông. « Một chuyện thường quá mà ; có gì phải nhăn nhó ». Như thế là nhận xét bằng quơ về chuyện của ai đâu xala, không phải của mình! Trong *Đêm tóc rối* (10) của Dương Nghiễm Mậu một thanh niên nghĩ : « Tôi không có một nhà thờ. Tôi không có một mái nhà. Tôi không có một thần tượng. Tôi trôi xuôi theo giòng thác lũ ồ ạt (...) Tôi đang ở trong một xã hội mà tôi không còn hào hùng để sống. Tôi ở giữa không khí chiến tranh mà tôi không lo âu (...) Tôi ngó ngang thờ ơ tấn tằm kịch đối với số phận tôi và số phận người khác. Tôi lạnh lùng trước gương mặt lỗ lã của một thời đại (...) » Lời văn đều đều tuôn ra đường đuột, không còn chút gân sức, trong một sự buông xuôi biểng nhác dễ sợ! Cũng trong cuốn *Đêm rối tóc* ấy, cậu con trai mới lớn ăn nằm lê mê với một mụ đàn bà mà lòng đứng đưng như không. Trong các truyện khác của Dương - Nghiễm Mậu, của Thế Uyên, của các tác giả lớp bây giờ, chúng ta gặp nhiều nhân vật như vậy. Những thanh niên mệt mỏi những người tình nhân chai sạn ấy, từ Âu qua Á, khác xa một trời một vực với những khách tình xưa kia trong *Kim Vân Kiều*, *Hồng Lâu Mộng*, *Graziella*. Các cuốn truyện tình xưa đều ước sùng nước mắt ; lòng người xưa họ mềm yếu

(10) Đã đăng trên tạp chí **VĂN**, nhà xuất bản Thời-mới đang in thành sách.

(11) Số 1, tháng 7-1965.

thiết tha, họ dễ cảm dễ thẹn, tội nghiệp quá chừng. Trên tạp chí *Giữ thơm quê me*, Nguyễn Đức Sơn có cái truyện ngắn về những người chữa bệnh kín ở trung tâm quốc gia bài trừ hoa liễu bước : vào toà nhà đó, đi ngang dưới tấm bảng hiệu đó, vào ngồi ở phòng chờ đó, gặp mặt nhau tại đó, ai nấy đều khó chịu ngượng ngùng. Chỉ có một chú bé lại tro tro như thường. Nhân vật Tường trong truyện nghĩ : « Rồi cái thể hệ tiếp nối mình chúng sẽ lạnh lùng hơn » Nghĩ vậy cũng có lý ; nhưng ối chao ôi, cần gì phải chờ tới thể hệ tiếp nối, ngay cái thể hệ của « mình » với những thầy trò chào hỏi nhau ôm tở ở trung tâm bài trừ hoa liễu không đáng khiếp rồi sao (12)

Một thể hệ như vậy, trách gì không sống với những điệu nhảy nhót điên cuồng, những cuộc phóng xe như bay, những lối cỡi xe gắn máy rút bỏ ống hãm thanh... Những tâm hồn khô cần đứng đưng như vậy, muốn khuấy động được nó, phải có rượu thật mạnh, tốc lực thật nhanh, tiếng động thật dữ v.v.. và trong liên hệ nam nữ, thì phải đến ... cái dy-na-mô ấy. Phải là cái đó mới ăn thua. Những tình tứ mong manh tế nhị tác động sao xuề !

(12) Cảnh xảy ra trong truyện vừa kể.

CÁO LỖI

Vì lý do kỹ - thuật nên vào phút chót bài « Theo gót Nguyễn-Du trên đường đi sứ » của G.S. Bùi-Hữu-Sùng phải dành lại kỳ tới. Xin trân trọng cáo lỗi cùng tác giả và bạn đọc

Tòa soạn B.K. T.Đ.

Vậy cho nên không thể nói lớp người này thiếu khôn ngoan. Trong thời bình a, bốn phương phẳng lặng, nền móng xã hội ổn định, khuôn khổ đạo lý vững bền, khi đó con người yêu nhau dễ thương thức cái thú yêu đương, họ tha hồ bày ra lệ luật cho thêm tình. Trái lại, lúc thời đại trải qua cơn bể dâu, nền móng

tinh thần sụp đổ, con người trở trụi không còn an nhiên tự tại thưởng thức ái tình nữa, họ vực đầu tìm những kích động mạnh, hoặc dễ trốn nấp, hoặc dễ tìm cái lẽ sống. « Rằng tình nên thương ».

(còn tiếp)

TRÀNG THIÊN

Kỳ tới : Cơ khí và Ái-tình

**MỜI VỀ NHIỀU SÁCH HAY
GIÁ ĐẶC - BIỆT (GIÁ 1. C.)**

Bạn đọc hãy tìm lại nhà sách :

VIỆT - BẰNG

(78, Đại-lộ Lê-Lợi Saigon)

Các loại sách ngoại quốc mới xuất bản về : Chính - trị, Triết - học, Văn - học, Khoa - học, Nghệ - thuật v. v...

SÁCH THỜI MỚI

LOẠI SÁNG TẠO (bìa có lẫn gạch màu nâu)

- MỘT MÌNH của Võ Phiến 80đ
- ĐÊM TÓC RỜI của Dương Nghiễm Mậu 70đ
- VỌC NƯỚC GIỖN TRĂNG của Sơn Nam (đang in)
- NHỮNG HẠT CÁT của Thế Uyên (đang in lại)

LOẠI KHẢO LUẬN (bìa có lẫn gạch màu vàng)

- VĂN HỌC NGÀ XÕ HIỆN ĐẠI của Trảng Thiên 20đ (sắp hết)
- TẬP BÚT I của Võ Phiến 32đ (sắp hết)
- TẬP BÚT II của Võ Phiến 34đ (sắp phát hành)

LOẠI PHIÊN DỊCH (bìa có lẫn gạch màu xám)

- TRUYỆN HAY CÁC NƯỚC I của Nguyễn Minh Hoàng và Trảng Thiên 34đ
- NGƯỜI XA LẠ của Albert Camus do Võ Lang dịch 40đ (còn ít)
- DỊCH HẠCH của Albert Camus do Hoàng Văn Đức dịch (đang in)

THỬ TÌM HIỂU CHÍNH-SÁCH
ĐỘNG-VIÊN TÀI-CHÁNH CỦA HÀ-NỘI :

Chính-sách thuế-khoá tại Bắc-Việt

SÔNG - HỒNG

Bất cứ quốc gia nào cũng phải đóng thuế, nhưng khác với các quốc gia tự do, thuế đối với Cộng sản là một công cụ để thực hiện Xã hội chủ nghĩa.

Từ ngày hòa bình lập lại, ba tháng sau khi nắm chính quyền, nhà cầm quyền Hà-Nội đã ban hành một chính sách thuế khoá khắc nghiệt mệnh danh là « Chính sách động viên tài chánh » để hàn gắn các vết thương chiến tranh và tạo điều kiện thuận lợi cho việc cải tạo và phát-triển kinh-tế quốc-dân theo hướng Xã-hội chủ-nghĩa.

Nghị quyết Đại-hội Trung-Uơng đảng Lao-động lần thứ 12 đã ghi rõ « Phải triệt để khai thác các nguồn thu trong nước » và các cán bộ đảng giải thích chính sách thuế-khoá như sau: « Để

xây-dựng chủ-nghĩa Xã-hội, ta rất coi trọng sự giúp đỡ quý báu của các nước anh em. Nhưng nắm vững quan điểm tự-lực cánh-sinh. Chúng ta phải trông vào tích-lũy trong nước là chủ yếu. Nguồn tích-lũy đó chủ yếu phải dựa vào số thu nhập thuần túy sáng-tạo ra trong các xí-nghiệp và tổ-chức kinh-tế Xã-hội chủ-nghĩa tức là số thu nhập thặng dư mà những người công nhân làm việc trong các xí-nghiệp quốc - doanh và những người xã viên trong các hợp tác-xã sáng tạo cho xã-hội » (Nghiên cứu kinh-tế số 24 tháng 12-1964).

Để che dấu tính - chất bóc lột của chính-sách thuế quá nặng nề so với chế độ thuế-khoá tại các nước tự-do, cán bộ Đảng giải-thích như sau : « Thuế của

các nước tư bản nhằm mục-đích bóc lột nhân dân để duy trì bộ máy đàn áp, để làm giàu cho bọn tư bản thống-trị. Nhà nước tư-bản dùng thuế trực thu để bóc-lột nhân-dân một cách trực tiếp nhưng vì cách bóc lột quá lộ liễu dễ gây phản ứng, nên nhà nước tư-bản thường dùng hình thức thuế gián-thu nhiều hơn. Dưới chế-độ Xã hội chủ nghĩa, tình hình đó đã hoàn toàn thay đổi, thuế của nhà nước Xã hội là nhằm xây dựng đất nước và mưu hạnh phúc cho nhân dân. Mục-đích tích-lũy thuế vẫn là một mục-đích quan trọng. Nhưng ngoài mục đích tích-lũy, thuế của ta còn có nhiệm vụ hướng dẫn phát triển và cải-tạo kinh-tế. Đó là những đặc điểm của thuế-khoá của ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa Xã-hội. Nó khác về căn-bản với thuế khoá dưới chế-độ tư-bản chủ-nghĩa (Nghiên-cứu kinh-tế số 24 tháng 12-1964)

Qua hai sự giải-thích trên, quan-niệm thuế của Hà-Nội đã quá rõ ràng : thuế không còn là phần đóng góp của một công dân để giải quyết các chi phí chung của quốc-gia. Thuế là sự cung hiến bắt buộc hết phần thặng dư năng-xuất lao-động của công nông họ nhà nước vô-sản (Trong chế độ tư hữu phần thặng dư giá-trị do chủ-nhân và công-nhân thụ-hưởng).

Thuế xuất của Bắc-Việt

Hiện nay thuế-xuất của Bắc-việt bắt nguồn từ ba khu vực :

— *Khu vực quốc doanh* : bao gồm các cơ sở mậu-dịch quốc-doanh, các xí-nghiệp, các công, nông-trường do nhà nước quản-trị và là tài-sản nhà nước.

— *Khu vực kinh tế tập thể* : bao gồm các hợp tác xã nông nghiệp — các hợp tác xã thủ công nghiệp — các công-ty hợp doanh — các tổ chức buôn chung bán chung v.v...

— *Khu vực kinh tế cá thể* : gồm các phần đất thuộc sản xuất phụ gia đình, các ngành thủ công cá thể như hàng rong, thợ sửa giày, chữa khóa và bao gồm các sắc thuế : thuế nông nghiệp — thuế công thương nghiệp — thuế doanh nghiệp — thuế hàng hóa — thuế lợi tức doanh nghiệp — thuế tồn kho — thuế buôn chuyển — thuế kinh doanh nghệ thuật, — thuế sát sinh v.v...

Các thuế xuất đều tính theo phép lũy-tiến và tùy theo giai đoạn mà áp dụng các tỷ lệ nặng nhẹ khác nhau.

Từ trước tới nay, theo lời tường thuật của các đồng bào di cư, đã có nhiều sách báo nói về các sắc thuế của Hà-nội, nhưng thực ra chúng ta chưa có những tài liệu chính xác để nghiên cứu và đánh giá đúng mức tầm quan trọng của chính sách thuế khóa của Hà-nội. Điều đó cũng dễ hiểu vì các cán bộ Cộng-Sản chân ướt chân ráo về Hà-nội trong khi phong trào hợp-tác-hóa chưa thành hình và đồng bào miền Bắc ùn ùn kéo đi di cư vào Nam. Hà-nội không đại gì công bố bằng các tài liệu sách báo, các sắc thuế của họ vì như thế không khác gì súi đục đồng bào di cư vào Nam.

Ngày nay, phong trào hợp-tác-hóa đã hoàn thành trên căn bản. Số thu nhập vào ngân sách nhà nước năm 1955 của các thành phần tập-thể và quốc doanh chỉ chiếm 1/4 tổng số thu toàn quốc. Năm 1956, số thu nhập chiếm 1/2 tổng số

thu, năm 1960-1961 chiếm 82,830/o, năm 1962 chiếm 84,80/o, năm 1963 chiếm 85,50/o.

Hà Nội cần phải động viên tinh thần đóng thuế của dân chúng và điều chỉnh các sắc thuế cho hợp với các cơ cấu kinh tế hiện nay. Vì vậy thuế khóa này trở thành một vấn đề huyết mạch đối với chế độ Xã hội và quy định như sau:

Thuế nông nghiệp Đánh vào tổng sản lượng của ruộng đất hàng năm bằng thóc, thuế xuất này đã được áp dụng tại một vài tỉnh thuộc Liên khu 5 hồi 1953.

Tỷ suất thấp nhất là 20 0/o và cao nhất là 450/o trên tổng số sản lượng hàng năm. Sau cuộc cải cách ruộng đất 1955-1956, giai cấp địa-chủ, phú nông bị hoàn toàn tiêu diệt, thuế nông nghiệp được áp dụng nhất loạt trên toàn quốc.

Theo điều lệ mới của nhà nước Cộng-sản ban hành ngày 24 tháng 3 năm 1956, tỷ suất thuế nông nghiệp được ấn định

lại: mức thấp nhất là 150/o cao nhất là 370/o và miễn thuế cho những sản phẩm thu hoạch được do trồng xen, gối vụ, do những ao bèo, ruộng mạ, ruộng mới khai phá v.v...

Việc hạ thấp tỷ suất thuế nông nghiệp từ 260/o xuống 150/o và từ 450/o xuống 37/ thực ra không có gì phần khởi đối với nông dân bởi vì trong giai đoạn đấu tranh tiêu diệt địa chủ đảng đã hướng dẫn nông dân bình nghị diện tích và sản lượng các ruộng đất của địa chủ để bắt địa chủ phải nộp nhiều thuế: Ví dụ địa chủ khai diện tích 1 mẫu, nông dân bình lên mẫu hai viên có trước kia địa chủ khai gian để trốn thuế; ruộng hạng nhì nông dân bình nghị ruộng hạng nhất, do đó mức sản lượng đó vẫn được giữ nguyên mặc dầu số ruộng đất đó đã được chia cho nông dân. Vì vậy sự rút bớt tỷ-suất thuế chỉ nhằm mục đích tránh

SỰ AN NINH CÁC BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

Bảo Hiểm

27 - 29, Đại lộ Hàm - Nghi — SAIGON

Điện thoại : 23.739

ACCIDENTS — INCENDIES — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS
Tai Nạn — Hỏa Hoạn — Hàng Hải — Linh Tinh

ĐẠI LÝ CỦA

MUTUELLE GÉNÉRALE FRANÇAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHÔNE MEDITERRANÉE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : Paris — Tourane — Cholon — Dalat — Cantho — Vientiane
— Hongkong — Tananarive — Tamatave — Addijan — Douala

Cho nông dân khỏi phải gánh chịu phần sản lượng giả tưởng mà địa chủ đã phải gánh chịu trước kia.

Khi trước, nông dân làm việc theo lối cá-thể thuế nông nghiệp được đánh thẳng vào đầu người nông dân canh tác

Ngày nay, phần lớn ruộng đất của nông dân tập trung vào các hợp tác-xã, điều lệ thuế có nhiều sự thay đổi tùy theo tích chất cao thấp của hợp tác-xã

Đối với hợp tác xã bậc cao, trong đó ruộng đất của nông dân tập trung được coi là tài-sản chung, thuế sẽ tính thẳng vào tổng-sản-lượng thu hoạch của hợp tác xã. (Nông dân chỉ phải chịu phần thuế đất còn giữ làm của riêng dùng làm kinh tế phụ gia-đình, nếu có.) Nhà nước cho phép giữ lại 5% số thuế nông nghiệp phải nộp để làm vốn tích-lũy của hợp-tác-xã.

Đối với các hợp tác xã cấp thấp trong đó ruộng đất của nông dân tuy tập trung làm tài sản chung, nhưng nông dân còn hưởng 45% phần trăm huê lợi trên diện tích được bình nghị nhĩ đưa vào hợp tác xã, thuế sẽ tính như sau : nông dân phải đóng thuế nông nghiệp theo thể-lệ hiện-hành về phần đất dùng làm kinh tế phụ gia đình và phải đóng từ 40% đến 50% số thuế và ruộng đất góp vào hợp tác xã. Số thuế còn lại do hợp tác xã chịu. Đối với Hợp tác xã này nhà nước chỉ cho phép giữ lại 3% số thuế làm quỹ tích lũy của hợp tác xã.

Trong trường hợp trời làm thiên tai mất mùa số thuế được miễn giảm tùy theo hợp-tác-xã hay cá nhân. Đối với

hợp tác xã, nếu số thiệt hại bằng 10% sản lượng sẽ được giảm thuế và nếu có số thiệt-hại trên 40% sẽ được miễn thuế hoàn toàn.

Đối với nông dân cá thể nếu số thiệt hại trên 20% mới được giảm thuế và sẽ được miễn thuế hoàn toàn nếu số thiệt hại trên 60%.

Nhìn vào lối tính thuế nông nghiệp của Hà-Hội ta có thể nhìn rõ đã-tâm cướp không hết ruộng đất của nông dân kể cả những nông dân đã được Đảng chia ruộng sau các đợt cải-cách ruộng đất.

Tại các hợp tác-xã cấp cao, các ruộng đất được coi là của nhà nước, nông-dân xã-viên không phải chịu thuế về phần đất mình đã góp vào hợp tác xã và chỉ để ăn công tính điểm của hợp tác xã. Trái lại tại các hợp tác-xã cấp thấp nông dân xã viên được hưởng từ 45% đến 50% huê lợi trên phần đất góp vào hợp-tác-xã, nhưng phải chịu 45% đến 50% số thuế nông-nghiệp của phần đất đó, trong khi ấy số công điểm của nông-dân bị trừ. Như vậy những năm mất mùa số thóc thu được của nông dân chỉ vừa đủ để đóng thuế cho nhà nước.

Hànội không muốn mang tiếng cướp không ruộng đất của dân. Nhưng với hai hình thức hợp-tác-xã cao thấp khác nhau và quyền-lợi khác nhau, nông dân dù muốn dù không chỉ còn cách hiến số ruộng đất của mình cho nhà nước.

Nhờ đó phong trào hợp-tác-hóa nông-nghiệp phát triển rất mau. Trong năm 1958 chỉ có 4,7% số nông hộ vào hợp-tác xã, nhưng năm 1959 số nông hộ vào

hợp tác xã lên tới 45,41%. Năm 1960 số nông hộ vào hợp tác xã lên tới 85,83% (Nghiên cứu kinh tế số 24 tháng 12-64).

Thuế công thương-nghiệp đánh vào các ngành công nghiệp, thương nghiệp và các hàng hóa nhằm hướng dẫn sản xuất, hướng dẫn tiêu dùng và hạn chế tích-lũy cá-thể.

Thuế xuất công thương nghiệp gồm có thuế doanh nghiệp thuế hàng hóa, thuế lợi tức doanh nghiệp, thuế tồn kho, thuế buôn chuyển.

Thuế doanh nghiệp ban hành ngày 18 tháng 12 năm 1956 đánh vào tất cả các xí-nghiệp quốc-doanh, các hợp-tác-xã cung tiêu do nhà nước trực tiếp quản-lý, các công các công ty hợp-doanh và hợp-tác-xã tư-doanh.

Thuế xuất này tương đương với thuế môn bài tại các nước tự do. Các xí-nghiệp quốc doanh được hưởng khoản triết giảm 2,50% so với tư doanh.

Thuế hàng hóa đánh vào các mặt hàng có tính chất ưu đãi một số hàng hóa hoặc hạn chế tiêu dùng một số hàng hóa khác. Thuế hàng hóa tương đương với các loại thuế gián thu trong các nước tự do tất cả các hàng hóa do quốc doanh hay tư doanh sản xuất đều phải chịu thuế hàng hóa. Tuy nhiên mức nặng nhẹ khác nhau.

Đối với các mặt hàng quốc doanh thuế hàng hóa đánh vào giá hàng xuất xưởng (có thuế). Trái lại đối với các mặt hàng tư doanh thuế hàng hóa lại đánh vào giá bán buôn trên thị trường (có thuế)

Thuế lợi-tức doanh-nghiệp đánh vào tổng số lợi tức thu nhập của các công-ty hợp doanh, hợp-tác-xã tập-thể, và các tổ buôn chung bán chung hoặc mua chung bán riêng.

Các xí-nghiệp quốc-doanh và hợp-tác-xã cung tiêu do nhà nước quản-lý không phải chịu thuế vì lợi-nhuận của xí nghiệp quốc-doanh là tài sản của nhà nước. Nhà nước để lại cho xí-nghiệp sử dụng một phần nhỏ để lập quỹ xí-nghiệp, phần còn lại phải nộp cho ngân sách nhà nước.

Thuế lợi tức doanh-nghiệp được đánh theo phép lũy-tiến thấp nhất là 10% và cao nhất là 50%. Đặc biệt hai ngành công nghiệp vận tải và kiến-trúc được hưởng thuế ưu đãi thấp nhất là 80% và cao nhất là 40% ngoài ra trong một vài trường hợp đặc biệt nhà nước cũng có một vài sự triết-giảm thuế lợi-tức cho một số hợp-tác-xã thủ-công, hợp tác xã tiểu-thương, những cửa hàng hợp tác và các tổ hợp-tác. Sự triết-giảm này chỉ áp-dụng đối với một vài ngành sản-xuất hàng ít lợi-nhuận hoặc sản xuất trong những điều-kiện bất lợi về địa-lý và thiết bị.

Nghị định ngày 1-12-59 của Thủ Tướng chính phủ quy định các trường hợp triết giảm thuế lợi tức như sau :

— Đối với các hợp tác xã loại cao (công cụ sản xuất là của chung, xã viên sản xuất tập thể và thu nhập theo lao động của mình) nhà nước cho phép trích 250% số thuế phải nộp cho nhà nước để làm quỹ tích lũy hợp-tác-xã ;

(1) Hợp-tác-xã cung cấp và tiêu thụ.

— Đối với các hợp-tác-xã loại thấp (mua chung nguyên liệu, bán chung sản phẩm, nhưng sản xuất cá thể và thu nhập của mỗi xã viên do kết quả sản xuất của cá nhân quyết định) chỉ được trích 200/o số thuế phải nộp cho nhà nước để làm quỹ tích lũy.

— Đối với các tổ hợp tác, các cửa hàng hợp tác cũng chia làm hai loại:

● Loại mua chung bán riêng, số thuế lợi tức doanh nghiệp là số thuế của tất cả các xã viên tính theo thể lệ chung (lũy tiến trừ 10 đến 500/o) cộng lại những nhà nước cho phép tổ chức hợp tác trích lại 50/o số thuế để tăng cường quỹ tích lũy.

● Loại mua chung bán chung nhà nước quy định thuế lợi tức sẽ tính theo tỷ lệ cố định là 100/o tức là thuế xuất thấp nhất của ngành thương nghiệp.

Hà Nội quan niệm sự trao đổi buôn bán, kinh doanh là một hình thức bóc lột và giải thích thuế lợi tức doanh nghiệp như sau: « Xét về bản chất thì lợi-nhuận của nhà công-thương là do bóc lột công-nhân và nhân dân lao-động mà có. Vì vậy nhà nước phải đặt thuế lũy-tiến để thu hút một phần tài-sản đó về cho giai cấp công-nhân và nhân dân lao-động. Nhưng ta chỉ thu về có mức độ cao nhất là 500/o » (Nghiên cứu Kinh tế số 24 tháng 12-1964).

Thuế tồn kho đánh vào các hàng tích trữ trong kho của các nhà công thương nghiệp Hà Nội hồi đầu 1955.

Thực ra đây chỉ là biến-thể của thuế hàng hóa. Khi về quản trị Hà Nội nhà-nước cộng-sản biết rằng nhiều nhà công thương tích trữ một số lượng hàng hóa tương đối lớn lao. Vấn đề đặt ra là phải làm thế nào để:

1.— Ngăn chặn không cho những nhà công-thương này có thêm phương-tiện cạnh-tranh với các hàng của các công-thương-gia trong vùng kháng - chiến, đồng thời bắt các nhà công-thương phải đóng góp một phần thuế mà trước đây họ không phải đóng cho nhà nước Cộng sản.

2 — Triệt hạ bớt một phần vốn của tư-bản bản-xứ một cách hợp-pháp.

Vì vậy nhà nước bắt buộc các cửa hiệu có hàng tồn kho phải kê khai đầy đủ số lượng hàng và phải nộp thuế hàng hóa trong một thời gian ngắn.

Bên cạnh những thuế xuất đánh vào những người có cơ-sở kinh-doanh, còn có những thuế xuất đánh vào lẻ lỏi làm ăn cá thể như thuế kinh-doanh nghệ-thuật, thuế buôn chuyển, thuế đánh vào các người sản xuất quá nhỏ như thợ sửa giày, thợ sửa khóa, bán hàng rong v.v... rất tiếc chúng tôi không đủ tài liệu chính xác để trình bày rõ ràng các sắc thuế này.

II.— Đốc túi nhân dân

Tính tới năm 1960 đầu 1961 phong trào hợp-tác hóa công-nghiệp và nông-nghiệp đã hoàn-thành về căn bản thành phần kinh-tế tư-bản chủ-nghĩa hoàn toàn bị xóa bỏ.

Tại nông-thôn đại bộ phận thành phần kinh-tế cá-thể đã được hợp tác hóa - Ở thành thị phong trào hợp tác hóa bao gồm gần 88% các nhà thủ-công nghiệp và 45% các nhà tiểu-thương.

Theo thống kê, từ 1960 đến 1961 giá trị sản-lượng của thành phần kinh tế xã hội chiếm tỷ-trọng ngày càng lớn trong tổng giá-trị sản-lượng công và nông ở toàn miền Bắc

: Công nghiệp : Nông nghiệp

Năm 1960 : 78,27% : 55,2%

Năm 1961 : 90,81% : 84,9%

Lịch trình xây dựng nền kinh tế Xã hội chủ nghĩa tại miền Bắc chia làm ba giai đoạn :

— Giai đoạn phục hồi kinh tế bắt từ cuối 1954 đến hết năm 1957

— Giai đoạn cải tạo kinh tế từ đầu năm 1958 đến hết 1960

— Giai đoạn xây dựng kinh-tế xã-hội chủ-nghĩa với chương trình 5 năm lần thứ nhất bắt đầu từ 1961 đến hết 1965..

Người ta nghĩ rằng đến lúc Hà Nội có thể chấm dứt việc thu thuế bởi vì với các cơ-cấu kinh-tế nhà nước hiện nay Hà Nội chỉ việc quy-định lại vấn-đề giá và ấn định mức lương cho công nhân và nông dân làm việc trong các hợp-tác-xã và xí-nghiệp Quốc-doanh. Lợi nhuận thặng dư do nhà nước trước kia lấy đi dưới hình thức thuế có thể nộp thẳng v. o ngân-sách nhà nước. Vậy mà sao tại Hà Nội còn duy trì vai trò của thuế ?

Phải chăng Hà Nội tin rằng dân chúng miền Bắc chưa có đủ nhiệt tình để chấp nhận chủ nghĩa Xã-hội hoặc nếu quy-định giá cả và mức tối thiểu cho công nông có thể có sự chống đối của công-nông chăng ?

Chúng tôi nghĩ rằng đó không phải là duyên cớ chính đáng để Hà Nội trì hoãn việc tiến lên chủ-nghĩa Xã-hội với hình thức cao hơn.

Nguyên nhân chính khiến Hà Nội chưa dám bỏ hẳn các sắc thuế vì nền sản xuất quốc-doanh của Hà-Nội chưa đủ khả-năng cung cấp tất cả các đồ thiết bị cho nhu cầu trong nước.

Theo tài liệu thống-kê thành phần kinh tế quốc doanh mới sản xuất ra vào khoảng 60% tổng số sản phẩm xã hội về công-nghiệp và chưa đầy 1% tổng sản phẩm xã hội về nông nghiệp.

Trái lại, các thành phần kinh tế hợp-tác và cá thể sản xuất ra trên dưới 40% tổng sản phẩm xã hội về công-nghiệp và gần toàn bộ tổng sản phẩm về nông nghiệp.

Vấn-đề đặt ra là muốn bãi bỏ các sắc thuế Hà Nội cần phải biến nốt khu vực tập thể thành các thành phần kinh tế quốc doanh. Hà-Nội có thể dễ dàng làm công việc này nhưng hậu quả tai hại không thể lường trước được vì khu vực tập thể tuy có sự quản-trị chung của nhà nước nhưng tản mát, khó hiện-đại-hóa không đơn thuần và còn cần nhiều sáng kiến của tư nhân.

Mặc dầu đặt ra các hình thức hợp-tác-xã cao thấp khác nhau, Hà-Nội còn phải duy trì hình thức hợp-tác cho đến khi nào các cơ sở quốc-doanh đủ sức cung-cấp các nhu-cầu cần thiết bị công nghiệp và nông-nghiệp, khỏi cần sự tiếp tay của khu vực tập-thể. Ngày nào còn khu vực kinh tế tập-thể, Nhà-hội còn phải duy trì các sắc thuế khắc nghiệt kể trên để trấn áp mọi tư-tưởng trở thành tư-bản của nhân dân và giam hãm họ trong tình-trạng nửa vô-sản nửa tư-sản hiện tại cho đến ngày nào đó trở thành một công nhân chính hiệu của nhà nước vô sản.

Còn một nguyên nhân tâm lý khiến Hà-Nội còn dụt dè chưa dám mạnh dạn thi hành chế độ chủ nhà nước và thợ

nhân dân, bởi vì một khi nhà nước đứng địa vị chủ nhân ông nếu trả lương quá ít và bán hàng với giá cao, nhà sẽ bị mang tiếng bóc lột nhân dân và nước sẽ trực tiếp gánh chịu mọi trách nhiệm và hậu quả nếu không mang lại được cho dân chúng một đời sống tương đối cao hơn hoặc ít nhất cũng bằng đời sống cũ của họ.

Vì vậy, trong tình trạng hiện tại chúng ta có thể tiên đoán một cách không sợ sai lầm rằng Hà-Nội còn phải duy trì chính sách thuế khóa hiện hữu trong 1 thời gian khá dài nữa. Và do đó chúng ta biết rằng chủ-nghĩa Xã-hội miền Bắc không còn là một lý-tưởng hấp dẫn đối với dân chúng miền Bắc.

SÔNG HỒNG

HỘP THƯ

Bách khoa đã nhận được các bài sau đây :

Nghi về tương lai (Cao-Huy-Biến)

Bà Xuân (Đức-Vĩnh) Văn nhân ra áo (Phạm-Bình-Hưng) Về thành phố cũ (Mạc-Quan-Huyền) Nguyên cầu (Hải-Nguyên) Tuổi thơ sa mù (Trần Thế Thủy Triều) Những nỗi ưu phiền (Nguyễn Thọ Chấn) Vọng cơ... (Đĩnh Bằng) Nỗi buồn của Mẹ (Vân Vũ) Sân khấu... (Bùi Bảo Trúc) Mộc Lan Hương (Hồng Phúc Nguyên) Tôi đứng giữa thành phố (Nguyễn Phan Thịnh) Khoảng cách (Hoang VukimBa) Khi mùa thu (Đoàn Yên Linh) Về quê... (Quang Ly) Ngại ngần (Trần Thế Thủy Triều) Thư cho Chi (Cung Vũ) Những ngày đông Hà nội (Lê Hạ Lan) Niềm tin nhỏ dại (Nguyễn-Đức Dụng) Chạy vào rừng sâu úp mặt (Trần Văn Lệ) Đứng đi nữa (T.A.T.H) Lời ru của mẹ (Ngô Tuấn) Gió cây... (Vũ Trung Túy Lang) Trở mùa (Phạm Lê Phan) Kể diên (Trần Văn Điền) Nghìn năm không ngủ (Đĩnh Văn Thìn) Những dấu chân tuyệt đối (Nguyễn-Thị-Hà) Bài thơ của Lũy (Trần Thái Bình).

★ Xin chân thành cảm ơn các bạn gửi bài, và trong thời hạn ba tháng, trừ thơ, nếu các bạn không thấy đăng, xin coi như chúng tôi không chọn

B.K.T.Đ

V
i
ệ
t
N
a
m
H
à
n
g
K
h
ô
n
g

TRONG ĐÔNG-NAM Á



**XIN MỜI QUÝ-VỊ
LUÔN
LUÔN
DU NGOẠN**



bằng
của
ĐƯỜNG BAY

Caravelle
PHÂN LỰC CƠ TRẠNG LÊ NHỨT THỀ - GIỚI

Hoasen VIỆT-NAM

- ★ NHANH CHÓNG - 800 CÂY SỐNGÀN MỘT GIỜ
- ★ ÊM-ÁI - MÁT-MỀ - ÁP LỰC ĐIỀU HÒA
- ★ TRANG-TRÍ TỐI-TÀN - ĐẦY-ĐỦ TIỆN-NGHI

Xin hỏi chi-tiết và lấy vé nơi các hãng du-lịch hay

VIỆT-NAM HANG-KHÔNG
116, NGUYỄN-HUY, SAIGON. 21.624-625 626

A
I
R
V
I
E
T
N
A
M

Địa vị Kiến-trúc trong nghệ-thuật

Khi nói về nghệ-sĩ và nghệ-thuật, khá nhiều người liên tưởng và chỉ liên tưởng đến nhạc-sĩ, thi-sĩ, họa-sĩ... ít ai nghĩ tới các nhà kiến-trúc và ngành hoạt động của các vị này. Nhưng vì sao vậy ? Phải chăng tại danh-từ không thích đáng ? Người ta dùng tiếng sĩ để gọi người vẽ tranh, người đánh đàn, người làm thơ, và cả người bốc thuốc, văn rã... nhưng còn người vẽ kiểu xây nhà, thì lại được tôn làm sư, tuy thường phải phục vụ khách hàng, chớ chẳng mấy khi dạy ai. Cũng lạ : vì sao lại kiến-trúc-sư mà không kiến-trúc-sĩ ?

Có lẽ chưa hẳn là lỗi danh-từ. Dù chưa được liệt vào hạng sĩ, nhà điêu khắc vẫn không bị loại ra ngoài vòng nghệ-thuật.

Suy đi tính lại, chỉ tại những đồng nghiệp của Le Corbusier hay đi liền với các nhà thầu khoán, thợ hồ, thợ mộc nên tính-cách cao-quý của nghệ-thuật kiến-trúc bị những đồng gỗ, gạch, vôi, cát che lấp gần hết.

Ngoài ra, đa-số người giao thiệp với nhà kiến-trúc, vì cần dùng hơn là để tìm đẹp thuần-túy như khi tới gặp thi-nhân hay họa-sĩ ; đầu đề câu chuyện chẳng phải là cảm-quan này hay lý-tưởng khác, lại chính là những sự khá xa nghệ-thuật : giấy phép xây cất, việc chia lô đất, giá tiền thù-lao, kích thước bếp, phòng tắm, cổng rãnh vv. Tóm lại mắt khách hàng thường chỉ thấy một chuyên viên vẽ kiểu lấy tiền.

Cũng chẳng đáng trách ai, vì thực ra

kiến-trúc có hai trạng-thái : thực-dụng và mỹ-thuật ; và tùy phương-diện người xét, khía cạnh này khuất sau khía cạnh kia, tuy theo lẽ, cần được bao gồm tất cả.

Trạng-thái thực-dụng và doanh-nghiệp làm lợi cho nhà kiến-trúc về mặt vật-chất, nhưng gây thiệt hại về mặt tinh-thần, ở những xã-hội còn coi nghệ thuật như xa-xỉ phạm dành cho một thiểu-số an nhàn.

Nhưng chính vì tính-cách thiết-thực, mà Kiến-trúc có một giá-trị đặc-biệt : không nghệ-thuật nào đi sát hơn với cuộc sống, đi sâu hơn vào đời riêng đời công. Kiến-trúc nhằm thỏa mãn nhu-cầu tối-yếu của con người (nhà ở trường học, sở làm) đến nhu-cầu tối-thượng (đền, chùa, nhà thờ)

Hàng vạn bức tranh trong các viện Bảo-Tàng, hàng vạn bản nhạc bài thơ hay đến đâu, dù ảnh hưởng sâu xa vào nhân-loại, cũng không có hiệu-lực thay đổi mặt địa-cầu một cách hiển-nhiên trực-tiếp như các đình, đài, dinh, thự, thành, thị, phố, phường. Trông thấy công-trình tạo-tác và chỉnh-trang lãnh-thờ, thì có ý-niệm rõ-rệt ngay về trình-độ văn-minh.

Vì phải đáp ứng những đòi hỏi tầm thường, nhà Kiến-trúc cần có trăm thứ vật-liệu và dụng-cụ kèn cang, không như nhạc-sĩ chỉ việc ngảy ngất với cây đàn, hay như thi-nhân chỉ gặt gù với bút giấy ... Đứng trước những khối bê-tông nặng-nề, giữa xà, dui, cột, bù-

loong, nhà kiến-trúc chẳng còn chỉ vẽ nghệ-sĩ, và thay vì mơ màng, phải cân nhắc tính toán với những con số khố-khan.

Tuy đương đầu với chất-liệu, nhà kiến-trúc qua các thời đại đã dần dần khám phá ra nhiều chất-liệu mới mà sử dụng tùy ý, hoặc lựa theo chất-liệu mà tìm ra Thể mới, với cẩm-thạch, xây đền đài Nhã-Điền ; với xi măng cốt sắt, xây lầu chọc gờ ; với thép và kính, tránh được bức tường kín đặc, mà dựng hàng chục tầng đầy ánh sáng ... Nên thực ra nhà kiến-trúc vẫn có cách làm chủ chất-liệu để đạt mục đích.

oOo

Mục đích ấy không phải là thể hiện cá-tính đặc-biệt để tự-do vươn tới toàn năng ; cũng không phải là tìm ra những vẻ đẹp phi-phạm siêu-việt (beauté transcendante) như nhiều nghệ sĩ thời nay và ngành khác. Và chẳng, chỉ dùng trí tưởng-tượng, mới hoạt động như vậy được. Trái lại, nhà kiến-trúc không đòi thú riêng cho bản thân, nhưng làm cho người khác, nếu vẫn mong đẹp, lại cần tiện-lợi trước tiên ; nếu có quyền thi thố tài-năng, thì tài-năng đó phải h rống vào thực-tế mà vượt mọi trở lực, chớ không tùy hứng tung hoành.

Trong các ngành thi, nhạc, họa... nghệ-sĩ hay khóc chuyện ngàn xưa, tả tình xứ khác, vẽ những hình sắc mà thế-hệ sau này may ra mới hiểu, nghĩa là có thể vượt thời-gian và không-gian, hai yếu-tố mà nhà kiến-trúc phải tồn trọng. Nếu một Wright đưa ra kiểu lầu

dài bên Ý thế kỷ XV, chắc chắn các triệu-phủ ở Saigon bây giờ lúc đầu lập-tức. Tài-nghệ ở kiến-trúc, là hòa hợp nổi với những đối-tượng và sự-kiện khách-quan, của người và cảnh trước mắt, của đất đai rộng hay hẹp và khí-hậu nóng hay lạnh, tóm lại, của một hiện-tại không thể chối từ nếu muốn tìm ra vẻ đẹp.

oOo

Đẹp của kiến-trúc, từ thượng-cổ, đã chi phối các nghệ-thuật tạo-hình khác. Tượng hay tranh, thuở xưa đắp hay vẽ trên tường trên cột đề tô điểm, và phải thích ứng với ngôi nhà; rồi dần dần mới tách rời để đứng riêng hay đặt trên giá, và biểu lộ ý-tình của cá-nhân tác giả.

Trải bao đời, và hiện nay còn thấy' nhiều loại tranh hay tượng vẫn theo tinh thần kỹ-hà-học, với những qui-mô kích-thước, những vạch thẳng góc tù, những bề-thể cân xứng của nhà kiến-trúc, hoặc Tỷ-lệ vàng (Nombre d'or, section d'or) được áp-dụng trước tiên vào các miếu đền Hy-Lạp.

Bởi ngôi nhà chứa đựng mọi đồ-dạc, trang-trí phải thích ứng với kiến-trúc, chớ không bao giờ nhà phải xây cho phù hợp với bàn, ghế, thảm, rèm. Nên khi tường đắp hoa, cửa khắc rồng phượng, thì tủ, giường, bình, gương cũng chạm trổ công-phu.

Đến khi Đẹp thuần-nhã xuất hiện ở nhà cửa, thì được truyền mau lẹ sang đồ gỗ đồ xù, đồ bạc, đồ đồng, rồi cả máy móc xe hơi, tàu thủy, tàu bay .. Chính những

nhà kiến-trúc đã tranh đấu rất nhiều để phổ biến Đẹp đơn-giản ở Mỹ-học kỹ-nghệ

Trong biệt-thự hay chúng-cư vuông, thẳng và nhẵn của Gropius, không thể n'ò mắc rèm thêu chân chỉ hạt bột, bày đồ chạm cườm nhỏ con sóc: nên bàn ghế và đồ vải cũng phải theo khung cảnh chung mà thành giả đi. Auguste Perret coi như phạm tội ác, kẻ nào xây một cột giả, một trụ thừa với dụng ý tô điểm (celui qui fait une fausse colonne commet un crime — Auguste Perret). Le Corbusier hết sức dả phá sự riêm rúa cầu kỳ, ở bất cứ vật gì ... Tóm lại Đẹp của kiến trúc mới đã khiến thể hệ ngày nay thay đổi cảm quan, vì đập vào con mắt mạnh hơn nhiều các tác phẩm nghệ thuật khác.

Muốn thấy tranh hay tượng, thường phải vào lâu đài, phòng triển lãm hay viện Bảo tàng. Nhưng nhà cửa các loại các kiểu, lúc nào và ở đâu cũng có thể sừng sững trước mặt. Mỗi thành phố dù là Đông Kinh, Ba Lê hay SaiGon đều là nơi triển lãm quanh năm suốt tháng các công trình tạo tác. Chúng ta sống nhờ kiến trúc, sống giữa kiến trúc mà ít chú ý, chẳng khác nào đối với không khí quanh mình.

oOo

Sự thờ ơ đó do một quan niệm khá thiết thực về kiến trúc. Đa số chỉ nghĩ tới kiểu nhà và người vẽ khi cần xây dựng, hoặc nuôi hy vọng có nhà. Nhiều người tri thức quên rằng kiến trúc còn là một nghệ thuật mà ai cũng nên tìm hiểu và thưởng thức, không cần đợi có

tiền, cũng như đối với tranh hay thơ : tha thiết với màu sắc và vần điệu, lại thường là người rất nghèo. Vậy sao bỏ phí mất bao nhiêu vẻ đẹp có thể tìm trên các tác phẩm kiến trúc, cần chỉ phải mua nổi mới lưu tâm ?

Được dịp du ngoạn, nhất là ở nước ngoài, mà không biết chiêm ngưỡng các lâu đài nổi tiếng, thì quả là phí và đáng tiếc. Dư tiền, xây biệt thự đồ sộ, nhưng chọn kiểu lố lằng : cả con cháu thừa hưởng di sản cũng sẽ chịu đựng sự đàm tiếu của khách qua đường có mắt. Có quyền quyết định về những công tác tốn hàng triệu hay hàng trăm triệu, mà đề xây dựng những công sở không thích hợp và phản mỹ thuật, thì mang tội với xứ sở : thiếu ý thức nghệ thuật, không thể là trường hợp giảm khinh. Ngược lại, những người hữu quyền lưu danh trong lịch sử, thường biết cho tạo tác những lâu đài và thành thị mà đời sau ca ngợi (Vua chúa Ai-Cập, Périclès ở Hy-Lạp, Louis XIV ở Pháp, Shah Jehan ở Ấn-Độ...)

Cứ gì phải nhăm những công cuộc xây dựng lớn lao ? Kiến-trúc xứng với tên gọi, phải phục vụ quần-chúng. Kiểu nhà tốt đẹp không dành riêng cho triệu-phú, nhưng phải thành một hy-vọng và niềm phấn-khởi của mọi tầng lớp và mọi gia-đình. Làng kiểu-mẫu với nhà rẻ tiền mà đủ tiện-nghi tối-thiểu, là sự tối-cần cho một xã-hội còn nghèo. Song kiến-thiết mà không chú trọng đến các đòi hỏi thông-thường của nghệ-thuật kiến-trúc, thì chỉ gây thiệt-hại cho đất nước về lâu dài.

oOo

Nhưng các thường-thức về kiến-trúc và chỉnh-trang lãnh-thò, lại chưa được phổ-biến rộng-rãi. Giữa một xã-hội đương cần mở mang, vai trò quan-trọng của kiến-trúc trong nghệ thuật và đời sống chung, ít khi được nhận thức đúng tầm. Thiếu thông-cảm với quần-chúng, phải chiều ý nhiều người không hiểu biết, kiến-trúc có tài lắm khi chịu thiệt-thòi về phương diện tinh-thần.

Niềm an-ủi, là nếu đôi khi được đền-bù thì sự đền bù này lại rõ rệt, lớn lao, và lâu bền gấp mấy của các ngành nghệ-thuật khác.

Người cầm cùi viết văn, in xong được cuốn sách, dù hay dở ra sao chưa biết cũng thấy hài lòng vì đã hoàn thành nổi một tác-phẩm. Tâm-trạng đó càng mạnh-mẽ hơn ở nhà kiến-trúc khi có dịp xây được một ngôi đáng kể về quy mô hay kiểu đặc-biệt. Vì sách phát hành chưa chắc bán được, và khó khăn hơn nữa, là sự lưu-truyền. Trong khi đó, ngôi nhà khánh-thành, thì khoản thù-lao tương xứng đã nằm đủ trong kết văn-phòng kiến-trúc ; dù đẹp hay xấu, dễ ưa hay không, tác-phẩm bằng gạch ngói đã chiếm đoạt một khoảng trên trái đất này, để được ngợi khen hay chịu đựng ít nhất vài chục năm dài : sự góp mặt với đời không thể phủ nhận, và những đứa con bằng bê-tông phải khiến tác-giả tự hào. Huống chi là xây được điện Versailles hay trụ-sở Liên-Hiệp-Quốc?... **D. T.**

Kỳ tới : Kiến-trúc hiện - đại, ở nước ngoài và ở Việt-Nam

TRUYỆN 2 KỶ

● Y UYÊN

Người đã lên tàu

Giảng nhập trại vì sự lầm lỡ của một người láng giềng và sau đó là sự lầm lỡ của mình. Người láng giềng đó, Giảng như mọi người, kêu là anh Tư. Anh Tư, một người tản-cư nhưng không ở khu đất người ta dành cho đám dân tị nạn. Anh là bà con của một gia đình coi ngôi nhà thờ kế bên nhà Giảng. Một bữa đi làm về, thấy người ta vôi vữa dựng một mái tranh áp vào sau bức tường nhà thờ, Giảng hỏi và biết đó là nhà anh Tư. Anh Tư không mấy ưa bọn Giảng. Đã ba lần anh phải trở lại cửa đề khỏi nhìn thấy cảnh bọn Giảng đi tiêu bữa bãi ở sau nhà. Vợ anh đi bán vịt lộn, còn anh ở nhà ê-a đọc truyện con-nít, bắt mấy đứa nhỏ nghe hoặc vợ vắn khắp thị-xã kiếm chuyện về nói với vợ con và mấy ông già trong xóm nghe. Anh lượm chuyện vặt, tin tức, như một người mò mẫm vào các hang cùng ngõ hẻm lượm ve chai, mua lông vịt. Anh kiên-nhẫn thấm nhặt tất cả những gì đã qua lỗ tai, qua con mắt của mình, khi đã về nhà anh lựa chọn, sắp xếp xem tin nào đáng nói trước, tin nào nói sau, chuyện này kể vào lúc nào, chuyện kia kể cho những ai. Sau đó, anh thoải mái xử-dụng từng thứ như xử-dụng những đồ dùng mình vừa mất công chế hóa. Nếu những mẩu tin, câu chuyện là một loại thực-phẩm, chắc anh đã là người no đủ nhất vùng. Vì vậy anh vẫn đói và cái đói đó có bộ mặt hoàn toàn xa lạ với việc anh ngồi kể chuyện.

Một buổi chiều, sau buổi cơm, Giảng ngồi đánh cờ với người bạn duy nhất còn lại bên mình suốt mùa hè ở lại thị xã. Trong những người châu rìa, ngoài những bộ mặt quá dạn dĩ với những câu gắt gỏng lời nói thô tục của người bạn

Giảng, còn có anh Tư. Cho tới hôm đó, Giảng vẫn chưa kêu tên anh lần nào. Một lần gặp anh ngoài đường, cười chào anh, anh có vẻ lảng tránh. Giảng không muốn có một bầu tỏ tình thân mang vẻ cố gắng nào khác. Trong lúc ngồi đánh cờ chốc chốc Giảng lại thấy anh nhia mình. Bất gặp Giảng nhìn lại, anh gượng gạo cười, cúi xuống bàn cờ lảng tránh. Dứt ván cờ, Giảng bỏ vào trong nhà, sau một lát ngần ngại anh cũng vào theo. Ở anh như có sự e dè. Anh hỏi Giảng sao không về Sài-gòn, hè ở lại chắc buồn vì ra khỏi thị xã là có cảm tưởng mình đang đi trước những hòng súng, bước gần những trái mìn... Cuối cùng anh hỏi sao Giảng không đi trại hè cho đỡ buồn. Giảng không hiểu anh đến đây với dụng ý gì. Giảng để ý từng câu nói của anh, vẫn không giải được thắc mắc. Khi nghe anh nói anh cũng không có tên trong danh sách các trại sinh, nghe anh lập đi lập lại « Thầy vô cho vui »... Có nhiều cô « giúp đỡ đồng bào », Giảng đoán anh có nhiệm vụ cò động cho trại hè. Nếu vậy, anh Tư đã đóng vai trò của mình một cách vụng về. « Thầy vô cho vui », giọng anh như vô tình, nhưng bộ mặt anh lại ngược lên chờ đợi. « Tôi không tuyên truyền thầy đâu », đi trước nụ cười muốn biểu lộ một thân mật tuổi trẻ nhưng biến dạng vì bị loãng vào nỗi ngượng ngập của cả họ mặt bóng lên những vết nhăn, đi trước. « Có nhiều cô đẹp đó thầy ». Anh Tư không nói nhiều. Nhiều khi Giảng nói xong chờ anh lên tiếng anh vẫn làm thinh. Có thể anh sợ nói nhiều. Giảng nghi ngờ. Cũng có thể cảm tưởng mình bị rõ ần ý khiến anh chỉ lập lại những câu thật ngắn, thật chắc, để có vẻ tự nhiên. Nhưng Giảng vẫn thấy ở anh có một sự tha thiết lẫn cố gắng qua những lời nói đáng điệu lúng túng vụng về. Và chính vẻ vụng về đã khiến Giảng không muốn anh có thêm một vẻ chưng hửng khi nghe Giảng từ chối. Anh Tư là một trại sinh, một thanh niên thiện chí có ba mươi bảy đồng bạc tiền ăn một ngày, những cái nhìn gượng gạo, cuộc viếng thăm đặc biệt, những câu nói như vô tình song Giảng thấy ần ý, khiến Giảng thấy mình đủ lý để nhập trại, khỏi phải thắc mắc.

Đến ngày đã là một Trưởng tiểu ban trong ban quản trại, Giảng mới thấy mình lăm lờ. Anh Tư không hề là người trong ban cò động. Anh ở trong ban công tác, lo chuyện chuyển vác thực phẩm, ống cống và đắp đường. Giảng ít gặp anh ngoài những lúc anh vác gạo, khuôn xẻng, khuôn cuốc vào kho và những lúc sinh hoạt trong trại. Giảng coi về việc phát tặg phẩm cho dân chúng, suốt ngày quanh quẩn bên mấy kho trữ với cuốn sổ và chùm chìa khóa. Lúc đầu, trưởng trại còn để ý tới mọi việc, tới lúc những công chuyện bắt đầu được thực hiện như mọc hàng trăm cánh tay giơ ra bầu xé anh ta, anh ta quên hết, chỉ còn biết lúng túng gặt, đỡ. Cuối cùng anh đành tìm một chỗ ần nấu. Chiếc Land Rover mượn của một cơ quan thông tin. Anh lái xe chở xoong nấu cơm, muông, đĩa, chở thức ăn, chở mấy người cò động... Lúc đó, nếu không có chỏm tóc vòng lên như cái đuôi gà và cái còi nơi ngực, người ta khó còn biết anh là trại-trưởng. Trại-trưởng đã thành một tài xế có đeo còi. Giảng đương nhiên

một mình xoay sở trong việc phát tặng-phẩm cho dân. Mặc dù danh sách những người được lãnh được lập từ lâu, mặc dù những chuyến vận tặng phẩm ồn ào, dân chúng vẫn chưa hiểu rõ việc làm của trại. Buổi sáng hôm khai-mạc, ban cộng đồng đông xe đi gọi loa, đến trước chợ, một bọn trẻ xúm lại hỏi « Có khỉ không anh, có khỉ không anh ? » Buổi chiều, chiếc xe cầy bụi, nhấp nhồm nhảy hết thôn nọ tới thôn kia, lúc dừng lại trong một ngõ hẻm, mấy ông cụ già ngồi trong cái quán nước nghe chăm chú rồi bảo nhau « mít tinh chi mà mít tinh hoài vậy » Giảng trở nên nghi ngờ khả-năng thông cảm giữa mình với dân chúng. Khi nhờ nhóm nữ trại sinh viết xong sổ phiếu phát tặng phẩm, Giảng một mình lần mò tới từng vùng, từng thôn kiểm mấy người đại diện nhờ phát giùm. Giảng đi vào một buổi chiều. Nắng nung bỏng những hạt cát kẹt vào giấy Giảng. Những đồng cỏ khô xa xa là núi khai-quang. Những tiếng hò hét như tiếng nô giỡn lạc lõng của toán trại sinh văng ống cống. Thêm một cánh đồng cỏ khô. Những tiếng hát hồn hồn nổi lên rồi tắt ngấm với những tiếng hét đề biêu lộ tiếng cười vì quá hụt hơi của đám con trai phơi mình làm đường. Thêm một vùng rào tre làm ấp. Những bộ mặt mồ hôi nhô khỏi mấy cái hố chân cầu dưới nương. Nếu không có những nụ cười lấm láp, Giảng đã có hình ảnh hoàn toàn của những tù binh bị móc ra khỏi hầm sâu,

Giảng đi sâu vào thôn xóm. Những bóng dừa lòa xòa, những con đường chạy giữa hai bên các bờ tre làm Giảng muốn ngồi xuống nghỉ nhưng đồng thời Giảng cũng thấy xa dần mặt trời, xa dần các bạn. Sự e-ngại tăng dần theo những bước chân giẫm trên đường gây những tiếng động sỏi cát, gai góc trong đầu, Giảng. Những sấp giấy trên tay giúp Giảng giảm bớt cảm tưởng xa lạ. Trước khi gặp các đại-diện, Giảng vào nhiều nhà hỏi han, trò chuyện ít câu để người ta đỡ nhìn Giảng với vẻ dò xét, để nhân tiện đo lường mức chính xác và lẽ công bằng của mấy người đại diện khi lập danh sách số người được trợ cấp. Nỗi ồn ào của đám trẻ đi theo mình khiến Giảng đỡ ngần ngại như lúc mới đặt chân tới. Trong chốc lát, khắp nơi người ta loan truyền việc Giảng đi « điều tra ». Có nhà, Giảng vừa bước chân vào đã được đón tiếp niềm nở. Trong lúc người chồng ngồi nói chuyện trời đất với Giảng, người vợ chạy ra chạy vô lảng xãng bối rối, cảm động. Một lát chị lách ra khỏi cửa, nồn nả đi ra ngoài ngõ. Giảng tưởng chị tìm thứ hối lộ mình. Nhưng Giảng đã lầm. Chỉ mười phút sau thì ta lật đặt trở về. Chị kéo năm sáu đứa trẻ lại trước mắt Giảng, vừa thở vừa la : « Chào thầy đi bay. Mai mốt bay còn đi từng giỡn mất công tao đi kiếm, bay chớ có năn nỉ chi nữa. Giảng nhìn bọn trẻ, thấy có ba bốn đứa đã ra trình diện mình ở mấy nhà trước. Phải nghiêm trang lắm Giảng mới khỏi bật cười khi chị đàn bà đuổi bọn trẻ chị vừa đi mượn về, quay nói với Giảng :

— Nhà đông trẻ nhỏ quá thầy. Chạy ăn cho chúng cũng đủ mệt.

Lúc Giảng ra khỏi nhà, chị ta theo chồng tiễn Giảng với vẻ hân-hoan nhưng anh chồng lại lộ vẻ áy náy, bồn khoăn. Anh ta có vẻ hiền, nhưng cục. Lúc thấy vợ chỉ năm sáu đứa trẻ suýt soát nhau, nhận là con mình, anh đỏ mặt nhìn Giảng nửa tuyệt vọng, nửa cầu cứu. Dời tay Giảng ở cổng, anh tần ngần như dời bỏ một ân huệ. Giảng sang tới một nhà gần đấy thì nghe có tiếng vợ anh la như cháy nhà. Giảng chắc anh chồng đang gây lộn vì mưu tính dẫn dộn của vợ.

Giảng về tới trại, mọi người đã ăn cơm chiều. Có những toán ngồi quay quần quanh những tấm bảng học trò kê áp nhau trong lớp học, cũng có những toán chỉ chờ chồng cái xoong còn cơm cháy, cái chảo hết thức ăn trên bàn. Những trại sinh trong các toán này đứng ngồi lẩn lộn ngoài hiên, ở trụ sở, ở trụ cờ, ở bàn uống nước nhà người cai trường. Giảng chợt nhớ mình không ở toán nào và cũng không có phần cơm dành cho ban quản trại. Mạnh ai nấy ăn. Giảng chạy tới từng toán, thấy toán nào toán nấy đã đủ phần. Giảng bắt đầu thấy đói. Anh Tư ngồi ăn với mấy người đã có tuổi nom như người tản-cư thấy Giảng lật đật đi qua, hỏi :

— Thầy kiểm cơm ăn ?

Giảng gật :

— Có chỗ nào còn cơm không anh Tư ?

Anh Tư cầm cái muống chỉ lại nhà cai trường :

— Thầy lại đó thử coi. Ở đó mấy cô vẫn thường có phần cơm dành cho trại-trưởng (anh Tư cười) trại phó. Trại phó i hi...

Giảng bước như nhảy xuống mấy cái xoong bắc trên mấy cái bếp đảo ở đầu nhà cai trường. Ba bốn người con gái đang ngồi nói chuyện, không có vẻ bận tâm về chuyện ăn uống. Giảng hỏi :

— Còn cơm ăn không mấy cô, cho xin một đĩa ?

Một người con gái ngần ngại đưa mắt nhìn các bạn, Giảng hiểu họ còn cơm nhưng không có phần dành cho mình. Một người khác giở nắp cái xoong để mấy đĩa cơm thức ăn ngon lành, ngó rồi chặc lưỡi, nhắc đưa cho Giảng một đĩa :

— Anh cứ ăn đại phần này đi, rồi tính sau.

Giảng đỡ đĩa cơm nhìn người con gái :

— Cám ơn mấy cô. Về muộn quá làm phiền mấy cô.

Người con gái vừa đưa đĩa cơm cho Giảng cười :

— Từ mai anh sẽ có phần cơm để dành cho anh.

— Được vậy hay quá rồi còn gì.

Giảng nói mồm đầy cơm. Từ lúc đó Giảng biết Oanh. Trong số những nữ trại-sinh rải-rác trong các toán, Oanh là người con gái thiếu nhan sắc nhất. Người Oanh

cao, hai vai mỏng, ngực trống trải. Mớ tóc bờm sòm khiến Giảng nghi nếu Oanh không ở một nơi tu hành nào ra, không vừa có những ngày ở một trại giam nào đó chắc cũng vừa trải qua một chứng bệnh ngặt nghèo. Khuôn mặt Oanh xanh xao, ít biểu lộ. Đôi lúc Oanh cười, nụ cười như một giăng kéo để bộ mặt bớt im lìm, ngớ-ngẩn hơn là để tỏ một niềm vui. Oanh thuộc vào loại người khó định tuổi song Giảng vẫn không muốn nghi Oanh là một người đàn bà. Đàn bà, Giảng mừng tượng tới những người con gái đã trải qua một số kinh-nghiem về đàn ông, đã thấy mình chuyển biến theo kinh-nghiem đó. Về ngần ngợ như đọng trên mặt Oanh từ hồi còn nhỏ và bây giờ vẫn nguyên vẹn Oanh là một người lớn có sự thiếu náo của trẻ con.

Buổi tối, kiểm thảo rồi đốt lửa trại. Một thước củi lớn được chất thành giàn ở giữa sân, than nỏ lép bép bắn lên khỏi ngọn lửa những đốm đỏ sẫm nhỏ li ti. Tiếng guitar giậm giật. Tiếng vỗ tay nhịp đều chạy vòng tròn theo những bóng người ngồi nghiêng ngả. Sau lưng trại sinh, bóng những nóc lều thẫm màu. Giảng không quen đời sống trại, bỏ vào nằm trên mấy cái bàn kê sát nhau trước một cửa kho. Giảng đốt thuốc liên tiếp nghĩ đến những khó khăn sẽ gặp phải. Gần ba ngàn người và hàng mấy chục loại đồ dùng, thực-phẩm khác nhau. Giảng có cảm tưởng không bao giờ mình có thể phát hết ba lớp học chứa đầy nhóc tặng phẩm.

Anh Tư ở dưới sân bước lên ngồi xuống cạnh Giảng.

— Thầy mệt sao ?

Anh hỏi. Giảng đưa gói thuốc cho anh.

— Ai mà không mệt. Nhưng tôi không quen đời sống trại, khó có cái vui quên mệt của anh em.

Anh Tư cười:

— Tôi nói đâu có sai. Thầy vô đây thế nào cũng được giữ được chức lớn.

— Càng « chức lớn » càng mệt.

— Vậy mà tụi tôi có muốn cũng không được.

— Anh muốn làm chi ?

Anh Tư im lặng. Đốm lửa thuốc cháy sáng từng chớp tỏ sáng bóng cái sống mũi gãy. Giảng thấy ngại ngại. Dường như mỗi lần anh Tư kiểm Giảng đều có chuyện. Giảng không muốn thêm một lần nghe lại những câu hỏi han giả tạo, giọng điệu lúng túng vụng về của anh. Giảng chặn trước phòng hờ :

— Nhức đầu quá anh Tư. Buồn ngủ quá trời.

Anh Tư cười thật yếu như biểu lộ một áy náy thụ-động. Giảng thở một hơi dài.

— Tôi nghĩ tối mình về ngủ nhà, biết đâu phải ngủ lại trại.

— Người ta có nói trước đó thôi.

Giảng bực bội, nhớ lại mình đã ái-ngại khi tưởng anh có bốn phật phải đi cồ-dộng. Nơi anh Tư mỗi biểu lộ là một thái quá và mâu thuẫn. Giảng chắc anh cũng chẳng thiết chi ngủ ở nhà với đám con nheo nhóc nhưng anh vẫn phải lẹ về ấy nấy. Trước mặt người khác, anh như đã có thói quen tỏ ra mình là kẻ thiết thời. Giảng bật cười và nghe rõ tiếng cười của mình. Giảng như vẫn âm thầm khó chịu về anh Tư từ khi vào trại. Ý nghĩ xấu về anh đã tước lột hết của Giảng lòng tội nghiệp hôm gặp anh ở nhà.

— Tôi cũng biết điều đó chứ không na. Nhưng mình tưởng tối đến, mình có thể « dù » về với vợ con. Ngờ đâu họ canh chừng nghiêm ngặt hơn cả trại lính. Tội mấy đứa nhỏ quá, tối đến mẹ chúng đi bán, có ai ở nhà đâu.

Giảng lãnh đạm :

— Nếu anh thấy kẹt chuyện nhà quá, mai về đại đi. Họ không làm khó dễ mình đâu mà lo.

Anh Tư gãi đầu soạt soạt. Giảng chắc các móng tay đều bám cát và da đầu anh thật khô.

— Tôi nói vậy thôi, chứ mình làm sao về. Mình về, anh em lại cho mình chịu không thấu việc nặng nhọc, bỏ anh em.

Có tiếng cười như một sự liễu lĩnh nổi lên. Anh Tư ngồi sát lại Giảng hơn, cúi xuống, thấp giọng :

— Tôi còn phải ở lại để nhờ thầy thương giúp cho một chút. Tôi cũng tản-cư, có cực kém hơn đồng bào ở đây đâu.

Giảng dụi nát màu thuốc lá vào tường. Giảng đã hiểu tất cả. Anh Tư đã biết chắc Giảng sẽ « làm lớn ». Nhưng anh đã làm một điều. Những người « làm lớn » đâu có phải là những người muốn phát sữa, gạo, nước mắm, áo quần... cho ai cũng được. Những câu nói trước khi anh Tư nói rõ ý muốn của mình, làm Giảng khó chịu vì cảm tưởng giả tạo ngấm chứa ẩn ý. Bây giờ ý đó phơi hân ra rồi, Giảng chỉ còn thấy ái ngại. Anh Tư trước mặt Giảng chỉ còn là một người nghèo đói với những điều xấu do nghèo đói gây nên. Mọi rắc rối đã hết, chỉ còn mỗi một điều đơn giản đó. Nhưng trước một điều quá tầm thường, đơn giản, Giảng không thể tránh thái độ quanh co của Anh Tư như trước. Làm như vậy khác chi Giảng cố tình quay lưng vào lời cầu xin của anh. Nhưng Giảng cũng không thể nhận lời như thế hoàn cảnh anh ở dưới cái mức cực khổ của những người sẽ được lãnh tặng phẩm để Giảng phải bớt xén của họ và đáng cho Giảng có hành động của một người gian tham.

Và đáng phàn nàn hơn cả, Giảng không thể giúp anh vì là một trại-sinh. Một trại-sinh đương nhiên phải giữ kho thực-phẩm của đồng bào cho toàn vẹn như giữ danh-dự chung của cả trại. Anh Tư kiêm một mình hai vai trò. Vai trò một người cầu xin sự giúp đỡ và vai trò giúp đỡ những người cầu xin. Anh đã ngờ có Giảng, mình sẽ đóng cả hai vai trọn vẹn.

— Mình đã lỡ ngủ ở trong lều, ngồi bên đống lửa, mang cái nón, ăn cơm bằng cái đĩa của trại-sinh, kệt rồi, anh Tư.

Giảng nói. Anh Tư nài nỉ :

— Tôi cũng biết điều đó lắm thầy. Nhưng vợ con mình nó lỡ kệt quá mình đành thuyết phục vậy biết sao ?

Giảng ngơ nhác. Anh Tư im-lặng chờ đợi. Anh như tin với giọng của mình, dù nói những lời thế nào, Giảng cũng hiểu anh đang cực khổ và cần cầu xin giúp đỡ.

Giảng toan trả lời «Anh về lều đi, chuyện đó còn tùy» nhưng lại ngần-ngại. Cảnh nghèo đói như đống cỏ khô chỉ cần một lời hứa hẹn vu vơ như một mầu thuốc lá lẫn lóc bên đường cũng đủ bốc cháy ngọn lửa tin cậy. Còn gì để dành cho bữa ăn ngày mai, còn gì trang điểm cho lòng xấu hổ để phải sợ lương gặt. Còn có vùng nghĩa-địa nào mình đánh hơi thấy mùi da thịt mình như vùng đất mình đang đứng, để đôi chân phải chùn bước trước những con đường tương-lai. Giảng loay hoay, thân thể nằm yên mà như ôn lại những cử động trong ngày, nhức nhối và mỗi một. Giảng nhòm vãy bảo anh Tư :

— Trời đứng gió quá. Xuống sân đi vung vẩy một hồi chõ khuấy khỏa, anh Tư.

— Thầy mệt, thôi thầy cứ nằm nghỉ đi.

Anh Tư vừa nói vừa đứng dậy, bước xuống sân. Anh đi về phía đống lửa. Bóng anh nổi đậm trên mầu hồng ửng. Tiếng guitare giậm giật. Tiếng vỗ tay nhịp đều chạy vòng tròn. Anh Tư lẫn vào những bóng người ngồi nghiêng ngả. Giảng mong một ngọn gió và thêm một giấc ngủ.

Đó là thế cờ đầu tiên Giảng kh'ng giải được trong những thế cờ đồn-dập xảy ra sau này. Nỗi bất lực dần dần cô đặc trên mặt Giảng sự trai dạn. Giảng không còn thì giờ, hơi sức để từ chối một cách khéo léo những cầu xin, năn nỉ. Đầu tóc, mặt mũi Giảng thường xuyên bê bết cám, bột bắp, quần áo Giảng mang mùi ẩm mốc của bao bố đựng gạo. Giảng làm việc và thấy mình cô đơn lạ-lùng. Giảng từ chối tất cả, mất lòng tất cả để lùi dần vào đám dân rách-rưới đang tiến lên từ từ, tiến lên từ từ nuốt lấy Giảng.

Sau buổi tối gặp anh Tư, Giảng còn một buổi sáng để sửa soạn trước khi phát tặng-phẩm đã hết còn ý nghĩa lành lặn của danh-từ. Giảng hiểu chữ tặng-phẩm như một hồi ức về tất cả những bộ mặt bao quanh mấy cửa kho.

Buổi sáng hôm đó những bao gạo xin thêm đã được chở tới kho. Một ông trại-sinh già thấy Giảng nhĩa mình cõng bao gạo bước lên mấy bậc gạch bằng vể khâm-phục, lúc quay trở ra, cười nhếch nhác vỗ vai Giảng :

— Vậy không có một bằng hồi dạy học đó nghe.

Giảng mời ông một điếu thuốc, ông lắc đầu, vừa bước lại sau xe gạo, vừa tiếp :

— Bao gạo đặt xuống đất xong, mình nhẹ người. Dạy học, hết còn dạy tại nó nữa vẫn còn thắc thỏm.

Xe gạo đi khỏi, một con bé chui qua hàng rào thép gai vào trường, lăm lét nhìn mấy người cảnh sát ngồi ở ngoài cổng, rồi lật đặt đặt cái thúng nhỏ, ngồi thụp xuống bên mấy bậc gạch nhặt vội những hạt gạo. Lúc ngừng lên thấy Giảng dựa vào một trụ cột nhìn xuống nó hơi hải nhỉnh môi cười. Giảng đã quen nó và nó biết gặp Giảng, cười một cái là xong. Nó lê trên đất thiết mau với cái thúng bên mình. Những hạt gạo đỏ rải rác rơi vãi, lăn vào đất cát làm nó lúng túng. Những ngón tay nó như hai cái mỏ chim thoăn thắt mò những cái bã mía, mảnh giấy, cục sỏi khỏi chỗ gạo vãi. Bằng hai bàn tai khum nó thu gọn lại trước thúng một đồng cát lăm tằm những hạt gạo rồi hốt vội vào, ngừng lên nhìn Giảng, chạy biến ra hàng rào.

Từ ngoài cổng, ông Trưởng-chỉ cảnh sát có tháp-tùng cùng Trại-Trưởng đi vào. Bụng ông ta lớn, bao súng trẻ xuống che kín miệng túi quần. Trại Trưởng bảo Giảng đưa chìa khóa, mở kho cho ông ta vào ngắm, gật gù và chỉ trỏ. Mấy người tháp tùng tay chống mạnh cũng ngắm cũng gật gù cũng chỉ trỏ theo theo. Bỗng dừng Giảng nổi-giận. Giảng bỏ sang phòng ban quản-trại. Những nữ trại-sinh đã bó xong hai bao bố quần áo. Bao thứ ba đang được khui. Quần áo lòi ra tới đâu bụi bay ra tới đó. Trông đám con gái ngồi bao quanh đồng quần áo đủ màu sắc sỡ. Giảng vừa thấy hay hay vừa thấy gớm ghiếc. Cả ngàn manh quần tằm áo chỉ cần có một bộ của một người bệnh nào đó cũng đủ khiến Giảng nhìn tất cả như những đồng giẻ truyền bệnh. Nhưng trong cả ngàn manh quần áo đó, biết đâu chẳng có một bộ đồ của một thiếu-nữ nghĩ đến một người nghèo khổ nào đó ở một miền đất lạ nào đó, sẽ mang một chút hơi hương của mình.

Giảng đề ý thấy bên mỗi người nữ trại-sinh có một đồng đồ lật vạt. Một chiếc khăn voan mềm mại, một cái mũ màu sắc-sỡ, một manh sơ mi, một đôi vớ... Giảng lập lại câu nói lúc bắt đầu :

— Các chị nhớ đề ý một chút. Những người ra vào chỗ này cũng có thể lượm một cái cà-vạt, một manh áo mang ra ngoài dùng chơi, đồng bào người ta kêu, mang tiếng tất cả.

Mấy người con gái đưa mắt cho nhau. Giảng hơi ugrọng vì mình đã không nói thẳng, bảo họ không được quyền lấy. Lúc này Giảng lại giận mình-hảo huyền nhậⁿ lời nhập trại, tưởng sẽ làm vừa lòng anh Tư cồ-động. Nỗi tình cờ dãn dặt Giảng tới đây vẫn làm Giảng ân-hận.

Oanh nói bằng giọng :

— Đồ này nhiều thứ dân quê họ không dùng được.

— Mặc họ mình chỉ có bốn phen phân phát, còn họ muốn dùng thế nào tùy họ. Bắn khoán chi cho mất công.

— Nhưng nhiều khi mình cũng phải phát đồ hạp với sự cần dùng của họ chứ. Lẽ nào lại phát cuộc cho thợ rèn, phát đe cho người làm nông ?

Một giọng nói nhặt thếch từ cửa sổ nổi lên rồi tắt ngấm, như bắt hụt lời trao đổi giữa Giảng và Oanh. Giảng cười bảo người trại phó ngồi ăn xôi trên cửa sổ :

— Đây tôi nói về quần áo, có nói về cuộc xẻng búa đe đâu, anh Ích ?

Ích nuốt miếng xôi vừa trắm vào câu nói trống trãi của mình, nheo mắt :

— Quần áo cũng vậy. Mình phải phát cho hợp lý. Người nào thức nấy họ mới hết kêu ca, phàn nàn.

Giảng cười nhặt, dựa vào bàn cúi chằm một điếu thuốc. Ích sống trong trại như đề đề nghị xây dựng biến thành những lăm nhăm đông dài. Nhưng Ích không đề nghị, Ích không được người khác chú ý. Cũng như nếu không nheo gầy đuôi con mắt, không bấu môi kéo dài hai kẻ mép, những lời Ích nói thành nhặt thếch, trống trãi. Giảng biết Ích từ hôm thấy Ích khăng khăng không nhận chức trại phó vì lẽ trong sơ đồ thành phần ban quản trại, không có tên Ích. Giảng biết Ích có tình với Oanh từ lúc đi kiểm cơm ăn. Ích nói những lời vừa rồi có thể vì thói quen, cũng có thể vì ngờ Giảng đã nói với Oanh những lời như trách cứ.

Ông trưởng chi cảnh sát và đoàn thám tùng coi xong mấy kho, sang phòng các nữ trại sinh làm việc ngó vào. Ích nhảy xuống giẫm trên đồng quần áo ra bắt tay ông Trưởng chi. Những người nữ trại sinh che mặt tránh bụi.

— Ở đây chắc có bạn cồ-động ?

Ông Trưởng-chi hỏi. Ích gật :

— Dạ có.

— Sao không thấy hoạt động cho dân chúng họ hiểu đây là một việc làm tốt của chánh phủ ?

Ích phát một cử chỉ toan nói. Một người cảnh sát giọng lai Nam Bắc đã nói trước :

— Tôi có thấy cồ-động. Nhưng dân chúng họ không hiểu gì hết. Yêu cầu ban cồ động nói rành mạch hơn cho họ hiểu.

Ông Trưởng chi nhìn đồng quần áo cười, nói với trại-trưởng :

— Nhiều đồ sang trọng quá, ở Saigon chưa chắc đã có.

Ich cúi lượm một áo pardessus dạ còn mới :

— Chiếc áo này bây giờ mua hai ngàn chưa chắc đã được.

Ông Trưởng-chi rờ tấm áo, lật coi phía trong gật gù :

— Tôi có biết mấy anh em làm việc trong chi. Họ cực quá, xin anh em giúp họ ít bó quần áo ?

Ich cười :

— Vâng, Đề chừng nào sổ sách làm xong chúng tôi sẽ liệu giúp.

Ông Trưởng-chi chào mọi người quay đi. Ich vào bảo Giảng :

— Ông Trưởng-chi vừa trách ban cổ-động không biết làm việc. Tối nay kiểm thảo mình nên đưa vấn đề này ra đề anh em tự xây dựng :

Giảng ngáp :

— Ai cũng muốn phê bình, lấy ai làm việc bây giờ. Ban cổ-động có kêu dân chúng sáng nay tới đây linh tặc phẩm đầu sao ở ngoài cổng vẫn có người quang gánh ngồi chờ.

— Ông ta vừa nhờ mình giúp mấy người trong chi ít bó quần áo.

— Hôm qua mấy người trong chi lại đây gác cũng muốn xin thùng dầu về trộn xà lách nhậu. Tôi cảm ơn họ tới giúp mình và đã từ chối. Họ cũng thông cảm vai trò của mình.

Những bao bố quần áo xếp dần. Những bó quần áo chồng chất mỗi lúc một cao. Những đồng nhỏ đồ lật vạt bên mấy người con gái mỗi lúc một nhiều. Đã đến lúc Giảng thấy họ cố ý không hiểu mình. Giảng chỉ vào một đồng :

— Mình buộc lẫn những thứ này vào. Đề riêng như vậy phân chia không được đều,

Một vài người đẩy đồng đồ bên mình vào đồng quần áo. Giảng thấy một cánh tay vùng vằng mạnh hất tung mấy chiếc vớ sặc-sỡ. Mấy người khác vẫn yên lặng gấp quần áo. Oanh cười nhợt nhạt :

— Mấy cái này có đáng là bao. Anh cho tụi em về làm kỷ-niệm,

Giọng Oanh Giảng nghe thành thật nhưng Giảng thấy khó hiểu. Giảng cười

— Thực ra mấy thứ đó chẳng là gì cả. Dân họ không biết dùng, cũng thành vô ích. Nhưng mình gắng giữ gìn một chút thì hơn. Càng những vật nhỏ mọn càng dễ làm họ có chỗ phàn nàn mình.

Giảng gọi một trại sinh nhỏ tuổi vào khuôn đở mình quần áo sang nhà kho. Mùi vải cũ lẫn mùi bụi bặm hắt trên những bó quần áo ôm trên người làm Giảng

hắt hơi liên tiếp. Giảng nhằm tính, mỗi gia đình không được một bó. Quần áo có lẽ đề phát phự, cho những nhà đông con và các người già cả tật nguyền.

Oanh giơ một chiếc cà vạt lụa màu đỏ vẫn đen sáng rực rỡ :

— Anh coi. Nhà quê họ lấy cà vạt làm chi ?

— Đề treo vông.

Giảng đáp, thấy ngượng vì mấy đồng đồ lặt vặt vẫn còn bên mấy người bưng bình, vì mình đã hết ngôn ngữ đề ngăn cản họ. Giảng lại nghĩ đến nỗi lăm lờ của mình về anh Tư. Giảng nhớ đến mấy người có thân hình thấp bé như mình. Những người đó vì bị ám ảnh về thân hình của mình đã nói lớn hơn tiếng nói bình thường, đã cố gắng nhiều để có một địa vị khá, Còn Giảng, thấy thân hình mình như là nguyên nhân tỉnh cả nể, ư tội - nghiệp vật. Nếu không có bộ mặt khô đần, không có đôi mắt nhìn xoáy vào mặt người đối-diện, Giảng chắc mình không bao giờ ra nổi một mệnh lệnh.

Một toán trại sinh lên mượn búa về bõ củi nấu cơm, ừa vào phòng lấy mỗi người một thứ mang lên mình, cười giỡn ồn ào. Giảng bảo :

— Anh em ra ngoài kia cho các chị ấy lấy chỗ làm việc.

Một anh đề nguyên cái cà vạt lụa lòng thông trước ngực bước ra theo các bạn. Giảng cản lại :

— Đừng mang ra ngoài đó mà đùa. Người ta dễ hiểu lầm.

Anh con trai thản nhiên :

— Đùa chi, thiệt đó chứ. Thấy hay hay xin đỡ về Sài.

Giảng vỗ vai anh ta :

— Không ồn đâu. Đề phát mà.

— Phát chi thứ này ? Dân quê đâu có biết thắt cà-vạt ?

Mấy người con gái nhìn ra. Thấy vẻ bưng bình của người con trai, họ cười đưa mắt chờ Giảng phản ứng. Giảng hết nén nổi bình tĩnh, dằn giọng :

— Dân quê họ không biết thắt cà-vạt nhưng họ biết nói mình ăn cắp cà-vạt.

— Ai ăn cắp cà-vạt ?

Anh con trai hỏi dồn. Giảng cười khô :

— Tôi không cãi lý với anh. Anh có định trả lại cái cà-vạt không ?

Anh con trai quắc mắt nhìn Giảng rồi tháo chiếc cà-vạt vứt vào đồng quần áo, hậm-hực bước đi. Giảng nghe có tiếng nói từ trong đám trại sinh :

— Mỗi đứa nó để một đồng ở bên cạnh, sờ sờ trước mắt mà không dám nói gì.

Giăng lấy búa cho họ rồi quay vào bảo mấy người con gái :

— Họ vừa mới kêu rêu về mấy chị đó.

Mấy người con gái gạt trả lại đồng đồ, trừ Oanh có vẻ ngạc-nhiên, không ngờ Giăng lại gay gắt tới mức đó.

Oanh vẫn như không hiểu nỗi duyên do thúc đẩy Giăng quyết liệt như vậy. Nhìn Oanh. Giăng như nghe Oanh nói « Có gì đâu mà anh làm to chuyện ? Anh không phân biệt được lòng ham thích với tình tham lam sao ? Tôi đi trại, tôi lấy mấy thứ này liệu có đền bù được nỗi vất vả của tôi không ? Anh không hiểu nỗi tại sao tôi muốn lấy mấy thứ này đâu. » Giăng chỉ có thể tưởng tượng ra những tiếng nói đó để cắt nghĩa về khó hiểu của Oanh. Oanh vẫn khư khư giữ lấy đồng đồ. Nhưng khuôn mặt xanh xao không hề lộ một vẻ bướng bỉnh hay bức tức.

Từ này tới giờ. Ích vẫn yên lặng ngồi hí hoáy biên chép. Chốc chốc Ích lại ngừng lâu nhìn Oanh rồi lại cúi xuống.

Giăng chợt nghi ngờ. Hay Oanh tin Ích sẽ nói giúp ? Nhưng Ích vẫn làm thình. Giăng bước lại gần Oanh, thấy giận mình và tất cả. Trong cuộc giằng co, những thứ lật vạt này đã hạ tâm-hồn cả hai bên xuống thật thấp. Oanh nói như chỉ đủ cho Giăng nghe, giọng vẫn thành thật :

— Em ngờ đi trại ít ra cũng kiếm được cái áo về cho cháu bé, biết thế này, em ở nhà cho xong.

Giăng nghe rõ từng nhịp thở của mình, lặng yên nhìn Oanh gạt vào những manh áo nhỏ, một đôi vớ đeo lưng lẳng những quả len tròn trĩnh, một cái khóa thắt lưng bằng đồng, một cái bao tay đựng đủ các loại cúc màu, một cái mũ lưỡi trai nhung đen.

— Tôi sẽ có quà, dành cho cháu bé.

Giăng nói, quây quả bước ra ngoài. Còn đứng thêm chút nữa, Giăng còn tỏ thêm cảm-động vật của mình, còn thấy ngượng với anh Tư.

Sau lần thử thách này, sự trai dạn của Giăng mới thực sự thành hình. Giăng hiểu mình không thể thối lui trước công việc mình đã bắt tay vào do một sự tình cờ. Đám dân rách rưới đã ngấp-nghé sau lưng Giăng.

(Còn tiếp 1 kỳ)

Y UYÊN

TÚY-KIỀU Ở ĐỒNG-NAI (3)

Xin xem BK.TĐ. từ số 209

TÚY-KIỀU với ĐẠI-CHÚNG

THUẦN-PHONG NGÔ-VĂN-PHÁT

Từ Phan-Thanh-Giản (1796-1867) đến Nguyễn-Văn-Mai (18 ?-1943 ?), Túy-Kiều ở Đồng-Nai, nếu không nói theo giọng bình dân, là đã quen nước quen cái, thì cũng đã gây được nhiều phong-trào trong giới nho ta và trong giới nho tây. Tập Kiêu, vịnh Kiêu và giảng Kiêu đã là những thích thú mới lạ cho trí thức Đồng Nai và đã vang dội rộng xa ra đại chúng. Trong lúc những bôn Kim Vân Kiêu chữ nôm của Duy-Minh Thị còn chuyển tay các cụ đồ nho về chiều, thì những bôn chữ quốc-ngữ của Trương-Vinh-Ký lan truyền ra lớp học chữ Tây và gặp mặt những bôn bình-dân của các nhà in Huỳnh-Kim-Danh, Nguyễn-Văn-Viết, Lê-Mai, Phạm-Đình-

Khương, Phạm-văn-Thành và Tín-Đức Thư-Xã ở trong tay những ông già, cô gái vừa đánh vần, vừa ngâm-nga.

Cuộc phồn thịnh, hoàn toàn do sáng kiến cá nhân và nhờ cố-gắng tư-nhon, lần hồi lan rộng, đi từ thành-thị đến thôn-quê, trước khi đường sắt xuyên Đông-Dương đi từ Hà-Nội đến Sài-Gòn (1936). Thật vậy, hồi thuở ban đầu :

*Nhà-Bè nước chảy chia hai,
Ai về Gia-Định Đồng-Nai thì về.*

trong lúc Đồng-Nai đương ra sức kháng chiến :

*Chê tre bện sáo cho dày,
Ngăn ngang sông Mỹ, có ngày gặp nhau*

người ta đã véo von hát trên sông quanh dưới ánh trăng thanh giữa hai hàng dừa giao du âu yếm :

*Trọng xa Kiều hoài vọng tư lương,
Tù tui xa người nghĩa, vọng bốn phương
loan phòng.*

*Đêm khuya nước mắt ròng ròng,
Vì tui nhớ chữ loan phòng còn xa.
Làm sao hiệp mặt đôi ta,
Đặng tui báo hiếu mẹ cha bên mình.*
(HÁT HUÊ TÌNH)

Chữ hiếu của chàng rề, lạ thay, được đề cao trong chỗ quê mùa; có lẽ phải chất phác và chơn-thật như anh bạn nhà quê, mới quan-niệm được chữ hiếu của chàng rề Kim-Trọng.

Thông thường hơn, bạn gái thôn-quê quan-niệm ái-tình một cách đoan-chánh, vì ở Đồng-Nai người ta không chấp nhận chế-độ đa thê. Nên khi hai bên trai gái gặp nhau, sau khi đối-đáp gần mãn sông lúc chàng trai ước lời kết nghĩa :

*Đền chong phòng hạnh biếng xem,
Phải chi trời định, anh với em vợ chồng.*
CÂU HÒ

thì bạn gái phải mở cho khéo tay; trong cảnh ngộ này phải nhắc thói xử sự của Thúc-Sanh đối với Túy-Kiều thuở nọ :

*Thân em mỏng mảnh,
Quê cảnh lạ lòng,
Thuyền duyên mong sáng anh hùng,
Lại e như Kiều nọ bạn cùng Thúc-Sanh*
CÂU HÒ

Bạn trai lập tức kêu gọi Kim-Trọng, chàng trai si tình và chung tình, đồng thời bạn trai còn kích bác Sở-Khanh :

*Cái lòng qua chắc thật,
Không phải bậc phong lưu.
Dốc cho trọn chữ hảo-cừu,
Ti như chàng Kim-Trọng không đỡ Sở-Khanh.*

Ở côi Đồng Nai, khi nói đến Kim Vân Kiều ai ai cũng liền miệng nhắc đến Lục Vân Tiên, chàng trai anh-tuấn của đồng chua nước mặn. Vì vậy trong cuộc hò trên đây, tiếp theo câu hò của chàng trai hẹn rằng mình sẽ là Kim-Trọng, chớ không phải Sở-Khanh cô gái liền nhắc đạo đức của nàng Nguyệt-Nga trung-hậu :

*Quân vì thần cang
Phụ vì từ cang,
Phu vì thê cang,
Cổ viết tam cang,*

Lòng em giữ trọn như vàng Nguyệt-Nga
CÂU HÒ

Đối lại với tam cang và Nguyệt-Nga, bạn trai tự nhiên phải viện đến ngũ thường và chàng trai họ Lục :

*Nhơn, nghĩa, lễ, trí, tín,
Thị vị ngũ thường.
Danh anh cũng dốc sánh bường (bằng)
Vân Tiên.*

Vì quan-niệm văn nghệ ở góc cạnh luân-lý, nên Kim Vân Kiều vào đất Đồng Nai chỉ được thưởng thức về phương-diện đạo-đức trong giới bình dân.

Túy-Kiều và Kim-Trọng nêu gương đa tình và chung thủy. Những nhơn vật khác tuy không có tánh cách điển-hình xác thật bằng những nhân vật của Lục-Vân-Tiên, song cũng được được nhìn bà con xa xa trong xã-hội Đồng-Nai, đối với một số trường-hợp.

Thúc-Sanh ở đây là một chuàng râu quặp, bị gian bầu quào xề mặt, trong lúc đó ~~vị~~ ~~chàng~~, Hoạn-Thơ, là con sư-tử Hà-Đông.

Đó là bốn nhơn-vật được tương-đối phổ-biến nhứt ở Đồng-Nai, từ Kim-Vân Kiều mới vào đây di chỉ ngày đường xe lửa xuyên Đông-Dương nối liền Nam Bắc. Cũng trong giai-đoạn đó, văn-chương KIM VÂN KIỀU cũng được thưởng thức từ đô-thị chí những đồng quê, bên cạnh bốn Lục-Vân-Tiên đạo-đức. Người ta lúc nào cũng trầm-trồ khen ngợi bề huê-mỹ của KIM VÂN KIỀU và cứ nói :

Ràng hay thì thật là hay !

Nhưng từ trong cửa miệng ăn trầu bồ bồ của bình dân, người ta không hề nghe tập Kiều, lấy Kiều hay xô Kiều với những câu, chẳng hạn :

— *Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu ?*

Người buồn, cảnh có vui đâu bao giờ ?

— *Vui là vui gượng kẻo là,*

Ai tri-âm đó mặn-mà với ai ?

— *Vầng trăng ai xẻ làm đôi ?*

Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường.

— *Có tài mà cậy chi tài,*

Chữ tài liền với chữ tai một vần.

Mà người ta chỉ hay chiết câu Kiều ra, để làm như những công thức, những tục-diệu, để mô tả những nhận-xét thiết-thật.

Đề vạch mặt chỉ trán bọn đầu trộm đuôi cướp khi chúng nó đụng độ với nhau, người ta cười :

Mặt cửa mướp đắng, đôi bên một phường.

Các ả tứ thời, bán mình cho thiên hạ, tức là các ả « nội trú » của Tú-Bà, được người ta mô tả sự « hành nghề » một cách tao nhã :

Đưa người cửa trước, rước người
cửa sau.

sau khi người ta mô-tả lúc các ả tập-sự :

Gái tơ mà đã ngứa nghề sớm sao ?

Rồi khi nào có một cô Túy-Kiều b ngã quì dưới gối của Hoạn-Thơ hay của Như-Lai, người ta chép miệng thở dài :

Tu là cội phúc, tình là giấy oan !

Đó âu cũng là một lối lấy Kiều, hay đúng hơn nữa, là một lối hăm Kiều, bởi ở Hà-Nội, cô đầu chào khách tom-chát bằng hai hay bốn câu Kiều thích-ứng, chẳng hạn như :

— Đề khen một khách sành điệu :

Trong trầu mấy mặt làng chơi !

Chơi hoa hồ dễ mấy người biết hoa !

— đề tặng một khách tri âm :

Thưa rằng : « Tâm-phúc tương cừ,

Phải người trăng gió vật-vờ hay sao ? »

— đề nịnh một tay hào-lớn :

Thưa rằng : « Lượng cả bao dung,

Tán-Dương được thấy mấy rồng có phen

Rạng thương cỏ nội hoa hèn,

Chút thân bèo bọt dám phiền mai sau. »

Trong đại-chúng Đồng-Nai, câu thơ Kiều bị chẻ hai đề « hăm », làm như câu tục-ngữ, trong lúc đó câu thơ Lục Vân

Tiên lại được đơn cử trọn cả một đời, thí dụ :

— Trai thời trung hiếu làm đầu,
Gái thời tiết hạnh làm câu trau mình.

— Trường bề nguồn nước, cội cây,
Công sáu ngàn trượng, nghĩa dày chín
trăng.

— Nhớ câu : «Kiến nghĩa bất vi»
Làm người đường ấy, cũng phi anh hùng.

— Nên rừng há dễ một cây,
Muốn cho có đó cùng đây luôn vẫn.

— Xưa nay mấy đứa vô nghì,
Dầu cho có sống, làm gì nên thán.

— Thấp cao vàng biết tuổi vàng,
Gặp khi lửa đỏ, vàng càng thêm xuê...

Vậy song song với Lục Vân Tiên, ở Đồng-Nai, Kim Vân Kiều đã gây được nhiều vang dội, từ luân-lý qua nhân-vật, đến văn-chương ; vang dội đó chứng tỏ rằng xứ nước mặn đồng chua vẫn có cái lưỡi biết nếm vị ngọt ngào và cái tai đề lọc hơi tao nhã. Đã nhiều nhiệt tình dành hẳn cho Kim Vân Kiều và cũng không thiếu nồng-hậu dành cho «phó sản».

Một bài «Kim Vân Kiều phú», 36 bài «Túy-Kiều thi-tập» và 22 bài «Kim Vân Kiều tập án», đó là ba phó-sản của Kim Vân Kiều, đã lục đăng ở cuối bản Kim Vân Kiều Truyện của Trương-Vinh-Ký. Chánh nguyên bản Kim Vân Kiều đã gây nhiều vang bóng, phó-sản của Kim Vân Kiều cũng đã gây nhiều ảnh-hưởng rộng xa, — rộng xa hẳn hơn nguyên truyện!

Bài bát cú của Phạm-Quí-Thích với ba mươi lăm bài Túy-Kiều vịnh tích, hiệp

lại làm «Túy Kiều thi-tập», có thể kể là tác-phẩm quan-trọng nhất, đã tạo sức hấp dẫn làng thơ Đồng-Nai, nên đã nuôi dưỡng được một phong trào vịnh Kiều trên năm mươi năm, giữa những thi đàn Bạch-Mai, Bình-Dương, Chiêu-Anh-Các Vinh-Long và Khổng-Tước (Gò Công). nhưng giới-tuyển giữa nhà nho với nhà quê bao giờ cũng phân biệt, nên ba mươi sáu bài «Túy-Kiều Vịnh Tích» đó chẳng qua sôi động trong cuộc phẩm bình thời-thể hơn tình giữa những nhà cầm viết, không lan tràn đến địa phận cầm cây. Bình-dân lại ưa thích Kiều-án và Kiều-phú, vì án và phú bấy giờ đặt đề theo nhịp điệu của dân-tộc.

Quả thật như vậy, hai mươi hai bài án của Nguyễn-văn-Thắng được người ưa thích, nên có người đồ theo và chỉnh lại cho hiệp với điệu Đồng Nai.

Bấy giờ (trước 1898) ở Đồng Nai có có lẽ không ai biết tác giả của hai mươi hai bài án đó là ai. Mãi đến sau này (1) người ta mới biết được ông quan Tham-Hiệp của Tỉnh Thanh-Hóa là Nguyễn-văn-Thắng (1803 — ?) tẩn-sĩ tam giáp khoa Bính Tuất (1826), đã làm những án đó ngay trong lúc bị cầm tù. Mỗi bài án là một bản lý-đoán trình bày nhân-vật, mô-tả đức tánh và hành tung của mỗi người, và phê bình một cách văn tắt. Có thể nói mỗi văn án là một tiểu-sử của một nhân-vật.

Tác-giả lên án cho tất cả hai mươi hai người từ Túy Kiều đến Giác-Duyên không bỏ qua Khuyển-Ứng hay họ Bạc.

(1) Theo Hoa-Bằng, tạp-chí TRI TÂN số 85, ngày 4-3-1943.

Bởi văn án là một loài văn mô tả và trọng-tâm vốn phải mô-tả, nên tác-giả đã biết dùng thể phú. Lời văn của một tấn-sĩ đời Lê, ắt không có chỗ nào bị một kẻ văn-bối dốt nát chỉ-trích, và câu văn của một bài phú rất linh-dộng, chỉ có cần hoan-ngình. Ở đây chưa phải nơi bình luận những bài án này, mà chỉ cần nhận thấy rằng tác giả cố giữ cú-pháp vững-chãi : các thể văn vần đều được áp-dụng, khi đơn độc trong liên song quan, khi hỗn-hiệp trong liên hạc-tắc. Thí dụ :

1) Câu tứ tự :

Hiếu tình có một,

Tài sắc gồm hai. (Túy-Kiều án)

2) Câu lục ngôn :

Song mà còn chút khả ngờ,

Váy phải cho nên chưa quyết.

(Hoạn-Thơ án)

3) Câu thất ngôn :

Thế oanh liệt quanh sông nhầy uối

Súc tung-hoành lở đất long trời.

(Tì-Hải án)

4) Câu bát tự :

*Trong năm năm vùng vẫy nghiệp bá
vương*

Du trăm trận ra vào tài trí dũng
(Tì Hải án)

5) Câu cách cú :

*Giơ tay trắng gọi anh hùng bốn
bề, thét lưới gươm cắt muôn đội tì hưu ;
Thổi đất bằng rầm sóng gió một phương,
đá chơn ngựa xé nằm tòa thành quách.*

(Tì Hải án)

6) Câu hạc tắc :

*Trên tiệc để ai cười nước mắt, còn
là tiệc rượu lại còn nổi thuyền quyền ; Bên
phòng xui kẻ khóc chiêm bao, còn bề tờ
cung, lại còn tra nét mặt.*

HOẠN-THƠ ÁN

Cả hai mươi hai bài án đó có thể gọi là phần kết tinh của cả 3254 câu thơ của Nguyễn Du, cũng như ba mươi lăm bài vịnh tích của thi-sĩ Khuyết Danh họ. Các nhà thơ Đồng Nai trước đây ắt đã nhận định đúng như thế, nên đã rán sức phổ biến những hột ngọc kim cương kia, bằng cách sao lại tất cả hai mươi hai bài án đó và điều-chỉnh giọng văn cho thích hợp với giọng Đồng Nai.

Sự điều chỉnh đã thấy rất cần, vì ở Đồng Nai người ta đã quen với giọng phú bình dân hơn với giọng phú bác-học (1) Giọng phú bình dân đòi hỏi một mạch thẳng thét trong câu văn; nếu có phâa nhịp là để mạch văn tiến tới đường thẳng. Còn giọng phú bác học có khi cắt đứt mạch văn ra nhiều vế, làm cho mạch văn dường như vấp nhằm chướng ngại, để tiến mạnh hơn lên, sau bước ngập-ngưng. Vả lại câu phú bình dân nhờ gieo vần lưng (yêu vận) mà có tánh hấp-dẫn hơn. « Túy Kiêu án » của Nguyễn Văn-Thắng và Nguyễn-Liên-Phong là hai điển hình của hai thể phú bác học và bình dân :

(1) X. Xem GIẢNG VĂN ĐỆ TAM của Thuận-Phong, về PHÚ, từ tr-28 Sài-Gòn nxb Á Châu 1958, và x, xem các án khác trong TÚY KIÊU Ở ĐỒNG NAI sẽ xuất bản

TÚY KIỀU ÁN

(của NGUYỄN VĂN THẮNG)

*Hiếu tình có một**Tài sắc gồm hai**Hoa ghen thắm, liễu hờn xanh
ngọc trắng gương trong nền quốc sắc**4- Cá mè vẩn, chìm đắm khúc,
non cao nước chảy bạc thương cung
Gái thuyền duyên đã đáng chứa nhà vàng**6- Sắc tài nữ cũng nên trao thức ngọc
Tranh thủy mặc bốn câu ba vắn,
khách chung tình rồi ruột động miền tây
8- Thơ đoạn trường một vẽ mười bài,
Bạn tri kỷ giạt mình nhường giải nhất*

Trong khi lưu hành bản án về Bùi-Kiểm, Võ-Phi-Loan của LỤC-VÂN-TIÊN, hai mươi hai bài « Túy-Kiều án » đó truyền bá trong đại-chúng song chưa được đến cùng-cực, dầu cho Nguyễn-Liên-Phong đã chỉnh đốn lại ít nhiều. Nguyên-nhân có lẽ là những bản án là những bài phê-bình, đi sâu vô chi-tiết, đi sâu vào đời sống của tất cả bao nhiêu nhơn-vật mà bình-dân chỉ cần biết có một ít mặt điển hình, như Túy Kiều, Kim-Trọng, Hoạn-Thơ và Thúc-Sanh. Bình-dân chỉ cần biết đại-khái, cần biết một ít nét chánh trong bước lưu-lạc của Túy Kiều, cho nên một bài tóm-tắt

(của NGUYỄN-LIÊN-PHONG)

*Thảo thân trọn một,**2- sắc tốt nghiêng thành**Hoa thua thắm liễu hờn xanh,**Mặt trắng da thanh màu bạch cúc.**Cá mè vẩn chìm đắm khúc**4- Non cao nước đục bạc cung trang
gái thuyền duyên đã đáng chứa nhà vàng.**6- Sắc tài nữ cũng nên ban thê bạc
Đề ba vắn nơi bức tranh thủy mặc
Khách chung tình xao xác động niềm
thương
Vịnh mười chương trong thập thủ đoạn
trường
8- Bạn tri kỷ khiêm nhường cho giải
nhất*

truyện Kiều sẽ được nghinh-tiếp. Do đó bốn TÚY-KIỀU PHỮ, chưa biết do ai đặt ra, chỉ biết do Phụng-Hoàng-Sang và Võ-Thành-Ký phiên âm ra quốc-ngữ, đặt vào tay mọi người một bức tranh thâu hẹp cuộc đời của nàng Kiều, có công dụng lớn lao là đưa nàng Kiều vào mọi nơi và mọi giới.

Ai ai cũng biết :

*Nàng Túy Kiều là con Viên ngoại
Lúc sanh thành ở tại Bắc-Kinh*

và :

*Kiều thương Trọng tấm lòng đào đi,
Trọng thương Kiều tác dạ bưng khuâng.*

nhưng thương thay họ đã hẹn hò nhau rồi phải chia lìa nhau, vì tình-tệ xã-hội phong-kiến.

Trong bài TÚY-KIỀU-PHÚ, tác-giả tóm-tắt những động-tác trong KIM VÂN KIỀU từ lúc thanh-minh đến hồi đoàn tụ, nghĩa là giới thiệu nàng Túy Kiều với người bình dân một cách mộc mạc. Tuy nhiên, người ta nhận thấy tác giả cố ý trách Từ Hải đã nghe lời Túy Kiều mà đầu hàng Hồ-Tôn-Hiến và đặc biệt hơn là tác-giả đề-cao chí khí anh-hùng của Từ-Hải:

*Bởi nghe tiếng thiếp đêm khuyên ngày dõ
Trung kìa tròn, kiêu nọ đang chàng?
Nghe lời Kiều, Từ thất cơ binh,
Dẽ đâu Hải lăm tay hạ-sĩ?
Gái quốc-sắc khiến anh hùng phải lụy,
Lâm trận đồ hà úy từ tham sanh.
Bác hương Hồ-Tôn-Hiến phục binh
Xạ từ tại Lâm-Tri thử-xứ.
Anh hùng từ, khí hùng nào từ?
Vững như tròng, như trụ kinh thiên.
Kiều than Từ không xiết lụy liên;
«Bởi nghe tiếng thiếp nên ra thế ấy!
Từ Vương ôi! Duyên tường vậy nào hay
đâu vậy?
Tám lòng này phải quấy ông trời hay.
Duyên thắm duyên chưa mấy mươi ngày,
Nghĩa mạn nghĩa tôi còn mang ơn đó.
Tiếc là tiếc trăm trận oai võ,
Nay chàng khác như ngọn đèn sao dưới
gió,*

*« Uổng là uổng năm năm công khó,
« Chừ giả như giọt nước chảy dòng sông,
« Lời tôi khuyên chồng té ra lẽ tôi gạt chồng'
Mặt mũi nào tôi còn đứng trong vòng
trời đất. »*

Trong một bài phú chừng 500 câu mà tác giả đề hai mươi câu cho Từ-Hải thì rõ là tác-giả nặng lòng với những chàng anh hùng cái thế. Và lại trong đoạn này tác-giả dường như tập trung hết khả-năng bút-pháp của mình, khiến nhiều câu đã được phổ biến trong mấy mươi năm qua, như câu:

— *Gái quốc-sắc khiến anh hùng phải lụy,*
được đặt lại vào miệng của Hồ-Tôn-Hiến:

— *Cơn quốc-sắc như con sóng lượn,
Mặt anh hùng như chiếc thuyền cày.
— Anh-hùng từ, khí hùng nào từ !*

Trừ những câu ấy là xuất-sắc nhất và được tất cả miền Đồng-Nai nói với nhau mỗi ngày trong mấy mươi năm. Bài Túy-Kiều Phú đặt theo thể phú bình dân, tức là thể vè, mà câu phổ biến gồm sáu hay bảy tiếng. Tác-giả không chăm chú vào tự pháp và cú pháp như tác giả, khuyết danh, của bài Kim Vân Kiều Phú đăng trong bản Kim Vân Kiều Truyện của Trương-Vinh-Ký. Bài sau này viết theo nhiều thể văn biến ngẫu, bút-pháp dường như cao-kỳ, tiếc thay sao chép lại có nhiều sai suyền. (1). Vì

(1) X. xem tron] Túy-Kiều ở Đồng Nai sẽ xuất bản.

những khuyết điểm quá nhiều mà bài Kim Vân Kiều Phú này không hề được phổ biến ; trái lại bài kia, bút pháp non kém hơn nhiều, lại được toàn thể xứ Đồng-Nai thuộc lâu.

Ở xứ "ngàn năm văn vật", "từ xưa đến nay, không có quyền chuyện nào phổ thông cho một nước bằng chuyện Kiều, từ bậc tài cao học rộng cho đến người tri thiên học sơ, từ bậc khuê các giai-nhân cho đến con sen, con đò, ai cũng xem, ai cũng đọc, ai cũng ngâm-ngã, mỗi người đọc một cách, hiểu một cách, thích một cách.

"Nhiều người đọc đến đem ra làm vật dụng hằng ngày : người ta mừng nhau bằng Kiều, khóc nhau cũng bằng Kiều, khen nhau bằng Kiều, mĩa nhau cũng lại bằng Kiều, truyện Kiều là sách đồ, chuyện Kiều là sách bói . . .

"Người ta lại còn dùng truyện Kiều đề bói, cũng như bỏ quẻ, xem giờ, cũng có câu niệm, câu khấn :

« Khấn chư vị

Thúy-Kiều, Thúy Vân,

Vương - Quan, Kim - Trọng,

Ông Bà Viên Ngoại,

Từ-Hải Giác-Duyên

Sống khôn chết thiêng

Xin về ứng quẻ ;

Thấy hoa đèn bẻ

Thấy trẻ đèn chơi

Thấy quán đèn ngồi

Mau mau chóng chóng

Về giúp tôi quẻ bói (1)

Trong lúc ở Đồng - Nai, truyện Lục-Vân-Tiên được nói thơ, từ thôn quê đến đô thị, từ trí-thức đến dân-bà, thì truyện Kim-Vân-Kiều chỉ được nói thành bài phú : người ta không hề lấy Kiều, tập Kiều, hăm Kiều và bói Kiều. Túy Kiều ở đây không phải là một món đồ giải trí những cơn tửu hậu trà dư, cũng không dùng làm món thuốc lú bùa mê, khi tâm hồn khủng hoảng. Truyện Kim-Vân-Kiều là một bài luân-lý về Hiếu Tình, đến sau gương tiết-hạnh của truyện Lục-Vân-Tiên.

THUẦN - PHONG

NGÔ-VĂN-PHÁT

Kỳ sau : TÚY-KIỀU với

KỊCH TRƯỜNG

(1) Hoàng-Ngọc-Phách, Văn-chương và luân-lý chuyện Kiều, diễn văn đọc tại Hội Khuyến Học Bắc Ninh, năm 1935.

ĐÍNH CHÍNH

Trong BÁCH KHOA T.Đ. số 209, tr. 34, phần cước chú số (1) đã in sai là : « Gia Định Tam-gia v.v... », xin vui lòng sửa lại cho đúng là : Trịnh-Hoài-Đức (1765-1825) tác-giả những tập : Cẩn-Trai thi-tập, Bắc-sứ thi-tập, Gia-Định thông-chí, Lịch-Đại Kỳ-nguyên và Khang-Kế lục ; Lê-Quang-Định (1759-1813), tác-giả Nhứt-thống dư địa chí (1806) và Ngô-nhơn-Tịnh (?—1813) hiệp soạn sách Nghệ-An Phong-Thồ-Ký với Bùi-Dương-Lịch và trước tác Thập-anh đường thi tập. Ngoài ra những thơ của ba nhà ấy có khắc in thành bốn, nhan đề : « Gia-Định tam-gia thi. » Cả ba đều là môn đệ của cụ Võ-Trường-Toản.

(2) Nghĩa, tức là Bùi-Hữu-Nghĩa, tác-giả KIM-THẠCH KỶ-DUYÊN.

CÔNG ĐỒNG VATICAN II

và Tự - do tín - ngưỡng

NGUYỄN-NGỌC-LAN

Ý-nghĩa lịch-sử của một cuộc thảo luận.

Khóa IV Công Đồng Vatican II đã bắt đầu ngay bằng cuộc thảo-luận chung quanh vấn đề «Tự-Do tín-ngưỡng».

Cuối khóa trước, bầu khí Công Đồng đã đặc-biệt căng thẳng vì vấn-đề ấy. Đa số các nghị-phụ muốn bỏ phiếu chấp thuận trước khi ra về. Nhưng bất ngờ một số độ 200 vị đã ký kiến-nghị yêu-cầu hoãn việc ấy lại để tiện thì giờ suy nghĩ thêm. Ngày hôm sau tức là ngày 19-11-64, Hồng-Y Tisserand, đã lấy quyền chủ tọa tuyên bố phải hoãn việc biểu quyết. Ngay sau đó người ta đã chứng kiến một cảnh-tượng hi-hữu : theo lời một phát-ngôn-viên, thì Công Đồng bỗng thành huyền não như tổ ong. Bảy vị trong số mười vị thuộc Hội-đồng chủ-tọa đã bỏ chỗ ngồi và cùng rất nhiều giám-mục khác tự-động xúm lại từng nhóm một để bàn bạc sôi nổi. Rồi một

kiến-nghị yêu cầu cho biểu quyết ngay dự án «Tự do Tín ngưỡng» được chuyển tay với 441 chữ ký. Các Hồng-Y tên tuổi như Meyer (đã tạ thế mấy tháng sau), Ritter và Léger thân hành đem lên trình Đức Phao Lô VI. Nhưng xét rằng quyết-định của Hồng Y Tisserand phù-hợp với quy luật điều-hành Công Đồng nên Đức Giáo Hoàng đã không thỏa mãn kiến-nghị sau này. Do đó khóa III đã bế-mạc trong một niềm thất-vọng lớn lao.

Một năm qua, những người theo dõi Công Đồng hầu hết cho rằng việc hoãn biểu quyết là một điều hay. Dự án đã được sửa chữa đến hai mươi lần trước khi trở lại Công Đồng lần này với một hình thức sáng sủa, gọn ghẽ hơn và một nội dung đầy đủ, vững chắc hơn.

Trong phần nhập-đề, dự-án định nghĩa *«Tự do tín ngưỡng là con người không phải chịu một sự cưỡng-chế nào bởi những đoàn thể xã-hội hay bất kỳ một quyền-lực thế-tục nào. Không sự cưỡng chế là trong phạm-vi tôn giáo không ai bị bắt ép phải hành-động ngược với lương tâm mình cũng không ai bị ngăn-cản hành động theo lương tâm mình, trong đời sống tư và công cộng, với những giới-hạn thích-dáng»*.

Sau đó, dự-án trình bày các lý do của quyền tự do tín-ngưỡng. Một mặt là những lý do mà mọi người thành tâm đều có thể cảm thông được: dựa vào các quyền lợi cần cho con người sống giữa xã hội thực hiện phẩm-cách của mình. Mặt khác là những lý-do thể theo tinh-thần đạo chúa Kitô.

Cuối cùng là một kết luận nói lên tầm quan-trọng và tính-cách thích-thời của tuyên-ngôn về Tự-do tín-ngưỡng giữa thế giới ngày nay (trên 100 quốc gia đã ghi nhận sự Tự do tín-ngưỡng trong Hiến-pháp).

Kết luận này vô tình hay hữu ý đã nhắc cho người ta nhớ tại sao đa số các nghị phụ cuối khóa trước đã nóng lòng muốn biểu quyết ngay. Kiến nghị của 441 vị nói trên kia chỉ gồm có một câu này: *«Chúng tôi khẩn khoản, rất khẩn khoản hết sức khẩn khoản cầu mong Đức Giáo Hoàng quyết định cho dự-án «tự-do tín ngưỡng» được bỏ phiếu trước khi bế mạc khoá này ngõ hầu sự trông đợi của thế giới trong, ngoài Kitô-giáo khỏi phải thất-vọng»*.

Quả thế, Công-Đồng đã hiểu rằng thế giới quanh Giáo Hội làm sao tin được

thiện-chí đối thoại của người tín-hữu công-giáo nếu họ không có một thái-độ thích hợp đối với những kẻ không tin như mình? Sốt sắng quả quyết sự tự-do tín-ngưỡng, đa số các nghị phụ không phải chỉ thấy đáng trước mắt tình trạng Giáo Hội bị nghẹt thở trong các nước Cộng Sản, mà cũng nghĩ đến các giáo phái Thệ - phản đang bị «lép vế» trong một vài nước mệnh danh là «công giáo» như Tây-Ban-Nha Bồ-đào-Nha chẳng hạn. Phải quả quyết một thái độ không còn chút gì đồng lõa với tình trạng kia. Đừng để cho thế giới nghĩ rằng Giáo Hội chỉ tha thiết đến sự tự do tín ngưỡng chỗ nào và khi nào mình ở vào tình trạng thiểu số.

Hơn nữa, đó là một vấn đề mà con người thời đại rất quan tâm khi đã hiểu rằng sự tôn-trọng lương tâm kẻ khác là một giá trị căn-bản và là một yếu-tố cần-thiết của nền hòa bình chung. Nhân loại ngày nay sống gần nhau hơn bao giờ hết mà đồng thời gồm nhiều tôn giáo, ý thức hệ, ở bên nhau và chung đụng với nhau không một tôn giáo nào còn có thể thành nguyên tắc thu hẹp chính-trị, văn hóa về một mối được nữa. Đồng thời ý-thức tự-do, ý-thức dân-chủ, nhu-cầu đối-thoại càng ngày càng được phát-huy. Giữa cái bối-cảnh tiến-triển ấy, tự-do tín-ngưỡng đã trở nên một thành phần quan-hệ trong gia - sản chung của nhân loại. (Chỉ cần nhớ là năm ngoái ủy ban nhân-quyền tại Liên Hiệp Quốc đã cứu xét một bản dự thảo quy ước quốc tế về việc loại trừ mọi cổ chấp và kỳ-thị tôn-giáo. Bản dự thảo

ấy là kết quả một công trình nghiên cứu bảy năm trời).

Đề cao sự tự-do tín-ngưỡng, Giáo Hội đang góp phần củng cố bước tiến kia của ý thức nhân loại và đồng thời cũng đánh dấu một bước tiến quyết liệt trong chính ý-thức của mình. Công Đồng bỏ xa đằng sau những thế kỷ Trung-Cổ đã có những tổ-chức hay hành động cưỡng-chế về mặt tôn giáo không mấy tốt đẹp cùng với một số lý thuyết thần-học, luân-lý tìm cách biện-hộ cho các tổ-chức hành-động kia. Công Đồng cũng đã đi xa hơn những thành quả vừa hay vừa dở đã thu lượm được từ các cuộc tranh luận thế kỷ trước. Không còn chỉ nói là « khoan dung về tôn-giáo » (tôi dành đề mặc anh làm gì thì làm cho yên chuyện) nhưng lại đề-cao « tự-do tín-ngưỡng » (tôi muốn tôn trọng lối bước của anh vì tôi không bước thay

cho anh được). Đề làm như thế, Công Đồng có thể dựa vào nhiều tài-liệu rất rõ rệt của giáo-quyền (vd : diễn-từ của Đ.G.H. Piô XII trước các luật-gia Ý, thông-diệp *Pacem in terris* của Đ.G.H. Gioan XXIII, một buổi diễn-thuyết vào năm 1958 của Hồng Y Lercaro v.v...) và nhiều công-trình suy-tư, nghiên-cứu quan trọng của các nhà thần học công giáo. Một học-giả Anh-giáo như Ô. Caillo de Albornoz đã phải nhận định ngay từ năm 1961 ; Văn chương công-giáo bênh-vực nguyên-tắc tự-do tín-ngưỡng « từ nay nhiều và giá-trị đến nỗi không phải là nói quá tỹ nào khi quả quyết rằng cứ kể một sách hay một bài theo chủ-trương cũ (chỉ « khoan dung » vì cần cho trật-tự xã hội) thì có đến mười quyền hay bài đề cao sự tự-do tín-ngưỡng như một nguyên-tắc chung ».

Tôn trọng tự do tín ngưỡng là tôn trọng bản chất tín ngưỡng của con người.

Quả quyết sự tự-do tín-ngưỡng không phải là ngã theo « lãnh-đạm chủ-nghĩa, bất-khả-tri luận, thuyết duy-thực nghiệm, chủ-nghĩa tự-do, thuyết hiện-sinh » như Giám-mục Galarri (Ý) đã nặng tay tấn-cộng dự-án hôm 17-9 vừa rồi. Vì không bắt buộc phủ-nhận chân lý tuyệt-đối và nghĩa-vụ trường cửu của mỗi con người là hướng về chân lý, nhưng chính là đề cao hành-trình tín-ngưỡng này với những đặc điểm của nó :

1) *Đi về chân-lý là quyền tối thượng của con người.* — Chính đương kim Giáo-hoàng khi còn là Hồng-y Montini, đã tuyên-bố tại Công Đồng Khoá I, ngày 5-12-62 :

« Chúng ta phải quả-quyết một

quyền tự-nhiên và nguyên-khởi của con người mà cũng là một quyền trời cho : đó là quyền đi tới chân-lý, nhất là những chân-lý làm nền-tảng cho cuộc sống như những chân-lý tôn giáo. Đó là một quyền không ai có thể cản trở mà không thành bất công. Và một kẻ thành tâm (ở mọi phương trời tin tưởng) đều sẽ hiểu được điều ấy. »

Có quyền đi về như thế tất nhiên phải có quyền tìm kiếm. Cuộc tìm kiếm ấy, không ai có thể làm thay cho ai được. Người ta có thể giúp nhau một phần nào, nhưng bước đi khắc khoải, bước đi quyết liệt tìm về hướng sống, lẽ sống của mình là phần dành riêng cho mỗi người. Lương tâm là một cái gì bất khả xâm phạm, không ai nhìn thẳng vào được,

không ai xen mình vào được. Vì chân lý chỉ có nghĩa với tôi khi tôi được tự do ý thức và chấp nhận chân lý. Ép dầu ép mỡ, không một sức lực nào bên ngoài có thể ép duyên giữa con người với chân lý. Bao lực có thể khắc chạm một giáo điều trên trán, tâm lý chiến có thể « nhồi sọ » một khẩu hiệu, nhưng như thế chưa phải là gây được một lòng tin.

Cái quyền tìm kiếm kia càng quan trọng khi người ta nhận-thức tính cách độc đáo của chân-lý tôn-giáo. Chân-lý tôn-giáo không phải là thứ chân-lý trừu tượng như những mệnh-đề toán học. Nhận hay không nhận định-đề Euclide, biết hay không biết thuyết tương-đối của Einstein, không thay đổi gì nếp sống hằng ngày của tôi. Còn chân-lý tôn-giáo lại định-đoạt quan niệm về hạnh phúc, bắt tôi có một « thái độ » trước cuộc đời, trước cái sống, cũng như cái chết. Chân-lý tôn-giáo khiến con người « giác ngộ » hay « trở lại » với toàn diện bản thân mình.

Nói thế tức là cùng nhận định rằng chân-lý tôn-giáo đặt-biệt ở chỗ là một chân-lý toàn-diện và tuyệt-đối. Nó không chỉ đụng chạm đến một khía cạnh của sự-vật, của tâm linh, như các chân lý khoa-học, nhưng nó bao quát tất cả. Đã gọi là chân lý tuyệt đối, trước con người có hạn làm sao thấu triệt được hoàn toàn ? Cho nên chuyện đi tìm không dễ như đi học một chứng-nghiệm vật-lý. Đó là khắc khoải của cả một đời. Ngay cả kẻ đã « thuộc về » đạo này

đạo khác, nếu có chút ý thức, sẽ không bao giờ quên rằng : chính « đạo » vẫn còn là đường để đi tới mãi, đi lên mãi.

Vì không phải hề « có đạo » là « bỏ túi » được Phật hay Chúa. Con người ngụp lặn trong Đạo, chứ Đạo không thu gọn được ở trong con người.

Hành-trình tín-ngưỡng phiến toái như thế, khó khăn như thế, nên tôn trọng tự do tín-ngưỡng chỉ là tôn trọng bước đi của nhau. Tôn trọng cả những lối bước của kẻ khác mà mình có thể cho là chậm chạp, mò mẫm, lạch lạch. Vì, nhắc lại, không ai làm cuộc đời thay cho ai được, và mò mẫm là luật sống, chỉ tự mình đi tìm thì mới có giá trị đạo đức.

Riêng trong quan điểm Thiên Chúa Giáo, chân lý tôn giáo còn có tính cách siêu-việt, vượt quá tầm tự-nhiên của con người. « Không ai đến được với Ta, nếu Cha ta không kéo hẳn đến » (Yn 3, 21). Đức Tin là một cuộc gặp gỡ giữa hai tự-do. Tin là Tin ở Lời Chúa mặc-khải, nói lên tâm sự của Ngài. Đó là điều dễ hiểu trong một quan-diểm hữu-thần và hữu-ngã. Ngay giữa người với người, có khoa học nào lột trần được thâm tâm của anh trước mắt tôi, hay thâm tâm của tôi trước mắt anh ? Chúng ta có thể lộ tâm-sự với nhau, có tin ở tâm sự của nhau thì mới có được sự hiểu biết nhau. Thờ-lộ tâm sự hay Tin ở tâm-sự đều là những tác-động đặc-biệt tự-do : anh tặng không một nỗi lòng, tôi tặng không lại một niềm tin cậy.

Một khi đã nhận định là có Đấng Tuyệt Đối, người tín hữu hiểu rằng đời biết Ngài bằng khoa học hay triết lý

mà cho là đủ chỉ là cuồng vọng hay ảo tưởng Đạo, phía Thiên Chúa: lời mời của ơn huệ, phía con người là tiếng đáp của lòng Tin. Đức tin không ép uổng mà tự do, không có thể là hậu quả một cưỡng bách nào mà chỉ có thể là hoa trái của Tình Thương và phải sống bằng Tình Thương. Trong quan-điểm ấy, tôn trọng tự-do tín-ngưỡng là tôn trọng chính thực-chất của Đức Tin, tôn trọng sự Tự-do của Thiên Chúa và ngày giờ Ngài hẹn đón mỗi người — không biến Ngài thành một thứ máy tự động ... rửa tội —, và tôn trọng sự tự-do căn-bản của con người.

Do đó, Hồng Y Feltin đã từng tuyên bố trong một «Tuần lễ trí-thức công-giáo Pháp» :

«Với tư cách một giám mục, tôi bắt buộc phải chọn lựa và tôi đã chọn tự-do. Lý do của sự chọn lựa ấy không có tính cách ngoại lai và phụ thuộc : Giáo Hội không đòi tự do để theo thị hiếu một thời. Sự tự do ở trong cốt tuỷ Thiên-Chúa-giáo. Vì đức tin là sự gặp gỡ giữa một ơn huệ tự-do và một đón nhận tự do»

2) Quyền và nghĩa-vụ đi theo lương-tâm.

Lương tâm cá-nhân không phải là khuôn vàng thước ngọc tuyệt-đối. Lương tâm cá-nhân vẫn có thể xét đoán lệch lạc. Lịch sử cũng như kinh nghiệm hằng ngày minh chứng rằng con người vẫn «theo lương-tâm» mà làm đủ thứ chuyện bậy. Làm một cách thành tâm chưa hẳn là làm đúng. Bên trên lương tâm cá-nhân, phải có một mực-thước nào tuyệt-

đối hơn, đại đồng hơn là lẽ dĩ-nhiên, và mỗi cá nhân vẫn có nghĩa-vụ tìm kiếm, học hỏi để lương tâm càng ngày càng bớt chủ quan, thêm khách quan theo mực thước kia.

Nhưng thân-phận con người trong mỗi lúc hiện tại vẫn là phải hành động theo lương tâm của mình mặc dầu biết những giới hạn của nó. Ngay giáo-lý cổ-điển của Thánh Thomas d' Aquin mà cũng đã quả quyết điều ấy :

«Tránh tà dâm là điều tốt. Nhưng giả như lý-trí (lương tâm cá nhân) ngộ nhận xem việc tránh tà-dâm là điều xấu thì ý-chí mà tránh tà dâm cũng thành xấu. Cũng thế, tin Chúa Kitô là điều tốt và cần-thiết để được cứu độ...nhưng giả như lý trí cho đó là điều xấu, thì ý-chí mà còn theo Chúa Kitô cũng là làm điều xấu» (I-II,9. 19, a. 5).

Không mấy nhà thần học đã đi xa trên con đường chủ trương có chân lý khách-quan và đề cao sự tuyệt-đối của Thiên Chúa như Thánh Thomas. Nhưng cũng chính Ngài đã nhấn mạnh về nghĩa-vụ và quyền theo lương tâm một cách quyết liệt như thế.

Ba thế kỷ sau, Hồng Y Buoncompagni đã khẳng-khái tuyên bố với vua Phi-líp II nước Tây-ban-nha, năm 1565 : « Nếu Đức Giáo Hoàng đích thân truyền cho tôi làm một điều gì mà lương tâm tôi bài xích, tôi sẽ từ chối». Hồng Y ấy về sau là Giáo Hoàng Gregori XIII !

Đầu khóa Công Đồng này cũng như cuối khóa trước, những nghị phụ lên tiếng phản-đối dự án «Tự Do tín-

ngưỡng» cách khắt khe nhất, thường vẫn không ra ngoài một luận-điều : chỉ có chân-lý là có quyền lợi, sự sai lầm không có quyền gì cả. Như Hồng Y Ruffini đã tuyên bố ngay hôm, 15-9-65 : «Không được quên là không ai có quyền xa rời chân-lý... chỉ có một chân-lý và do đó chỉ có một đạo là đạo thật : cứ nguyên-tắc, chỉ đạo này có quyền tự do. Chính quyền có nghĩa-vụ bảo-đảm sự tự do của những kẻ theo đạo thật ..»

CỨ NGUYÊN-TẮC, vấn nạn của Hồng Y Ruffini vô-tình đã gồm sẵn câu trả lời. Chỉ có chân-lý là có quyền, nhưng đó là chỉ có thể là chuyện nguyên tắc. Còn trong thực tế của xã hội nhiều tôn giáo, ý-thức-hệ chung sống với nhau như ngày nay, trong thực-tế của con đường tìm kiếm mà mỗi con người phải suốt đời dẫn thân vào, ai mà chẳng phải hỏi như Philat ngày xưa : «Chân lý là gì ?» (Yn 18, 38). Và chính quyền nào

lại sẽ có quyền trả lời thay cho lương-tâm mỗi con người câu hỏi ngàn đời ấy?

Vả lại nói đến «quyền của chân-lý» là đặt một vấn-đề giả tạo. Như Hồng Y Bea, một trong những vị có công nhất trong nỗ lực đối-thoại các giáo-phái Thiên-Chúa giáo đã từng đáp lại vấn-nạn trên : «Sự sai lầm là một cái gì trừu-tượng. Cho nên sự sai lầm có quyền hay không có quyền không thành vấn đề. Con người mới là chủ-thể quyền lợi, cả trong trường-hợp sai lầm không tự tránh nổi... Con người có nghĩa vụ và có quyền theo lương-tâm của mình nên cũng có quyền được kẻ khác tôn-trọng sự tự-chủ tự-lập của mình».

(còn tiếp)

NGUYỄN-NGỌC-LAN

Kỳ tới : Tôn trọng tự-do tín-ngưỡng là trung thành với tinh-thần Tin-Mừng của Đức Kỵ-tô.

ĐÃ PHÁT HÀNH HẠN CHẾ

Một nghệ thuật đen trong mọi tác phẩm đen

VỖ

- một thăm trạng của tuổi trẻ
- một nhân chứng của giai đoạn lịch sử khốn khổ này
- tất cả tìm thấy chính mình trong tác phẩm của những tên :

phương tấn ★ nguyên thảo ★ lữ thứ ★ nguyên băng ★
yến nguyên thanh ★ uyên hà ★ xuân thảo

Thanh - Tâm - Tuyển

TRUYỆN DÀI

(khởi đăng từ BK 193)

CÁT LÂY

PHẦN THỨ HAI

3 Tôi xuống đồ, lộn trở về nhà. Đường xóm vắng, chỉ có trẻ nít được thả rong chơi lê lết ngoài sân cùng các thú vật thân quen : chó, mèo, gà, heo... Tôi mở cửa vào nhà không ai hay biết, có lẽ má và chị Lệ còn ở bên chợ. Tôi leo lên giường và ngủ liền một giấc nhẹ mát như bầu không khí chông chênh nắng gió ngoài vườn. Giấc ngủ gói kín buổi mai vừa qua vào trong một giấc mơ cảm xúc tan nhòa không hình ảnh. Tôi thức giấc khi nghe bóng tối tràn phủ lên thêm má tôi về hồi nào đang rón rén khép cánh cửa sổ trông ra vườn ở trên đầu tôi, còn chị Lệ bỗng con đứng cuối chân giường. Tôi nằm yên không nhúc nhích trong thế chờ đợi phản ứng, không rõ như thế nào, hết như kẻ tử tội nhìn thấy người ta sắp tới gần bắt mang đi hành quyết. Má tôi tưởng tôi còn ngủ say, tới đứng bên chăm chú ngó, tôi tưởng tôi như đã chết chỉ còn là một cái xác nằm đó mặc cho những người thân yêu vuốt ve ; chị Lệ thì tho với đứa nhỏ. Một lát hai người bỏ xuống nhà dưới, tôi nằm nghe như mình vừa cất được một sức nặng trấn áp trên cơ thể. Trong bữa cơm tôi nói với má tôi, cố sức dịu dàng : tôi bỏ học đi chăn, không lẽ tôi để má tôi nuôi hoài. Má tôi hỏi : tôi tính chăn việc gì, ở đâu. Chị Lệ chọc

nói tôi đi mần là phải, nhưng chắc chắn không ai mượn tôi quá một tháng. Tôi chỉ mỉm cười khinh bỉ không trả lời.

— Tôi tính ở luôn dưới Sài Gòn. Đi về mất công ..

Má tôi cúi mặt xuống chén cơm, bà hiểu rõ ẩn ý của tôi. Chị Lệ ngậm miệng không nói gì nữa. Tôi nghĩ tôi vừa quyết định một cách đột ngột ngoài ý muốn ; cái quyết định mở ra cho tôi tự do hoàn toàn. Không còn ai vướng víu ngăn trở tôi, tôi sẽ đi thật xa tới nơi chốn chưa hề biết rõ ... Cùng lúc ấy tôi đã biết chắc tôi không còn thể thối lui, chỉ còn tiến tới mãi. Mọi việc đến sau như phụ họa, như toa rập. Buổi trưa ấy chậm chạp, nặng nhọc những đám mây dùn ; không khí ẩm ướt như bị cơn mưa của trời xa hắt đến. Giấc ngủ khó khăn vì ý nghĩ bay lượn viển vông, tinh thần căng thẳng. Tôi như đã bị nhấc bổng ra khỏi những ngày cũ không còn một chút liên lạc nào, có thể ngủ vui, khi tỉnh giấc thấy mình ở chỗ khác nhưng tôi không thể nào chớp mắt được. Khi tôi trở dậy ra khỏi nhà đi sang châu thành, cơn đường ướt sau một trận mưa thoáng lúc nào không hay, trời dịu hiu mờ nhạt trên giòng sông êm ả.

Diệp gõ cửa, tiếng động như không thể nhập vào trong nhà trống. Thuận choàng dậy, nín nghe sự im lặng của giấc ngủ trưa hai bên hàng xóm. Chị sờ chân vào guốc, bước chuyển choáng chưa tỉnh hẳn, không bao giờ tỉnh, vào trong bóng mờ của gian nhà ngoài. Chỉ là những ảo giác, những ảo giác hiện thực ngân vang. Hiệp chẳng ? Anh trở về trước giờ hẹn, Anh trở về và chỉ anh cứu thoát được em. Hiệp cũng không làm nổi, không thể làm gì nổi. Anh cũng bị lừa nốt. Mặt bàn phủ khăn trắng, tiếng máy điều hòa không khí. Chiếc cốc nhỏ cầm một bông hồng thắm, Hiệp cười ngó tấm ảnh cầm trên tay. Đứa nhỏ mặc váy ngắn, ôm con búp bê đứng cao bằng nó, ngồi trên nền gạch bông bên một chiếc ghế đầu. Đó sự ngạc nhiên Hiệp hứa mang về cho Thuận. Một đứa con. Tội nghiệp đứa nhỏ. Nó không biết gì hết. Nó chỉ là kỷ niệm của một mối tình đã mất, một kỷ niệm Kim vô tình để cho Phương, Phương giữ như một dấu vết quá khứ, một dấu vết tô điểm về náo nùng của một cuộc đời. Nó chỉ là cái cớ cho Hiệp chạy đuổi theo những ý nghĩ thầm kín dấu diếm của mình, nó sẽ được tạo thành mối ràng buộc Hiệp và Thuận, mối ràng buộc giả dối. Diệp trả tấm ảnh nói và Phương cười ngật nghẻo, nàng hơi say. Họ ngồi trong phòng bọc kính, như trong một bồn nước nuôi cá. Hiệp nói cà rồn về cô gái Tàu hầu bàn, kể cho Phương nghe về Hàng Dnyen, buổi tối ở tỉnh nhỏ trước hiên nhà tối với ông già chờ chết và cô gái ăn hiện chốc lát. Hiệp không nói về Thuận nhưng Phương linh cảm thấy còn một người đàn bà nữa ở đâu đó trong buổi tối dong đèn. Phương nhắc đến buổi đi chơi

chợ Phiên dọc theo bờ sông buổi chiều, ngồi trên quán nôi và Hiệp trợn mắt dòm nàng. Trong lúc ấy, cánh cửa mở. Diệp nhìn Thuận xanh sao yếu đuối. Chị đau sao ? Thuận lắc đầu, vuốt mái tóc. Không, không sao, tôi hơi chóng mặt. Diệp nắm bàn tay Thuận lạnh giá : Chị đi nằm nghỉ. Không, không cần. Diệp đứng tựa trong khung cửa xuống sân chờ Thuận rửa mặt. Gian buồng trong tình khuất trống trải mọi vật đều thô sơ không ần dẫu. Diệp nghĩ mau : chẳng có gì hết, mọi sự đều yên ổn ngăn nắp, người ta có thể sống bình thản. Sự khuấy động là của tưởng tượng, tri tưởng tượng muốn trù lấp sự cách biệt nhưng chỉ gây sự chia lìa. Diệp nhất định bắt Thuận phải nằm lên giường và nàng nhắc ghế ngồi cạnh. Diệp bỗng nhận xét : Chị không ăn gì sao ? Thuận lập lại : Tôi mệt, làm biếng quá. Diệp hỏi : Chị ăn gì để em mua cho ? Thuận từ chối, nhưng Diệp không chịu : Em đi mua bánh mì cho chị. Thuận nằm lại trên giường, nghe cánh cửa ngoài hé mở, Tối phải đóng cửa lại, người ta có thể đi thẳng vào tới đây, sẽ không mở cho Diệp nữa, nhưng tôi đuối sức. Diệp sẽ trở lại, tôi sợ phải đối đầu với Diệp. Diệp sẽ lại hỏi : Chị thấy Trí thế nào ? Và tôi không còn dám trả lời : Trí được, đàn ông lắm. Tôi phải ngồi dậy đi đóng cửa, không thể ... Trí thế nào ? Tôi sợ cái cặp mắt dữ dằn muốn soi thấu những bí ẩn. Thuận soay trở trên gối như một người bị trói liệt bởi những ám ảnh. Thuận nghe tiếng chân bước vào nhà và chị nằm yên nín thở không lên tiếng. Tôi bước qua ngưỡng cửa, đứng im nghe ngóng động tĩnh một hồi, như không có ai trong nhà. Tôi ngồi ghế nhìn chiếc bàn máy nắp kín, gỗ đen bóng. Bỗng dưng tôi cất tiếng gọi khẽ :

— Chị Thuận.

Không một tiếng động đáp lời, tôi đành ngồi im. Không biết bao nhiêu lâu, Diệp trở về. Nàng đi mau vào nhà, bất ngờ trông thấy tôi, đứng khựng lại giữa lối, hỏi mau :

— Chị Thuận đâu ?

— Không thấy. Anh ngồi đây có cả năm phút không thấy ai ra. Cửa ngoài mở mà ...

Diệp bỏ mặc tôi, đi vô buồng trong. Tôi nghe tiếng Diệp kêu Thuận, có lẽ Thuận giả bộ ngủ say. Tôi lắng tai nghe cuộc đối đáp giữa hai người, tôi thực nghe thấy hay tôi tưởng tôi nghe thấy ? Thuận hỏi khẽ : Ai ở nhà ngoài thế ? Diệp hỏi lại : Chị không biết sao ? Trí. Không phải hai người nhắc đến tôi, lúc ấy tôi không còn là Trí, tôi ở ngoài thân tôi, tôi nghe rõ tiếng, thở và tiếng đập trong tim. Tại sao lại im lìm ? Hai người không nói gì thêm, họ nhìn nhau ? Một người

nằm và một người đứng bên. Còn tôi, tôi không thể vượt qua bức màn che ngăn hai buồng. Bỗng tiếng Diệp : Chị nên uống thuốc. Hay để em cạo gió cho. Thuận từ chối, chị bảo Diệp ra ngoài với tôi ; chị vẫn thường nằm buồng trong, cho phép chúng tôi trò chuyện ở buồng ngoài. Diệp cười rõ ràng : Chúng em chẳng có chuyện gì gấp hết. Tự ý anh ấy tới, em đâu có hẹn... Tôi tựa đầu vào lưng ghế, ngửa hẳn cổ ra sau, nhia mọi vật đảo ngược. Tôi muốn bóp cổ Diệp cho nàng nín tiếng, Thuận thở dài : Thế à... Diệp trở ra, đuổi tôi bằng giọng âu yếm : chị Thuận đau. Để em ở đây với chị. Tối anh gặp em. Tôi không tỏ một thái độ nào, không nói một lời, đứng dậy bỏ ra cửa, Diệp theo chân. Đến cửa, vẫn thấy tôi không nói gì, Diệp phải hẹn : Ở sau sau nhà thờ nghe anh. Tôi lập lại : sau nhà thờ, một cách lửng lơ như không, quyết định.

Tôi không nhớ tôi đã đi qua hết buổi chiều hôm ấy như thế nào. Những trận mưa cát nhỏ quăng thời gian trong thị trấn quaah quần mấy đường phố ngắn. Nơi này tôi lớn lên xa lạ với mọi người ; nơi này tôi sẽ rời bỏ không lưu luyến. Tôi nghe tưởng mình đã thoát xa hẳn lúc ấy trở về không còn nhận dạng nổi mình qua sự vật. Tôi đứng dưới mái hiên phố chợ, ngó cảnh đường buồn tẻ trong màn mưa xám. Mái tôi, chị tôi ở bên kia sông, ở trong những đêm khuya đồng ruộng vật vờ đến. Mưa ngớt, tôi ra ngồi ăn mì ở đầu chợ, đợi đến giờ hẹn với Diệp. Tôi nghĩ cũng nên từ biệt Diệp, từ biệt Diệp như chia tay với quá khứ, khép lại một cánh cửa không dẫn tới chốn mong ước. Tôi phải đi một mình, một mình thôi. Diệp ở lại trong thị trấn này, ở lại những ngày làm sẵn xếp chồng trước mặt.

Cơn mưa cuồng dữ đổ xuống cùng buổi tối. Tôi đứng nép vào một khoảng hổng bên vách tường nhà thờ. Nước chảy ồ ạt dưới đường thấp, khoảng đất cỏ lẫn với sỏi cát nhà thờ tưởng như có thể bị sụp lở. Cây cối vật vờ mịt mù. Tôi bị vây giữa đám mưa, không thể ra thoát để tìm nơi trú kín. Quần áo bị hắt ướt mem, da thịt bắt đầu gai lạnh. Tôi nghĩ Diệp không đến. Không ai ra khỏi nhà lúc này, người ta đóng chặt các cửa và quây quần bên nhau. Vùng hạnh phúc lạnh nhạt hằng ngày phút chốc nồng ấm hẳn. Diệp di chuyển thành hơi dưới ánh sáng yên tĩnh. Tôi hoàn toàn ở ngoài thế giới hạnh phúc. Giờ này gian nhà tôi có thể vào trở nên âm ướt lạnh lẽo, nước ngập tràn ngoài vườn đầy, ánh đèn biu hắt lung lay với ba bóng người trốn vào các góc kẹt không tìm thấy tiếng nói trao đổi. Chị Lệ cất tiếng ru, giọng hát của chị lơ lơ pha trộn điệu cải cách. Thuận vẫn còn nằm im trên giường, nghe gió lộng bên buồng chuối... Chị im lặng, im lặng mãi.

Hiệp không về, anh xập bầy của Phương hay của chính anh ? Phương cười như nắc nẻ : Anh không về được nữa, chẳng có đứa con nào hết nó chết rồi... Và Hiệp ngơ ngác đi lại trên căn gác gỗ trong ngõ hẹp tối. Lại sao không phải là anh yêu em ? Kim, anh sợ gì Kim. Em không sợ thì thôi chứ. Phương sai Hiệp, đóng các cửa nhốt hai người lại. Hiệp không mang sự ngạc nhiên nào về cho Thuận cả. Và Hiệp bật lên cười. Không làm gì hết, không nói gì hết, không cưỡng chống lại. Xuôi tay tự nhiên, thái độ vô vi đích thực của Lão Tử, đã có lần Hiệp biện giải như thế. Hiệp bỏ trống mình cũng như bỏ trống mọi người, không có gì đáng quan hệ cả. Thuận phải sống cuộc đời của nàng cũng như Phương. Cái chết cũng là một lời cuốn, Hiệp bỏ mặc Thuận cưỡng chống đơn độc. Em tự do, hoàn toàn tự do, nhưng em khiếp sợ. Anh có những nguyên tắc khiến anh bất lực. Đột nhiên lúc ấy tôi muốn gào lên một tiếng man rợ, tôi điên thực sự trong một vài giây phút nhưng tôi nghe rõ sự cằn cào từ ngực vụt tắt ngấm khi dâng đến cổ họng...

Nhưng Diệp đến, Diệp đã đến ướt lướt thướt trong áo choàng. Diệp đã đến ở ngoài sức tưởng tượng của tôi, nàng leo lên theo con đường mòn sau lưng nhà thờ, đứng ngơ ngẩn giữa quảng trường trống. Tôi bỏ chỗ ăn, chạy băng đón Diệp và chúng tôi dặt tay chạy trốn vào dưới mái hiên sau nhà chung. Chúng tôi đứng ngấp trong bóng tối rung chuyển vì gió, ôm giữ chặt lấy nhau không muốn rời. Diệp, Diệp... Tôi không biết làm gì hơn là gọi mãi tên Diệp. Và Diệp chúi mặt vào trong ngực tôi, lên mặt tôi, khuôn mặt ướt đầm lạnh giá, khi tôi ngậm lấy môi Diệp, tôi nghe vị mặn của nước mắt lẫn lộn với nước mưa. Tôi không hỏi một lời nào, tôi cũng bỏ mặt Diệp. Diệp đã đến, tôi biết và quyết định ngay chúng tôi bắt đầu một cuộc phiêu lưu tới cùng. Tôi không ngờ Diệp đã khởi sự trước tôi. Diệp nói :

— Một đám hỏi của em. Chúng ta sẽ bỏ trốn. Em quyết định rồi.

Tôi hỏi : «bao giờ ?» Diệp đáp : «sáng mai, không thể chậm được. Bây giờ em phải về nhà, từ chiều em chưa về nhà.»

Diệp nói thao thao về sự xếp đặt của nàng, trong chương trình của Diệp chỉ có cuộc bỏ trốn không có nơi đến và những dự tính tương lai. Tôi đứng im, nhìn thấy đôi mắt lấp lánh của Diệp trong bóng mờ như hai chấm sáng nhỏ thật xa vời ; một thoáng lóe lên sự hoài nghi nhưng tắt ngay theo niềm say sưa liêu linh của Diệp. Tôi không ngờ, không thể nào ngờ tới... Có lẽ chính lúc bấy giờ Thuận uống những viên thuốc ngủ. Ly nước đầy ngội lạnh như không khí nghe rõ trôi dần qua cuống họng lan khắp ngực và ruột. Viên thuốc đôi lúc vương vãi trong cổ xông lên vị nồng muốn làm ói. Thuận nằm xuôi thẳng chờ đợi. Chỉ một lúc vụt và thôi rồi hết. Hết những nín lặng, hết những thù nghịch, những ám ảnh. Anh về

vẫn còn kịp nhưng anh không về — Thuận thấy rõ tất cả mọi sự trong một màn trắng mờ ảo — Đèn không thắp và mưa tràn ngập tứ bề — Thuận nghe rõ tiếng chân tôi bước xuống hè, tiếng cửa đóng, Diệp quay vào. Diệp ngồi bên cạnh giường, đưa ổ bánh mì, Thuận từ chối. Diệp nói: «Em muốn hỏi ý kiến chị. Chúng em định trốn đi. Tại sao lại hỏi tôi? Chuyện ấy không quan hệ đến tôi? Tôi không thể nói như thế. Tôi không thể can ngăn, cũng không thể khuyên nhủ. Mỗi lời nói của tôi đều là một bản án với tôi. Nhưng cả sự im lặng này nữa, sự im lặng cũng bị lây nhiễm tội lỗi. Thuận chỉ có thể nói: Tôi mệt lắm, tôi có những chuyện của tôi cũng không giải quyết nổi — Tôi mệt lắm. Nếu Hiệp có ở đây, tôi không bỏ đi... Diệp ép Thuận uống thuốc, vị thuốc chua ngắt. Con nhức đầu mệt mỏi không bớt.

— Tôi biết là cô yêu anh Hiệp và cô nghi ngờ Tri...

Diệp xanh xám mặt mày, tay run rẩy nghẹn ngào. Tôi, cũng như Diệp, tôi cũng sợ mất Hiệp — Hiệp không là của ai hết, chỉ vì tôi đã làm và tôi phải gánh chịu — Nhưng lời nói đã làm xuất hiện những sự thực không thể bôi xóa được. Tội nghiệp Diệp. Thuận ngó Diệp như ngó đứa em gái của mình — Mối Diệp mím lại, mặt Diệp rắn đanh, mắt ngó sững không chớp. Thuận nhắm mắt một lúc lâu. Buổi chiều thì thăm ở bên ngoài trong cơn mưa thoáng — Không ai nói một lời. Diệp nghi đến tôi, thành hình dần trong đầu chuyển đi của chúng tôi — Lát sau Thuận hé mắt hỏi: Cô chưa về? Tôi không ngủ được. Hay cô mua dùm tôi ống thuốc ngủ.

— Chị không nên dùng thuốc ngủ. Hại sức khỏe.

— Tôi dùng quen rồi mà.

Diệp lại bỏ ngó cửa ra phố, đi như chạy cho kịp, mang về ống thuốc và nói:

— Nhờ quen họ mới bán. Chị hứa với em là chị không tự tử ấy chứ.

Thuận mỉm cười, lắc đầu. Diệp quanh quẩn, tránh mắt Thuận mưa trút đổ và Thuận bảo: Cô lại không về được rồi.

— Em về đề cho chị nằm nghỉ. Chị còn cần gì nữa không?

— Cô cho tôi xin chai nước lọc.

— Chị hứa với em là chị không làm bậy. Em có hẹn với Tri. Sợ bắt anh ấy đợi lâu.

— Mưa ướt hết.

— Em có áo mưa. Em còn phải về nhà thu xếp công chuyện.

Diệp mặc áo mưa, đứng giữa buồng. Thuận bảo:

— Cô đóng hộ các cửa không mưa tạt

Diệp đóng các cửa sau trước, rồi mới ra nhà ngoài. Gian nhà như dài rộng sâu hơn.; Diệp đứng thờ ngoài buồng khách.

— Chị còn cần gì nữa không ?

— Cám ơn cô. Cô lấy cái ống khóa trên bàn, lúc ra cô làm ơn khóa trái ở ngoài rồi ném chìa cho tôi. Anh Hiệp về anh có chìa khóa riêng.

— Chị Thuận...

Thuận ngửa nhìn Hiệp. Không phải lỗi tại tôi, cũng không phải tại Diệp .

— Tôi xin lỗi Diệp

— Chị Thuận, chị hứa với em là không làm vậy.

— Không. Diệp đừng nghĩ ngợi gì cả.

Diệp ném chiếc chìa khóa qua khe cửa, không nghe được tiếng rơi của nó. Và nàng bỏ chạy đến với tôi, qua cơn mưa lũ, bỏ Thuận một mình. Lúc mưa tạnh ngớt, trên đường phố khuya trắng, Diệp đi nép vào ugrời tôi, run rẩy. Anh hứa mai anh sẽ tới, anh đừng bỏ em. Anh bỏ em bây giờ em chết mất, em không thể sống nổi. Tôi chỉ nghĩ đến Thuận, Hiệp không về và Thuận đau ốm nằm liệt trên giường. Đợi Diệp đã vào nhà, tôi chạy mau trên các phố dốc. Tôi nghe tiếng giày dẫm lép nhép trên đường ướt, chiếc bóng lúc ẩn lúc hiện trước mắt. Trời đổ mưa, đúng lúc tôi đến trước cửa nhà Thuận. Tôi đứng nép vào tường thờ dốc một hồi, bên trong không một tiếng động khẽ. Tôi không hiểu gì hết, gõ lên cửa. Cơn giông khua át hết tiếng động, toàn thân tôi ướt lạnh. Tôi ghé miệng vào khe cửa kêu : chị Thuận, chị Thuận, mở cửa cho em... càng lúc càng kêu lớn như muốn át tiếng giông gió ngoài trời, Chị Thuận, chị Thuận, Trí đây... Tôi giọng lay các cánh cửa mỗi lúc một mạnh thêm, trong một cơn cuồng nỗ phát sinh không hay biết. — Chị Thuận, chị Thuận .. Tôi vừa gào thét, lồng lộn, đập vào cánh cửa, tôi điên thật sự lúc ấy. Không một tiếng đáp, chỉ có tôi bị vây kín bởi cơn giông thốc sau lưng và cơn điên cuồng khiếp hãi. Chị Thuận, chị Thuận, Trí đây... Cho đến khi mệt nhoài, tôi ngồi rũ gục đầu gối như con chó lạc trong đêm. Cơn mưa bắt ngát vỗ về những thổi thúc. Tôi đuối sức thờ hạo hèn Thuận nghe thấy chứ. Ruột gan chị cồn cào như xé, đầu óc loạng choạng rớt trôi trong cơn hôn mê. Chắc hẳn chị níu kéo những ý nghĩ nửa chừng phải buông bỏ. Hiệp, em chết, Trí, Trí không làm gì được đâu.., Chết như trong buổi sáng khi chúng ta qua bắc, ánh đèn xanh trên bến giữa vùng tối thăm rì rầm mênh mông của nước chảy và bờ bụi. Chết như cơn gió thổi xoáy ngoài vòm và tiếng hát lang thang... Chết như chúng ta âm thầm quyết định không nói thành lời... Trí, Trí, tôi cám ơn Trí, Cặp mắt hung dữ ấy, như lời dò hỏi như niềm an ủi, như sự khuấy phá... như chính là đôi mắt của nỗi chết hiện thời... Trí, Trí... Không có gì đâu... (còn nữa)

SINH HOẠT

LỄ KỈ NIỆM NGUYỄN-DU TẠI ĐẠI HỌC VĂN KHOA SAIGON

Chiều ngày 1-10-1962, trường Đại học Văn khoa Sài Gòn có làm lễ kỉ niệm đệ nhị bách chu niên năm sinh của Nguyễn-Du.

Đại giảng đường trường được trang hoàng tươm tất : có bài vị, có bàn thờ với bông tươi trắng, đèn sáp hồng, lư hương lớn. Người ta đề ý đến câu đối Nôm của cụ Thăm-Quỳnh : *«Phong tư tài mạo khác vời, muôn đời chưa quên, nhường treo giải nhất — Sau trước xa gần khen ngợi, trăm năm trong cõi, vẹn vẽ hòa hai»*, câu đối quốc ngữ của nhà thơ Đông-Hồ : — *Những đấng tài hoa giá ngọc càng cao trong buổi mới, Một thiên tuyệt bút cảo thơm lần đở nhớ người xưa và bức tranh lụa lấy đề tại ở Kiều, nhan «Thương nhau xin nhớ lời nhau» của họa sĩ Tú-Duyên tặng đoàn sinh viên Văn Khoa nhân dịp này.*

Ông khoa trưởng Nguyễn-Khắc-Hoạch nói về ý nghĩa buổi lễ kỉ niệm Nguyễn-Du là một thiên tài có kích thước to lớn khác thường mà tác phẩm đã ảnh hưởng đến mọi tầng lớp nhân dân. Hiện tượng lạ lùng này, khắp thế giới không nước nào có. Kỉ niệm người là một dịp để ta suy gẫm về thân thể và sự nghiệp của người trong lúc hỗn mang nhất của lịch sử để tìm lấy vài bài học : đó là bài học về cuộc sống vô cùng sôi nổi của người, bài học về nhân bản trọn vẹn (quân bình giữa lí trí và tình cảm), bài học về sự bồi đắp nền văn hóa dân tộc, bài học về khiêm nhường. Kỉ niệm người là ta tiếp tục nhen nhúm ngọn lửa thiêng để giữ trọn niềm tin ở dân tộc.

Kể đó, ông khoa trưởng làm lễ dâng hương, cử tọa đều đứng lên kính cẩn. Rồi cụ Thăm-Quỳnh đọc bài văn tưởng niệm.

Đến mục các giáo sư, học giả, nghệ sĩ phát biểu ý kiến. Linh mục Thanh Lăng hùng hồn đề nghị dựng tượng kỉ niệm tác giả Truyện Kiều tại công trường Chiến sĩ, và ông cho rằng Nguyễn Du dung hòa được tất cả các vẻ đẹp Đông-Phương.

Thi sĩ Đông-Hồ thân mật kể một câu chuyện của ngày xưa, chuyện một thư sinh cùng bạn bè, môn đệ làm lễ kỉ niệm ngày giỗ Nguyễn-Du giữa cảnh trời nước bao la, tại quê hương, một nơi phong cảnh hữu tình.

Học giả Nghiêm-Toàn đọc lại một bài điệu văn của một người thầy, cụ Bùi-Kỉ mà ông còn thuộc nằm lòng, bài điệu văn đọc trong buổi lễ do hội Khai trí tiến đức tổ chức, cách bốn mươi một năm, khi ông còn ngồi ở ghế sinh viên, mà dự lễ.

Nhà thơ Vũ-Hoàng-Chương tươi cười tuyên bố mình đại diện cho giới trẻ — “vì tôi cũng còn trẻ” — đề ngâm lên một bài thơ của mình nhớ Tố-Như, một bài thơ nói lên tiếng nói của bạn trẻ.

Nhà ngữ học Nguyễn-Khắc-Kham nhắc lại một ý xưa của Đào-Duy-Anh,

và mong được thực hiện lập hội nghiên cứu về Nguyễn-Du và tác phẩm của người.

Sau cùng, một sinh viên nói những dấu vết của Nguyễn-Du trong tâm hồn những người trẻ hôm nay. Lớp trẻ dưới ba mươi tuổi không đam mê, không tôn thờ Nguyễn-Du (họ trách Nguyễn-Du cố chấp, ích kỉ): nhưng họ kiêu hãnh về Nguyễn-Du, vì Nguyễn-Du là một phần của linh hồn dân tộc. Tóm lại Nguyễn-Du đáng *thương* chứ không đáng *yêu*.

Xen kẽ và kết thúc mục phát biểu ý kiến này, là phần trình điệu văn nghệ liên quan đến Nguyễn-Du: như ngâm bản dịch bài tựa truyện Kiều của Chu-Mạnh-Trinh, ngâm đôi đoạn trích trong truyện Kiều.

Tưởng nên ghi: cũng trong khuôn khổ những hoạt động về năm kỉ niệm Nguyễn-Du, trường Đại học Văn khoa sẽ tổ chức trong niên học 1965-1966 nhiều giảng khoá toàn niên về Nguyễn-Du, thuộc chương trình các chứng chỉ Văn chương Việt-Hán và Văn chương Quốc âm.

TUẦN LỄ KỈ NIỆM 200 NĂM SANH NGUYỄN DU

Từ 3-10 đến 10-10-1965, do bộ Giáo dục tổ chức. Gồm ba tiết mục: *diễn thuyết, triển lãm và đêm trình diễn văn nghệ.*

DIỄN THUYẾT

Sáng ngày 3-10, nhà Văn hóa được trang hoàng giản dị. Dưới bốn chữ “Quốc văn tinh đẩu”, có hai câu đối quốc ngữ:

Trăm năm tài mệnh than thân thể. Một áng thi văn rạng cổ kim.

Ông Trần-Ngọc-Ninh, tổng thư viên

Văn hóa Xã hội kiêm ủy viên Giáo dục đọc diễn văn khai mạc tuần lễ kỉ niệm. Ông cho đây chính là một dịp để «chúng ta nhận định lại địa vị của Nguyễn-Du trong nền văn hóa dân tộc. Và sánh với Hoa tiên, Cung oán, Chinh phụ ngâm, chúng ta thử xem Đoạn trường tân thanh đã đem gì cho văn học Việt, khác và hơn các đồng nghiệp đồng thời? Diễn giả cho rằng Truyện Kiều đã vượt lên trên cái quan niệm chật hẹp của những nhà nho cổ, cái quan niệm «văn chương luân lí», «văn chương giáo điều».

Trái hẳn với Chinh phụ, với Cung oán, Truyện Kiều cho ta thấy một sự thuần nhất, kết tinh của một tinh thần tổng hợp dung hòa cởi mở và linh động. Còn Văn tế thập loại chúng sinh phơi ra một khía cạnh khác của Nguyễn-Du, chứa nhiều tánh chất lãng mạng hăng say của tuổi hai mươi lăm.

Rồi ông kết luận :

«Đời sống tinh thần của Nguyễn-Du đã giải thích một phần nào cái địa vị đặc biệt, có thể gọi là độc đáo của Nguyễn-Du và Truyện Kiều, trong văn hóa và văn chương Việt. Ở Nguyễn-Du, đã thực-hiện sự tổng-hợp toàn bích của Nho giáo và Phật học, của con người tranh đấu, và con người siêu thoát. Vì thế mà, trải qua bao nhiêu cơn thử thách, hòn ngọc bích của văn chương Việt Nam vẫn toàn vẹn và mỗi ngày thêm trong sáng.»

Ông Nguyễn-Khắc-Hoạch, khoa trưởng Văn khoa nói lời ông đề «Nhận xét về kĩ

thuật Đoạn Trường Tân Thanh.»

Diễn giả nhận rằng tác phẩm này của Nguyễn-Du có những nét kĩ thuật truyền thống của các tác phẩm cổ điển Việt, đồng thời mang thêm những sắc thái mới mẻ và độc đáo của văn nghệ hiện đại.

Rồi ông tuần tự xét đến : 1) Kiến trúc toàn thể của Đoạn Trường Tân Thanh, 2) sự thống nhất động tác và cách «cắt» truyện, 3) vị trí của tác giả đối với truyện, 4) vấn đề không gian và thời gian truyện, 5) sự cấu tạo các nhân vật.

Truyện Kiều được bố cục chặt chẽ, cân đối, lấy cuộc đời một con người làm bản vị và đề cập đến một không gian có kích thước tương đối vừa phải. Cốt truyện chia ra ba phần : Hạnh phúc, Đau thương, Hạnh phúc tìm thấy lại». Nhờ ở ý hướng luân lí có hệ thống tăng bậc ở trong truyện mà động tác được thống nhất, cũng như hình ảnh đau thương triền miên của nàng Kiều ; và tác giả «cắt» truyện một cách khéo léo. Tác giả gần bó mật thiết với truyện. Kĩ thuật ở đây có cái gì rất gần gũi với kĩ thuật người kể chuyện bình dân. Khi tác giả đứng gần, khi đứng xa, như tấm gương lớn luôn luôn phản chiếu tâm hồn toàn thể nhân vật. Thứ tự thời gian được tôn trọng trong khi kể chuyện, và thời gian theo nhịp truyện có giãn điều hòa, vui buồn không quá lộ liễu; không gian Truyện Kiều gồm nhiều bình diện, ngọt ngào, bấp bênh, thỉnh thoảng có vài hẫ hẫ đảo yên tĩnh. Các nhân vật : Kim-Trọng,

Thúy-Kiều, Từ-Hải là hình ảnh của Nguyễn-Du : người nho sĩ, nổi đau thương và chỉ quật cường thất bại.

Riêng Thúy-Kiều có những nét cực kì linh động và cuộc chiến đấu của người đàn bà này có một cái gì bi đát, « và chính cái bi đát đó đã dựng nên nghệ thuật ».

Đây là đoạn kết :

«Những nhận xét sơ-lược về kĩ-thuật Đoạn trường tân thanh cho ta thấy kiệt tác đó vừa bắt nguồn từ truyền-thống văn nghệ quê hương vừa mới mẻ, «cách mạng», nghĩa là báo hiệu tương lai. Vì thế, Đoạn trường tân thanh tuy tuổi đời chông chênh nhưng vẫn mãi mãi trẻ, vẫn luôn luôn hiện hữu bên chúng ta, bất diệt và đẹp như một lời an ủi, như một niềm tin nâng đỡ chúng ta để cho sự nối tiếp trường cửu của thực thể Việt-Nam được thể hiện một cách hoàn toàn, nhất là trong những giờ phút khó khăn của lịch sử.»

oOo

Hồi 9 giờ sáng ngày thứ tư, 6-10-65, tới lượt thi-sĩ Đông-Hồ thuyết-trình về đề tài : « *Năm ba điều nghĩ về Truyện Kiều*. » Thi-sĩ đã chia 5 điều nghĩ làm 3 đoạn lớn.

1.— Nghĩ về hai sự-kIỆN quyết-định, cho một đời nàng Kiều. Sự kiện thứ 1 là sự kiện « *thằng bán tơ* » đã gây nên gia-biến cho nàng Kiều. Vì một biến-cổ không đâu nọ, mà nàng Kiều phải bán

minh qua đất Lâm-Tri. Đó là biến-cổ định mệnh cho một nửa đời người tài nữ Bắc-Kinh. Sự kiện thứ hai là người việc chiếc chuông vàng và chiếc khánh bạc ở Quan-âm-các. Hai món kim ngân này cũng kể như một biến cố thứ hai đã quyết định nửa đời còn lại của nàng Kiều. Theo thi-sĩ Đông-Hồ, thì đó là 2 sự kiện lờ-mờ, không phân minh, gần như phi-lí. Nhưng đó mới chính là thiên-tài độc đáo, là kĩ-thuật phi thường của Ng. Du; không nói rõ ra là để cho câu chuyện càng thêm khói-hương kỳ-ảo, càng để cho người sau bấn-khoăn nghi-ngợi, như thi-sĩ đã có năm ba điều nghĩ hôm nay.

2.— Điều nghĩ thứ 3 là nghĩ về hai nhân-vật tri-kỉ trong truyện Kiều. Thi-sĩ Đông-Hồ cho rằng : Kim Trọng, Thúc Sinh, Từ Hải đều không xứng là tri-kỉ của Thúy-Kiều mà chính Hoạn Thư, người tình-địch lợi-hại đó mới là người tri-kỉ của nàng Kiều. Và đối lại, nàng Kiều cũng rất là tri-kỉ với Hoạn-Thư. Tri-kỉ từ lúc bắt nhau cho đến lúc xa nhau. Hai nhân vật đó thật là tuyệt diệu kì thú trong tác phẩm Đoạn Trường Tân Thanh.

3.— Điều nghĩ thứ 4 là việc thể bồi trong Truyện Kiều. Thi-sĩ Đông - Hồ cho rằng Nguyễn-Du đã thi - vị - hóa và quan trọng hóa việc thể ước trong tác-phẩm của mình. Việc thể thốt trong truyện Kiều đã trở thành những cảnh nên thơ, và đã được nhắc đi nhắc lại nhiều lần, để làm tăng thêm sự kiện nhớ thương trong mười lăm năm luân lạc của nàng Kiều.

Kết luận bài thuyết trình, thi sĩ Đông Hồ nêu lên điều-nghi thứ 5. Thi sĩ nghi rằng truyện Kiều là "một khúc đàn đồng-diệu, là một cuộc gặp gỡ hòa hài của dân-tộc, cũng là một suy-tư thâm-trầm, là một cảm-thông tha-thiếu của giống nòi.

Truyện Kiều đã làm cho chúng ta rạo rức bởi tình máu mủ, cảm nhiễm bởi hồn thiên liêng của đất nước quê hương.

Sau cùng thi-sĩ ngâm câu đối của thi-sĩ, tập Kiều kể như là lời thề nguyện với tiền-nhân, dâng lên anh hồn người quốc sĩ :

— *Những đấng tài hoa, giá ngọc càng cao trong buổi mới.*

— *Một thiên tuyệt bút, cảo thơm lần đở nhớ người xưa.*

oOo

Buổi nói chuyện thứ ba, và cũng là buổi chót đề bế mạc tuần lễ kỉ niệm, do linh mục Thanh-Lãng đảm nhiệm, sáng ngày 10-10-65, với đề tài: "Nguyễn-Du như là một huyền thoại, hay thơ chữ Hán của Nguyễn-Du như là nhân chứng sự phản ánh cuộc đời hiện thực, kì quái của ông trong Đoạn trường tân thanh".

Diễn giả cho rằng mấy trăm bài thơ chữ Hán của Nguyễn-Du là "những gì đã xảy ra trong tâm thức kì quái của ông ở ngoài cái xã hội sa đọa mà ông phải gắn liền trong cuộc sống.

Bài thuyết trình của ông gồm có ba phần.

Phần thứ nhất là : Nguyễn-Du, một hiện hữu quái gở. Diễn giả lần lượt cho ta thấy 11 Nguyễn-Du : thi sĩ của bịnh hoạn, thi sĩ dưới sức dưới sức ám thị của tuổi già, thi sĩ của nghèo khổ, thi sĩ của tan rữa, thi sĩ của tha ma nghĩa địa, thi-sĩ của hốt hoảng, thi sĩ của tình yêu tuyệt vọng, thi sĩ si mê tiếng đàn tuyệt vời, thi sĩ của mọi niềm tin tưởng tôn giáo, thi sĩ kiêu hùng bị dất, thi sĩ của những điều trông thấy mà đau đớn lòng, và thi sĩ công tố viện kết án chiến tranh, đạo đức giả, bạo lực bất công trong xã hội.

Ở phần thứ hai, diễn giả chứng minh "Đoạn trường tân thanh là cuộc đời hiện thực, kì quái của Nguyễn-Du được chuyển đi vào trong tác phẩm sau khi đã sửa chữa nó, trá hình nó, hay thăng hoa nó mà thôi."

Diễn giả đề phần chót dạng giới thiệu Đoạn trường tân thanh như một hiện hữu ở giữa đời. Kiều không chỉ là một nhân vật trong truyện mà còn là đồng nghĩa với tác phẩm, với thân phận của tác giả nữa ! Rồi ông thuật lại Kiều đã gây nồn nao cho đời trong suốt hai trăm năm qua ra sao, từ thế hệ những người đồng thời với Nguyễn-Du, đến thế hệ 1820-1862, 1862-1913, 1913-1932, 1932-1945, 1945-1954 và thế hệ 1954-1964

Kiều từng bị tố khổ, bị toà án nhân dân kết án, bị hỏa táng, nhưng Kiều lại dẫu thai lại !

NGÊ-BÁ-LÍ thuật

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Con gái đọc sử

Bây giờ người ta dễ ý thấy độc giả chán tiểu thuyết mà ham đọc sử. Hoặc trình thám, kiếm hiệp, thần tiên, giả tưởng v.v... để giải trí, hoặc chuyện thực của lịch sử hân hoi đề học hỏi, chứ còn tiểu thuyết tâm lý, triết lý : chán ngấy rồi !

Năm 1964, ở Pháp có 50 loại sách bỏ túi, bán được 40 triệu cuốn. Về sử thì cuốn *Hồi ký* (Mémoires) của De Gaulle 700.000 cuốn, bộ *Lịch sử Anh quốc* Histoire d'Angleterre, của A. Maurois 100.000 cuốn, bộ *12 Césars* (Les douze Césars) của Suétone 100.000 cuốn...

Về các đề tài danh nhân lịch sử thì

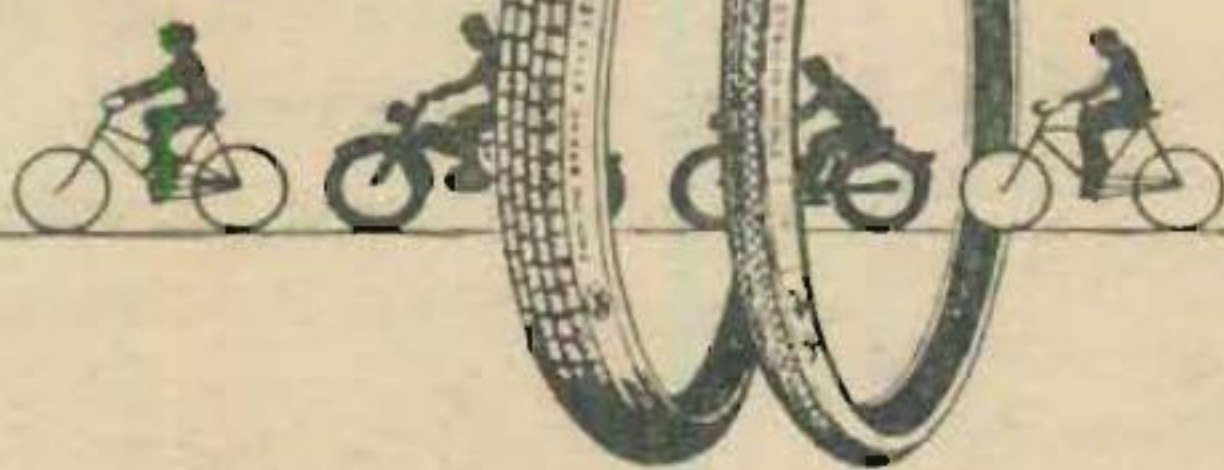
độc giả lớn tuổi (cả đàn ông lẫn đàn bà) khoái đọc những sách nói về các tay độc tài khét tiếng : Hitler, Napoléon, Staline sau đó mới tới những chính trị gia đại tài : Churchill. Đặc biệt con gái nhỏ tuổi ở Pháp thích đọc về ông già De Gaulle nhất. Hiện tượng gì mà bí hiểm vậy!

Như để chó con

Theo Le Corbusier (mà cũng là theo ý kiến Napoléon): Kẻ nào chỉ huy được trăm người xứng đáng làm đại úy ; nếu chỉ huy được năm chục người thì đáng được thăng lên đại tá ; còn kẻ có tài làm đại tướng là kẻ điều khiển được vài ba cộng sự thôi viên.

VỎ RUỘT XE ĐẠP, XE GẮN MÁY.

- CHỖ NẶNG
- LÂU MÒN
- GIÁ RẺ



TAM MÃ



HIỆU WHALES



MYLIEM

DUTACO

Le Corbusier cho rằng tư tưởng của mình nó lặng lẽ bắt nguồn và thành hình từ trong cõi vô thức âm u, nó không dễ cho lý trí phân tích, trình bày dễ dàng trước nhiều người. Le Corbusier thuộc vào loại kiến trúc sư đại tưởng. Tư tưởng của ông chỉ có ông nghiền ngẫm, không chia sẻ được với ai. Bởi vậy dù đảm trách những công trình vĩ đại, ông chỉ dùng rất ít người cộng sự. Mỗi khi ông định xây dựng một công trình gì, tiềm thức của ông nó làm việc rất lâu, từ tháng này qua tháng nọ. Rồi một buổi mai nào đó, ông không ngờ trước, tác phẩm xuất hiện, ông giờ bút vẽ ra. "Sự ra đời của một tác phẩm, đối với tôi, như thể là sự ra đời của một con chó con hay của một đứa trẻ vậy".

Ở Nga đất sét đã khô

Tờ *Sự thật* (*Pravda*) phỏng vấn ông Serge Pavlov, đệ nhất bí thư của Thanh niên cộng sản đoàn (Komsomol), về thanh niên Nga. Ông đệ nhất bí thư buồn rầu nghĩ rằng thế hệ thanh niên này đang xuống. Hỏi về nguyên do, ông cho rằng trách nhiệm là do Komsomolokaia hiện tượng, phi-chánh-trị hóa-thanh-niên đang mỗi ngày mỗi phát triển.

Thanh niên Nga xuống như thế nào? Nhật báo *Sự thật thanh niên* (Komsomolokaia pravda) đăng kết quả một cuộc điều tra, theo đó cái xuống dốc thể hiện như thế này. Được hỏi: "Chủ nhật vừa rồi cô cậu làm gì?" và "Lúc rảnh cô cậu thích làm gì?" thì 80% trả lời đã ngồi lơ mơ nghe Ra-dô hay xem vô tuyến truyền hình, 68% đọc nhật báo giải trí, chỉ có 3% thích hoạt động xã hội. Còn như những công việc

đòi hỏi sự cố gắng về tinh thần hay thể xác, như hội họa, làm thơ, viết, nhạc, tìm tòi về khoa học, thể thao v.v.. thì rất ít cô cậu tham gia. Đại đa số khoả tụ tập tán tỉnh nhau và tổ chức những cuộc nhảy nhót. Năng khiếu sáng tạo có vẻ bị tịt đi rồi.

Tờ nhật báo Nga trích đăng câu nói của Saint Exupéry: "Cái thứ đất sét đã dùng để nặn ra anh, nó đã khô và đã cứng rồi, không có gì trên đời còn có thể đánh thức dậy nơi anh người nhạc sĩ, thi sĩ hay phi hành gia đã từng ở với anh xưa kia".

Không có gì, kể cả chủ nghĩa Mác-lê?

Những năm con chó.

Günter Grass lại mới được dịch ra Pháp văn một cuốn truyện nữa, dày 560 trang.

Tên truyện, bản tiếng Pháp, là *Les années de chien*.

Nội dung là mối tình thân kỳ dị giữa một lực sĩ quốc xã Đức, Walter Matern với một nghệ sĩ Do Thái, Eddi Anmsel. Đức quốc xã với Do Thái, một bên là tội nhân một bên là nạn nhân, hai bên quần quít nhau trong một thứ tình quái gở "như giữa con đực với con cái", theo Jacques Cabau.

Cũng như *Le tambour*, *Les années de chien* được viết với một kỹ thuật độc đáo, bạo dạn, lạ lùng. Chuyện bịa xen với chuyện thực, mộng mị huyền thoại lẫn lộn với lịch sử, cái lỗ bịch hải hước trà trộn với cái bi thảm, con người có dáng dấp loài thú... bốn chân!

Vẫn theo Jacques Cabau, giả thêm vào sáu tháng và bớt đi trăm trang, cuốn tiểu thuyết này đã là một tuyệt phẩm văn chương

Đất sét ở Pháp.

Khi một đạo quân bị vây hãm, khốn cùng, tỏ ý muốn đầu hàng, thì người ta báo cho quân địch biết bằng một điệu kèn hoặc một điệu trống riêng. Điệu đó gọi là Chamade.

Trong cuốn tiểu thuyết mới nhất của Françoise Sagan, khi Antoine ôm Lucile thì quả tim chàng cũng đập theo cái điệu Chamade đó. *La Chamade* bèn được dùng làm nhan đề cuốn tiểu thuyết.

Nhưng quả tim của Antoine đập *La chamade* không lâu. Nó đập đấy rồi thôi đấy. Nhân vật của F. Sagan chuyên làm tình mà không thuộc nòi tình họ không biết chung thủy là gì : gặp dịp hay hay thì họ yêu nhau ít lâu, có gì hơi rắc rối họ liền bỏ nhau ngay. Cái rắc rối ở đây là ông già năm mươi tuổi, giàu có, cung cấp tiền cho Lucile. Tới giai đoạn tiền và tình bị đặt thành vấn đề, Lucile bèn chọn ngay tiền. Nàng không thích cái gì phiền phức. Hai năm sau nàng tình cờ có gặp lại Antoine : đôi bên gần như không nhận ra nhau, họ hoàn toàn đứng đưng.

Năm xưa, mới vào làng văn, cô gái Sagan tuổi vừa đôi mươi, trình diện với độc giả một nhóm bạn bè ăn không ngồi rồi không lý tưởng, vô trách nhiệm, không

nhiệt tình, sống dăm ba mối tình khơi khơi không sâu sắc ..

Năm nay, F. Sagan đã thành thiếu phụ ba mươi tuổi đầu. Nàng cũng vẫn thế, truyện của nàng vẫn thế, nhân vật của nàng vẫn thế, các mối tình của nàng vẫn thế.,.

Trời ! "Trai ba mươi tuổi" mới còn "đang xuân", chứ gái ba mươi tuổi thì còn gì nữa, mà cô nàng cứ kiêu đó mãi !

Hay là trong tâm hồn của thể hệ này không còn gì khác hơn sự đứng đưng vô trách nhiệm ấy ? Hỡi đáng Thợ Nặn Cao Cả, đất sét khô cứng khắp nơi rồi, Người không còn làm gì được nữa đâu Người thất nghiệp đến nơi rồi đấy !

9-65

TRĂNG THIÊN

ĐÓN ĐỌC :

Tiếng Ca Quê Hương

thơ phổ đức

Bìa và minh họa duy thanh

phát hành toàn quốc 1-III-965

NHÂN CHỨNG xuất bản



triade
antirhumatismale

CORBUTYL

traitement prolongé
des formes chroniques
ou subaiguës
des **rhumatismes inflammatoires**

2 à 6 dragées par jour
au milieu des repas

Flacons de 20 dragées
dosées chacune à :

Prednisone	50 mg
Acide acétylsalicylique	250 mg
Amodiaquine	20 mg

Tableau A

LSH

LABORATOIRES DE L'LSH 97, rue de Vaugirard - PARIS 6

LSH 4363